

TOÀN ÁNH

NHO SĨ ĐỒ VẬT



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Lời giới thiệu của TS TÔN NỮ QUỲNH TRÂN

Toan Ánh, là một tác giả lão thành, hay chính xác hơn, một nhà phong tục học có bề dày nghiên cứu, đã từng quen thuộc với độc giả Việt Nam cũng như độc giả nước ngoài qua các tác phẩm đượm màu sắc dân tộc như Làng xóm Việt Nam, Phong tục cổ truyền, Hội hè đình đám, Tinh thần trọng nghĩa Đông Phương, Người Việt đất Việt. Tác giả không hạn chế mình trong những công trình nghiên cứu, mà còn hoạt động trong lĩnh vực truyện ngắn như Sau lũy tre làng, tiểu thuyết phong tục như Ký vãng, Nho sĩ đô vật.

NHO SĨ ĐÔ VẬT được hoàn thành cách đây 15 năm, vào cuối thu 1980. Và nay, tôi được hân hạnh trực tiếp đọc tập bản thảo viết tay ấy. Nhìn tập bản thảo, tôi bồi hồi nghĩ rằng đây là một di vật lịch sử, giá nó có thể đến với độc giả trong nguyên trạng thì lại hay hơn. Giấy được tác giả dùng để viết là những tờ giấy nhỏ, cũ, được sản xuất tại miền Nam trước năm 1975. Một mặt giấy đã được in tóm tắt nội dung cuốn Hội hè đình đám II của chính tác giả. Cứ mỗi hai tờ giấy nhỏ ấy được cẩn thận dán nối lại với nhau hầu có diện tích lớn hơn, để tác giả có đủ chỗ viết vào mặt sau, nơi không có chữ in. Đây là một chứng tích quý giá nói lên lòng yêu nghề không bờ bến của tác giả.

NHO SĨ ĐÔ VẬT đến với độc giả trong khung cảnh thời gian của phong trào Cần Vương, khung cảnh không gian là đất Phong Châu xưa của miền Vĩnh Yên (Vĩnh Phú ngày nay). Nhân vật chính là một chàng nho sinh, nhưng thay vì trói gà không chặt, chàng nho sinh ấy lại rất giỏi đấu vật. Ở đây, tình yêu đôi lứa được lồng trong tình yêu nước, tình bạn hữu. Đặc biệt

hình ảnh một thiếu nữ dịu dàng, biết làm thơ, biết tằm trầu cánh phượng đưa ta trở về sống trong cảnh quan xã hội một thời còn đượm màu Nho giáo của Việt Nam.

Xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả NHO SĨ ĐÔ VẬT, hy vọng rằng qua tập sách này, độc giả sẽ lại làm quen với các chàng đô vật dũng mãnh, các cụ Tiên chỉ đạo mạo, với các tập tục ngày xưa quyện trong không khí lễ hội, trong tinh thần đấu tranh của dân tộc Việt Nam vào những năm cuối của thế kỷ XIX.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 1995

TS Tôn Nữ Quỳnh Trân

(Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Đông

Nam Á, Viện Khoa học Xã hội tại TP. Hồ Chí Minh)

I

TAY ĐÔ GIỮ GIẢI



Trên đường quốc lộ số 4, Hà Nội đi Tuyên Quang, Hà Giang, vượt khỏi thị trấn Vĩnh Yên chừng ba cây số, nhìn về bên trái, du khách có thể nhận thấy một cây tháp hơi nghiêng, dân chúng địa phương vẫn quen miệng gọi là Tháp Nghiêng, và đây là cây tháp của chùa Cói, chùa làng Hội Hợp, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên.

Vĩnh Yên xưa thuộc đất Văn Lang sau thuộc về Phong Châu. Bạch Hạc ngày nay là Phong Châu thuở xưa, nơi đế đô đời Hồng Bàng, quê hương của Hai Bà Trưng. Đây cũng chính là huyện Mê Linh, nơi Hai Bà đóng đô sau khi đuổi được quân Tô Định. Từ năm 262 đến năm 272, Bạch Hạc là huyện Tân Xương. Năm 548 vua Lý Nam Đế thua quân Tàu ở đây. Lý Phật Tử sau khi tranh giành đất đai với Triệu Quang Phục cũng đóng đô tại huyện này, nơi địa điểm mang tên Hương Nha.

Vĩnh Yên về đời Trần gọi là Tam Đái Lộ, về đời vua Minh Mệnh năm 1822, gọi là Vĩnh Tường Phủ, thuộc tỉnh Sơn Tây. Năm 1890 đổi là Vĩnh Yên đạo, rồi đến năm 1899, tỉnh Vĩnh Yên mới được thành lập, gồm tất cả phần đất của tỉnh Sơn Tây ở phía tả ngạn sông Hồng Hà.

Sau cuộc chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ ngày 19 tháng 12 năm 1946, khi chính quyền quốc gia¹ trở lại mới đây vào năm 1947, Vĩnh Yên được sáp nhập cùng với Phúc Yên thành một tỉnh gọi là tỉnh Vĩnh Phúc Yên. Sau tháng 7 năm 1954, chính quyền cách mạng trở về, hai tỉnh Vĩnh Yên và Phúc Yên được hợp nhất với tỉnh Phú Thọ thành tỉnh Vĩnh Phú.

Vĩnh Yên là một vùng đất lịch sử. Dân chúng vùng này luôn luôn có tinh thần bất khuất, nhiều anh hùng chống Pháp đã xuất thân ở tỉnh này như Đội Cấn, Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính

Dân chúng đa số chuyên về nghề nông, chuộng văn nhưng vẫn yêu võ vì truyền thống trải qua từ thời đuổi quân Tô Định, đánh quân nhà Lương. Nghề võ được yêu trọng, nhưng dân chúng nhiều làng lại đặc biệt chú ý tới ngành đồ vật, một ngành võ không dùng đến khí giới nhưng phải có sức lực và phải có chân tay nhanh nhẹn.

Làng Hội Hợp là một làng có nghề vật cũng như nhiều làng cùng tỉnh: các làng Vị Thanh, Vị Trù, Hội Hà, Dịch Đồng, Hán Nữ, Thổ Tang, Hoàng Xá

Để trau dồi tài nghệ cho các đồ vật trong làng, để khuyến khích họ cầu tiến, để bắt buộc họ phải luôn luôn luyện tập, để tạo cơ hội cho họ có dịp học hỏi thêm ở nơi các tay đồ thiên hạ, và nhất là có dịp thử sức với những tay đồ này, hàng năm làng Hội Hợp, nhân dịp hội làng mở vào thượng tuần tháng Giêng, có tổ chức giải vật để các tay đồ vật trong làng ganh đua với thiên hạ. Với giải vật này các tay đồ tứ xứ kéo nhau tới tranh giải không ít, không kể những lực sĩ các làng trong tỉnh, nhiều tay đồ đã từ các làng xã tỉnh xa kéo tới, làng Chung Mậu tỉnh Bắc Ninh, làng Ngọc Lũ tỉnh Nam Định, làng Mai Động tỉnh Hà Đông.

Trong dịp này, bãi cỏ trước Tháp Nghiêng chùa làng được dọn dẹp sạch sẽ và trang trí để biến thành sân vật. Nơi đây khá rộng rãi, không những đủ rộng để các lực sĩ tranh hùng mà còn đủ rộng để dân chúng trong xã cũng như dân các nơi khác tới dự hội, đứng vây quanh, vòng trong vòng ngoài xem vật.

Năm Giáp Ngọ (1894), Đình nguyên Phan Đình Phùng sau khi đã vây bắt được tên Trương Quang Ngọc để trị tội về việc đã bắt vua Hàm Nghi, giết tướng Tôn Thất Thiệp đêm hôm 26 tháng 6 năm Mậu Tý (1888), lại hiệu triệu đồng bào đứng lên tiếp tục công cuộc chiến đấu chống Pháp giành lại chủ quyền đất nước. Lời hiệu triệu này đã được dân chúng chép lại truyền tay nhau đi từ vùng này qua vùng khác, và nhận được sự đáp ứng

rất nồng nhiệt của mọi giới. Hào kiệt khắp nơi đều kéo về phục tùng dưới trướng.

Khi ấy Đinh nguyên² đóng quân tại một nơi hiểm yếu ở núi Vụ Quang, tục gọi là Ngàn Trươi. Đây là một khu rừng núi bao la hiểm hóc, có thể tiến và lui, ở đây có thể trông thấy được tình hình khắp tỉnh Hà Tĩnh. Hơn nữa phía sau lại có đường bí mật dẫn sang đất Lào và đất Xiêm³

Trong khi quân của Phan Đình nguyên chống Pháp, anh hùng nhiều nơi khác vẫn nổi lên.

Dân chúng, tuy trong cảnh loạn lạc của đất nước nhưng vì sự đàn áp và che đậy của lũ tay sai, nên tại nhiều nơi cuộc sống cũng không gặp xáo trộn, và hàng năm khi mùa xuân tới để bảo vệ tục lệ cổ truyền các làng xã vẫn mở hội xuân, cơ hồ như không biết đất nước đang trong lúc nhiều nhương và biết bao anh hùng hào kiệt đang cùng với những đám quân Cần Vương tại nhiều nơi, hăng hái chống Pháp giết giặc và giết cả lũ tay sai của giặc, hy sinh xương máu cho dân tộc.

Mùa xuân năm đó, làng Hội Hợp theo thường lệ cũng như mọi năm, mở hội để dân làng vui xuân cùng với khách thiên hạ tới xem hội.

Trong hội xuân, vẫn có tổ chức giải vật tại bãi cỏ Tháp Nghiêng chùa làng. Giải vật đã kéo các tay đô trong vùng tới tham dự rất đông. Thực ra thì tới đầu năm, các làng vùng Tam Đái không mấy làng là không có hội, và làng nào mở hội mà không có giải vật. Đất Tam Đái xưa nay vẫn là nơi dụng võ, nơi xưa kia một trong thập nhị sứ quân đã xưng hùng, sứ quân Nguyễn Khoan tự tôn là Thái Bình Công. Cái truyền thống dụng võ vẫn còn trong huyết thống của người dân, nơi đây, ngoài nghề nghiệp làm ăn người ta trau dồi võ nghệ. Và chẳng, địa thế miền trung du của vùng này bó buộc con người phải mạnh mẽ còn lấn áp thú rừng qua những cuộc săn bắn.

Nhiều làng có hội vật, nhưng không vì thế mà giải vật ở làng Hội Hợp kém phần quan trọng, các lực sĩ tiếng tăm nhất hàng năm vẫn kéo nhau tới nơi đây trở tài, và cũng là một dịp thử sức với các tay đô tứ xứ và tìm cách học hỏi qua những cuộc đấu, tiếp thu thêm các miếng hiểm hóc bằng cách

dự kiến các cuộc vật cũng như bằng kinh nghiệm bản thân nếu bị đối phương có những tài nghệ mới áp đảo.

Cũng như mọi năm, năm Giáp Ngọ với hội vật, làng Hội Hợp vẫn đặt *ba giải chính*: nhất, nhì, ba và *nhiều giải bàng*. Giải bàng còn gọi là giải thờ, đặt ra để cho ai muốn khảo sức thi vật. Giải thờ vật trước, và mỗi ngày có nhiều giải thờ, đô vật chỉ được làng thưởng một chút quà kỷ niệm hoặc một món tiền nhỏ gọi là của làng phát cho. Những cuộc vật giải thờ này mở đầu mỗi ngày cho một cuộc vật giải chính. Đấu vật mỗi năm ít nhất ba ngày cho ba giải chính, nhưng quan trọng nhất là ngày cuối cùng, ngày vật giải nhất.

Khi vật giải thờ các tay đô không trở hết tài nghệ và có nhiều khi cả hai bên cùng ngã, họ cùng là một bọn rủ nhau vào vật, trướng ra vài miếng cho tứ xứ trông vào! Họ vật không hăng hái gay go, nhưng mà đẹp. Lúc lên đài, những động tác lừa miếng nhau, đáng lẽ họ chú ý rình nhau, lừa nhau thì họ múa may cho thật dẻo, thật mềm. Kể nhìn cũng vui vui, hay hay!

Khi vật giải chính thì không vậy. Đôi bên đều gắng sức để đánh đổ đối phương. Lệ vật muốn thắng, một là phải *đội bóng bên địch*, hai là phải vật cho người ta *ngã ngửa trắng bụng*. Phải ngã ngửa mới được, ngã sấp không kể. Nhiều người vì lỡ miếng đành phải nằm bò sát đất để tùy cơ đánh lừa địch thủ, mặc cho địch thủ muốn bốc thế nào cũng cứ ôm sát lấy đất. Và nhiều khi vì địch thủ tìm cách bốc địch, thì bỗng chỉ thoát một cái, địch đã đứng phắt dậy, và có khi cùng với động tác đứng lên, kẻ nằm bò với một miếng bí hiểm đã vật ngã được đối phương!

Ngay từ khi hội vật bắt đầu, người ta đã thấy sẽ có những cuộc vật hào hứng, vì những tay giữ giải đều là những lực sĩ trong vùng.

Giải ba, đô Kế xã Dịch Đông giữ giải, giải nhì do một tay đô từ xã Mai Động, Hà Nội lên giữ, đó là đô Tống, người đã từng nhiều phen tung hoành vùng Tam Đái. Còn giải nhất, nói đến tên người giữ giải, các tay đô kém tài ba, thiếu kinh nghiệm đều lắc đầu tỏ vẻ ngán. Đó là đô Giang xã Vị Thanh, một trung tâm đô vật của vùng này, và đây là lò vật đã sản sinh ra không biết bao nhiêu lực sĩ từng gây sóng gió cho làng vật. Đô Giang đã có lần xuống tận Ngọc Lũ, một làng có nghề vật nổi tiếng của trấn Sơn Nam Hạ

để thử tài, và đã đoạt giải mang về, khiến cho các tay đô làng Ngọc Lũ phải một phen hậm hực.

Và những người lăm le vào phá giải năm nay cũng không phải là những tay vừa. Không kể những lực sĩ chỉ nhằm vào giải nhì, giải ba, chỉ nhắc tới những lực sĩ sẽ vào phá giải nhất: đô Kim, một lực sĩ từ xã Chung Mậu, tỉnh Kinh Bắc tới, đô Thu từ Sơn Nam Thượng lên, đô Vân, tay đô vật tài danh của xã Ngọc Lũ, và những lực sĩ có hạng của Tam Đái như đô Linh, đô Điều xã Hán Nũ, đô Trình, đô Xuyên xã Hoàng Xá v.v. Kể ra không hết. Lại còn những tay đô của chính xã Hội Hợp, vài ba người tài nghệ vào hạng đầy hứa hẹn!

Trước khi nói tới những cuộc vật để tranh hùng xưng bá giữa các lực sĩ, xin tả qua đấu trường, nơi các tay đô sẽ cùng nhau phân thắng bại.

Một bàn thờ được dựng lên phía trước Tháp Nghiêng, và ở đây dân làng đã bắc rạp để lấy chỗ cho các nhân viên hàng xã, đứng đầu là cụ Tiên chỉ, rồi đến các Lý trưởng, Phó lý, Trương tuần, cùng các vị khác trong ban điều hành công việc hàng xã. Một chiếc án thư kê trước bàn thờ, hai bên là hai chiếc tràng kỷ và nhiều ghế ngồi dành cho các vị cùng các quý khách của xã.

Thăng theo hai bên đầu rạp, là hai hàng cờ ngũ hành, biểu hiện của đình đám mùa xuân. Ngay trước rạp, hai bên phía tả hữu có hai chiếc trống cái, một loại trống thật lớn, trong những khi rước xách thường phải hai người khiêng. Hai vị đàn anh trong dân được cử ra cầm trống. Trống đánh mỗi hồi ba tiếng, hồi trống của hội vật. Người bên nọ đánh ba tiếng vừa dứt, người bên kia lại đánh ba tiếng theo.

Sân vật nằm giữa hai hàng cờ đuôi nheo ngũ hành. Ngay ở sân vật, liền trước rạp có trải chiếc chiếu cạp điều để các đô vật lễ thần trước và sau mỗi cuộc. Trông các đô vật vào lễ cũng hay hay! Mình trần trùng trục, mỗi người chỉ mang một chiếc khố màu xanh, đỏ, trắng, nâu- nhưng không có màu vàng, màu riêng biệt của hoàng gia- mà cũng lên gối xuống gối lễ bái rất đứng đắn. Có điều họ chỉ chống lên gối có một tay trái, không lẽ bằng cả hai tay như ta vẫn lễ.

Ở giữa sân vật có ba tuần phiên. Hai người, cầm mỗi người một lá cờ đuôi nheo nhỏ để phát hiệu vật, người thứ ba cầm chiếc trống bưng còn gọi là trống khau, có cán cầm, mặt trống chỉ nhỏ vào khoảng gang tay đường kính. Trống này đánh lên lúc đang vật vừa để khuyến khích vừa để thúc giục các lực sĩ.

Khách xem vật đứng vòng trong vòng ngoài, lấy hai hàng cờ đuôi nheo ngũ hành làm giới hạn. Ai chen lấn tới sân vật, hai người tuần phiên cầm cờ, dùng ngay cán cờ để gạt ra.

Mỗi ngày cuộc vật bắt đầu bằng những giải bàng độ mười lăm giải, thì làng cho vật giải chính. Đô vật giữ giải phải vật ngã hết những người vào phá giải nhưng để tránh sự thông đồng giữa các tay đô kém tế nhị, nhiều làng thay vì sổ keo thắng đã lấy thời gian mà kết thúc mỗi giải. Người giữ giải nếu đến quá Ngọ không có ai vật nổi mình sẽ ăn giải, và để tránh sự bất công vì người giữ giải phải vật nhiều người liên tiếp tổn sức, thường cứ sau ba keo vật gay go, người này lại nghỉ một khắc, để các tay đô khác cùng nhau vật những giải bàng, như vậy, các khán giả tuy chờ đợi xem kết quả cuộc vật chính thức vẫn được xem những keo vật ngoạn mục.

Năm ấy, giải ba do đô Kế xã Dịch Đồng giữ và đã chiếm giải vì những tay đô cừ khôi, chỉ nhằm vào giải nhất.

Giải nhì, do đô Tống xã Mai Động giữ, đã có những keo vật quyết liệt, vì các lực sĩ vùng Tam Đái không muốn để giải của đất mình lọt vào tay người khác. Tuy nói là quyết liệt, nhưng chỉ có sự quyết liệt đối với một số các đô vật, tuy tài ba, nhưng chưa phải là những lực sĩ tài ba nhất mỗi xã, những lực sĩ này họ chỉ chờ phá giải nhất.

Trong những keo vật, đô Tống đã gặp đô Trác xã Chung Mậu tỉnh Bắc Ninh. Hai bên đồng sức, cuộc vật kéo dài, mãi đến gần quá Ngọ, đô Tống mới đội nổi được đô Trác lên mà thắng cuộc, nhưng vật xong đô Trác chưa phải là hết, đô Tống còn gặp đô Ngọc xã Vị Trù, và trong keo vật này có lẽ vì đô Tống quá mỏi mệt, đô Ngọc đã thắng, và cho đến hết giờ Mùi, không gặp tay địch thủ nào vào bậc siêu quần, nên đô Ngọc đã ăn giải.

Quan trọng hơn hết là giải nhất. Đô Giang giữ giải này là một tay cự phách của làng vật, và danh tiếng đô Giang đã vang lừng khắp vùng Tam

Đái, lan tới cả vùng Huy Tuyên về mạn ngược và truyền tới kinh và hai trấn Sơn Nam Thượng và Hạ ở vùng xuôi.

Hôm ấy trời hơi lấm tấm vài dây mưa bụi, mưa bụi mùa xuân tăng vẻ cổ kính cho ngày hội.

Ngay sau khi cuộc phá giải sắp bắt đầu, ông Tiên chỉ Hội Hợp tuyên bố:

- Hôm nay là ngày chót của giải vật. Dân làng xin cảm ơn đô vật tứ xứ đã tới dự giải làm tăng sự long trọng cho ngày hội. Toàn ban hương chức Hội Hợp mong rằng ngày hôm nay sẽ vui hơn hai ngày trước với những keo vật hào hứng và các anh em đô vật sẽ trở hết tài cho bà con xem hội thưởng thức.

Cụ vào lễ thần, và sau đó một bánh pháo toàn hồng được đốt lên để mở đầu cho ngày vật.

Các anh em đô vật cũng kéo nhau vào lễ thần và đô Giang vào lễ sau cùng. Với chiếc khố điều tươi thắm, với những bắp thịt nổi lên, trông anh đô như một pho tượng đồng. Hai con mắt sáng quắc nói lên sự tinh anh, những bước đi thành thịch chứng tỏ sức mạnh kiêu hùng của tay đô vật hữu danh này.

Hai bên dọc thẳng theo đầu rạp vẫn là những tay đô vật mình trần trùng trục với mỗi người một chiếc khố. Ngoài những tay đô có mặt trong hai buổi trước, hôm nay xuất hiện thêm một số những tay đô có hạng, những tay đô sẽ vào phá giải của đô Giang.

Các khách dự khán hôm nay cũng đông hơn. Dân làng Hội Hợp bận gì thì bận, họ cũng phải có mặt ở nơi sân vật để chứng kiến những cuộc vật gay go. Sự hiện diện của nhiều tay đô xuất chúng sẽ hứa hẹn những keo vật kinh thiên động địa. Hôm nay sẽ có kẻ treo chân, sai khớp xương vì sự ra tay của các đô vật tranh giải. Nhiều tay đô có thể sẽ tiêu danh dự vì lỡ miếng sa cơ, nhưng chắc chắn sẽ có một tay đô trở nên anh hùng trong làng vật, và ít ra cũng là lực sĩ vô địch vùng Tam Đái trong một năm! Ai ở làng Hội Hợp mà không đi xem những trận vật hôm nay, là đã bỏ phí cơ hội hiếm có, một năm mới có một lần.

Hội Hợp giải vật vui xuân.

Không đi bỏ phí dân thân làm gì!

Câu ca dao địa phương trên chứng tỏ tầm quan trọng dân chúng vùng Tam Đái dành cho hội vật xã này.

Như thường lệ, các cụ cho vật mấy giải bàng để mở đầu cho ngày hội. Giải bàng ngày hôm nay cũng khác những giải bàng hai ngày trước, vì những tay đô danh tiếng đồng ý ra vật để biểu diễn tài nghệ trước linh thần, để mừng các cụ và hiến cho khách xem những pha thật đẹp của nghề vật. Những bước đi lên đài, những điệu khoe tay dẻo dai đã đủ khiến cho khách xem thấy thích thú.

Cụ Tiên chỉ đã phải bảo ông Thứ chỉ:

- Các đô vật đàn anh họ lên đài trông cũng khác, và tuy vật những giải thờ mà tài nghệ của họ đã thấy rõ ràng trội hơn tài nghệ những tay đô khác!

Sau mấy giải thờ, cụ Tiên chỉ bắt đầu cho vật giải nhất, giải quan trọng nhất trong các giải của hội vật. Theo lệnh cụ, một tuần phiên bắc loa, loan báo cho các tay đô và khách xem hội rõ:

- Đã đến lúc phá giải nhất. Năm nay, giải này do đô Giang- Vị Thanh giữ. Bản hương chức mong các anh tài lực sĩ sẽ trở nghệ để cùng đô Giang tranh hơn kém. Đến quá Ngọ sang Mùi không ai thắng thì làng sẽ tặng giải nhất cho đô Giang.

Theo lệ vật, giải nhất trong sáu ngoài năm, nghĩa là người giữ phải thắng sáu tay phá giải, trái lại đô vật phá giải sau khi thắng người giữ giải chỉ cần thắng thêm bốn tay đô khác là ăn giải. Cũng như vậy giải nhì trong năm ngoài bốn, và giải ba trong bốn ngoài ba. Làng Hội Hợp, như trên đã trình bày không theo thông lệ này, trước là để tránh sự thông đồng của những tay đô kém tư cách, sau là để những người giữ giải cũng như người phá giải được trở hết tài nghệ, nên việc giữ giải hạn định theo giờ!

Cùng việc tiếng loa loan báo, đô Giang đã sừng sững đứng giữa sân vật, trông thật oai phong lẫm liệt. Bắp tay bắp chân rắn chắc, những thớ thịt nổi lên như những con chuột, anh dẫn những bước thành thịch trên sân vật nghe nặng chịch và như muốn làm rung động cả một khoảng đất dưới chân. Chiếc khố điều thắm mưa bụi trông càng tươi thêm. Anh từ từ bước tới rạp

lễ thần, rồi vái chào các vị hương chức ngồi trên sập. Sau đó anh lại đi ra chậm chạp với những bước chắc nịch cơ hồ như không ai lay chuyển nổi. Mặt anh đầy vẻ tự tin, vừa đi anh vừa mỉm cười nhìn hai hàng đô vật ngồi hai bên cái nhìn như thách thức, lại đờm vẻ coi thường mọi tay đô. Anh đi đi lại lại hai ba vòng chờ một địch thủ. Các đô vật ngồi hai bên chưa ra thử sức, họ muốn ra sau để còn ngồi quan sát những miếng vật của đô Giang hoặc của đối thủ của anh thi thố, để có thể tìm cách hạ họ qua những miếng vật đối phó.

Thấy chưa có tay đô nào ra sân, một mình đô Giang điệu võ dương oai, với nét mặt khinh khỉnh coi như mọi người đã khiếp sợ mình. Phía trong rạp, tiếng loa lại vang lên:

- Giờ phá giải đã bắt đầu, xin các lực sĩ đô vật tự xét ai có đủ tài hạ nổi đô Giang xin ra sân, kéo mỗi phút đi qua là mỗi phần thắng của người giữ giải.

Cũng chưa tay đô nào ra sân! Đô Giang liền tự cao tự đại lên tiếng:

- Các anh hùng lực sĩ trong làng vật tứ xứ đã tới đây xin cho kẻ bất tài này được thừa tiếp, ngõ hầu học thêm mấy miếng hay của các vị! Chẳng lẽ các vị đến đây để ngắm kẻ bất tài này một mình lượn đi lượn lại trên sân vật cho đến giờ Mùi mà lĩnh giải chẳng?

Câu nói đầy khiêu khích. Các tay đô vật ngồi hai bên đưa mắt nhìn nhau, rồi một người bận chiếc khố màu hoa lý đứng lên, từ từ đi ra cũng với những bước nện nặng trên sân vật, và cũng có dáng điệu hiên ngang chẳng khác gì đô Giang. Ra đến giữa sân vật, người này lên tiếng:

- Tôi, một người mới học võ vẽ vài miếng vật, là đô Kim, Chung Mậu, Kinh Bắc, nghe lời thách thức của đàn anh trong lò vật Vị Thanh, trung tâm đô vật vùng Tam Đái, không dám tự lượng sức, xin được hầu tiếp đàn anh một keo, trước là để học thêm những ngón đòn hay, sau là để khỏi phụ lòng các vị hương chức đã tổ chức giải vật, và cũng là để đền đáp sự hâm mộ của chư khách thập phương đã tới đây thưởng thức những cuộc tranh hùng.

Nói xong đô Kim tiến tới phía trước rạp lễ thần và vái chào các vị hương chức rồi anh đi ra chậm chạp, bước những bước rắn chắc và nặng trĩu trên sân vật.

Trong lúc đó có tiếng xì xào trong hàng ngũ đô vật và các khách xem hội. Có người bảo: Thôi đô Giang gặp địch thủ rồi!

Lò vật Chung Mầu, Kinh Bắc là một lò vật có danh! Lại có người khác nói: Chung Mầu ăn sao nổi Vị Thanh. Cuộc vật sẽ gay go, rút cuộc đô Giang sẽ thắng.

Đô Giang đã có địch thủ. Cuộc vật bắt đầu. Trống vật nổi lên ba tiếng một, và một anh tuần phiên cũng đánh từng từng chiếc trống khau, xen giữa những tiếng từng! từng! từng to lớn của trống cái.

Trời vẫn mưa bụi, hai hàng cờ ngũ sắc đuôi nheo phất phới bay khiến quang cảnh sân vật thêm tưng bừng. Hai tay đô vật chào nhau, và keo vật bắt đầu. Họ lên đài với những bước chân thật nặng tuy trông họ bước nhẹ nhàng, hai tay họ múa nhịp nhàng theo bước chân đi. Có lúc hai tay đô vật đi song song, tay như vẩy vẩy đều đều, có lúc hai người đi ngược chiều quay lưng vào nhau! Bắp thịt chân tay họ nổi lên cuồn cuộn, gân guốc!

Lên đài cho dẻo chân tay, nhưng lên đài cũng để rình miếng địch thủ!

Anh tuần phiên bưng chiếc trống khau tới sát bên họ, đánh trống như thúc giục để họ ra tay.

Họ đang lên đài, bỗng nhiên đô Giang đưa tay thật mạnh và thật bất thần để vỗ lấy tay trái của đô Kim. Thoát một cái đô Kim lùi tay trái lại, tức khắc đưa hai tay vỗ lấy vai đô Giang.

Đô Giang vội co tay lại, nhưng lại giấn mình về phía trước, vung hai tay choàng lấy cổ đô Kim. Hai tay đô đã ở trong cái thế ôm nhau, đô Giang ôm cổ đô Kim, và đô Kim trước định chộp lấy vai đô Giang, nhưng vì bị ôm cổ nên đã luồn hai tay cũng ôm lấy cổ đô Giang. Đôi bên đều cố gắng vít đầu nhau xuống, hai đầu như chụm vào nhau và hai thân trên hai cặp chân rần rần đều cong người tạo nên một vòng cung, nơi hai cái đầu chạm nhau là chỗ để lấp tên. Họ cứ ở cái thế cố sức ních nhau dìm đầu nhau xuống khá lâu, rồi bỗng nhiên đô Giang dùng sức mạnh kéo đô Kim về phía mình, đồng thời người hơi nghiêng sang một bên và đưa chân như muốn ngáng địch thủ.

Rồi hai người ôm lấy nhau vật lộn, đất sân vật bụi mù trên rạp. Hai tay cầm trống vẫn chuyển nhau đánh những hồi ba tiếng một, anh tuần phiên

vác trống khẫu tiến sát tới các tay đô gõ đều những tiếng tung! tung! Trời vẫn mưa bụi, mưa như có vẻ nặng hạt hơn lúc trước, nước mưa chảy ròng trên lưng hai tay đô như đổ mỡ.

Những miếng kê, những miếng ngáng đôi bên đem sử dụng lừa nhau, nhưng kẻ kia tám lạng thì người này cũng nửa cân. Họ đang ôm chặt lấy nhau tưởng chừng như không ai có sức mạnh giằng nổi được hai người ra, bỗng đô Kim dùng miếng *nhượng bào thoái kiếm* nghĩa là nhường chiếc áo bào để xuống ngòi, nhân đang ôm ngang người địch thủ, và cũng bị địch thủ ôm trở lại, liền dùng hết sức mình vung hai tay hất mạnh hai tay địch thủ lùi trở ra, đô Giang không ngờ địch thủ lại gỡ mình theo thế hạ sách, nên hai tay anh đã bị đô Kim hất và gỡ được.

Lúc này, hai bên đều giang tay thành hình như vòng cung, nhưng hơi gấp lại nơi khuỷu tay. Hai bên rình miếng nhau, như hai con cọp dữ, mắt họ long sòng sọc, người họ ướt đầm không biết mưa bụi nặng hạt hay vì mồ hôi. Đang ở cái thế ấy, bỗng đô Giang lại quay ra lên đài trở lại, vừa để nghỉ ngơi vừa để lừa miếng bên địch. Thấy đối phương lên đài trở lại, đô Kim cũng làm theo, trông họ lúc này như mới bắt đầu vào cuộc vật. Khán giả còn đang chú ý tới những bước chân, điệu múa tay lên đài của họ, bỗng chỉ thoáng chớp mắt đô Giang đã ôm người đô Kim vật ngã xuống đất theo thế *thanh long đoạt ngọc*. Bị vật xuống đất, đô Kim phải thi hành miếng nằm bò bám sát lấy đất, mặc cho bụi vung lên. Đô Kim nằm bò, đô Giang tìm cách bốc ngựa anh lên! Từ trên rạp đến khách xem vật vòng trong vòng ngoài sân ai nấy chăm chú nhìn từng động tác của mỗi tay đô, các đô vật ngòi ở hai bên sân vật càng chú ý hơn. Có người cho rằng đô Kim hay dùng hạ sách, nhưng có lẽ rồi ra trong một miếng bất thần sẽ hạ được đô Giang, có người lại cho rằng thế vật của đô Giang rất vững, đô Giang không thể nào thua được vì phong thái của đô Giang là phong thái của một tay vật đàn anh, không sử dụng hạ sách, chỉ vật qua những thế khoáng đạt.

Đô Kim cố nằm bám sát đất, đô Giang cố lật ngựa lên, đôi bên mỗi người đều có ý chí, khán giả không biết bao lâu đô Giang mới lật ngựa được đô Kim! Nhưng lại bỗng đánh thoát chỉ trong một giây, đô Kim đã vùng dậy và hai tay đã ôm lấy cổ đô Giang vít xuống.

Đôi bên lại quần thảo. Lâu và rất lâu, nhưng bỗng từ phía trước có tiếng reo giữa những tiếng trống cái và trống khău, và hai anh tuần phiên cầm cờ cũng phất cờ rồi rút: đô Giang đã đội bỗng được đô Kim lên và giữ anh này ở thế đó chừng vài ba giây mới từ từ hạ anh xuống theo phong độ của một lực sĩ quân tử, vì có những kẻ thắng đối phương, đội được đối phương lên đã quăng mạnh đối phương xuống đất khiến cho đối phương có thể bị gãy chân tay hoặc vỡ đầu nếu đối phương nhẹ cân bị quăng rất xa nơi sân vật.

Đứng xuống đất, đô Kim nghiêng mình trước đô Giang nói: Bái phục, tiểu đệ xin phục tài đại ca!

Đô Giang khiêm tốn nghiêng mình đáp lễ.

Trên rạp các cụ tuyên bố đô Giang thắng cuộc!

Đô Kim từ từ đi vào hàng các đô vật ngồi. Anh không thẹn vì thua! Khán giả đã chứng kiến tài nghệ của anh và đô Giang tuy thắng nhưng cũng chẳng dám coi thường đô Kim. Anh vốn vẫn biết đô Kim cũng là một tay kiệt hiệt trong làng vật và thắng được đô Kim anh đã thấy khó khăn! Anh thông thả vào lễ trước bàn thờ, nhận lời khen của các cụ, và chờ một đấu thủ khác.

Có lẽ anh mệt, nhưng thường thì sau một cuộc vật chỉ vài phút nghỉ ngơi, các đô vật đã lấy lại được sức để vật một keo khác.

Đô Giang lại chậm chậm bước từ phía rạp ra giữa sân vật. Tiếng loa vang lên:

- Đô Giang- Vị Thanh đã thắng đô Kim- Chung Mầu! Các cụ truyền xin mời các tay đô khác vào thi tài với đô Giang.

Lần này các cụ và khách xem hội không phải chờ lâu. Tiếng loa vừa dứt, trong hàng đô vật phía bên tay trái, một tay đô bận khố tam giang bước ra. Thiên hạ nhìn ra thì đây là đô Thu của miền Sơn Nam Thượng. Đây cũng là một tay vật cừ khôi và cũng đã từng tung hoành tại nhiều sân vật.

Đô Thu bước ra sân cùng với những bước chân chậm chạp và nặng trĩu. Người đô Thu ngăm ngăm đen, thật hợp với chiếc khố màu tam giang tím tím. Đô Thu bước thẳng tới phía rạp lễ thần và vái chào các cụ rồi quay trở lại bước ra sân vật. Những hồi trống ba tiếng một vẫn nổi nhau liên tiếp, và

anh tuần phiên đánh trống khẩu tuy chưa có cuộc vật vẫn cứ gõ trống tùng! tùng!

Đô Thu vái chào đô Giang và nói:

- Tiểu đệ mong học mấy miếng của đại ca, tài nghệ của tiểu đệ còn kém lắm, nhưng đã trót mang chuông đi đấm xứ người, thì dù chẳng kêu cũng phải thử một hồi mà nghe!

Đô Giang đáp lại với giọng nói nửa như kiêu hãnh nửa như khiêm nhường:

- Đã ra sân vật chúng ta đều học hỏi lẫn nhau hết, còn nói đến tài nghệ, chắc đại ca cũng đã biết, đại ca từng tạo tiếng tăm thì tiểu đệ cũng đã đoạt nhiều giải. Mong đại ca ra tay, và tiểu đệ cũng quyết không nhân nhượng.

Họ chỉ trao đổi mấy lời như vậy, rồi cả hai đều quay về phía bàn thờ lễ thần. Sau đó cuộc lên đài bắt đầu, những bước chân dẫm xuống đất như muốn lay chuyển cả sân vật. Khách xem vật dự đoán một trận thư hùng hào hứng giữa đôi bên, còn các tay đô chăm chú nhìn vào những bước đi và những điệu tay giang ra, co vào của hai lực sĩ trong lúc lên đài, vì qua mỗi động tác, các tay đô kinh nghiệm có thể đoán được miếng vật mỗi lực sĩ sẽ thi thố.

Cuộc vật gay go, hai chiếc khố điều tươi và tam giang vẫn như quần quít khi hai đô vật ở trong những giây phút quyết liệt. Trong lúc họ ôm nhau cố dẫm, cố ngáng, cố kê để thắng đối phương thì anh tuần phiên vác trống khẩu kê ngay vào tai họ mà đánh như muốn xui nguyên giục bị, bảo anh này vật ngã anh kia, hò anh kia cố thắng lấy anh nọ.

Hai tay đô vật như không nghe thấy tiếng trống. Tâm trí họ còn đang bận về những miếng vật để hạ đối phương. Họ quần thảo với nhau lúc chiếc khố điều ở bên tả khi lại chuyển sang bên hữu, và chiếc khố tam giang cũng vậy.

Sau một hồi đấu sức, đô Thu thấy đô Giang quả danh bất hư truyền và là một đô vật ghê gớm đáng sợ và đô Giang cũng nhận thấy đô Thu có một tài nghệ khả kính. Cuộc vật gay go không ai chịu ai trong những phút đầu. Người xem vật ai cũng lắc đầu kính phục cả đôi bên, những ngón đòn đôi bên đưa ra đều là những ngón đòn siêu việt, và cả hai đều là những bậc lực

sĩ siêu quần. Dần dần về sau, các tay đô bên ngoài nhận thấy đô Thu thủ nhiều hơn là công, thủ để lừa miếng, còn đô Giang mạnh về công hơn thủ, như muốn lấn át đối phương. Khách xem không am tường nghề vật không nhận thấy những công thủ này.

Cuộc vật thật gay go, nhưng rút cuộc trong một giây sơ hở, đô Thu đã để đô Giang lừa ngáng cho ngã và vật ngửa xuống đất: đô Thu đã thua! Trống vật kéo những hồi dài để khen mừng kẻ thắng, và khách xem hội cũng reo hò như hoan hô đô Giang, và các tay đô vật, người thì lắc đầu, người thì chép miệng tiếc cho đô Thu cũng đã vào bậc tài ba mà không thắng nổi đô Giang.

Hạ xong đô Thu, đô Giang lại hạ luôn đô Vân xã Ngọc Lũ, rồi đô Linh xã Hán Nũ. Em đô Linh là đô Điều, thấy anh bị đo đất, xông vào muốn gỡ danh dự cho xã Hán Nũ nhưng rút cuộc đã bị đô Giang đội bóng lên và đặt nhẹ xuống đất.

Sau mấy keo vật trên, trời gần sang Ngọ. Các cụ trên rạp truyền tạm nghỉ ngơi một khắc để đô Giang lấy sức lại, có như thế mới công bằng, nếu không đô Giang bị mệt qua những trận vật liên tiếp tránh sao khỏi thiệt thòi khi phải đo tài với một tay đô sức còn sung mãn. Và trong lúc này chính các cụ cũng cần tự bồi dưỡng bằng ít xôi oản, chuối hạ từ bàn thờ thần.

Sau một khắc nghỉ ngơi, đô Giang lại ra sân vật và lại thắng luôn mấy keo: anh đã hạ dễ dàng hai chú cháu đô Trinh và đô Xuyên xã Hoàng Xá, và tay vật cốt cán xã Hội Hợp là đô Vận và đô An cũng không thắng nổi anh. Lại còn hai tay đô trông thật lực lưỡng tự xưng là đô Như và đô Ý thuộc vùng Yên Lãng, Kim Anh cũng bị anh hạ dễ dàng.

II

MỘT KEO VẬT VÀ BỮA RƯỢU LÀNG



Trời đã đúng ngọ, trong sân vật, đô Giang đi đi lại lại, sau những trận thắng oanh liệt có vẻ thách thức tất cả các tay đô khác. Lúc này trời đã hết mưa bụi, gió xuân nhẹ phây phẩy những lá cờ ngũ sắc như mừng những cuộc chiến thắng của anh đô. Không có cuộc vật, nên hai cụ cầm châu cũng ngừng tiếng trống, và tiếng trống khẩu cũng không được gõ lên để làm rộn ai nữa.

Hai hàng đô vật ngồi hai bên lúc này tuy vẫn đủ số, nhưng không có ai là địch thủ với đô Giang. Tiếng loa vang:

- Nay đã đến Ngọ, chỉ còn nửa giờ nữa là sang Mùi! Các tay đô có mặt, ai muốn phá giải thì xin vào gấp, nếu để sang giờ Mùi, giải nhất sẽ về tay đô Giang!

Các đô vật nhìn nhau lắc đầu. Ai cũng thấy tài nghệ của đô Giang là siêu việt; họ tự lượng sức, những người khả dĩ đối địch nổi với đô Giang đều đã bị đô Giang hạ, còn những tay vật đã từng giữ nhiều giải nhì hoặc phá nhiều giải nhì ở các nơi hiểu nếu mình có vào giao đấu cũng chỉ sẽ nhận lấy thất bại thôi. Họ ngồi chờ để xem còn con cọp dữ nào trong làng vật dám vào độ sức với đô Giang chăng?

Biết trong sân vật không còn ai là đối thủ với mình, đô Giang kiêu kiêu tự đắc! Anh đi đi lại lại, ngó ngạo nghễ vào đám đô vật ngồi hai bên, rồi anh lại nói:

- Sắp sang giờ Mùi, trong anh em, có ai muốn dạy cho tiểu đệ vài miếng, xin mời ra đây! Hoặc có ai muốn học thêm vài kinh nghiệm cũng xin mời

ra đây!

Nói với đám đô vật xong, anh lại vênh mặt ngó vào đám khách xem hội, nói to:

- Và trong chư quý vị tới xem vật hôm nay, có vị nào tài ba muốn chỉ giáo cho kẻ bất tài này vài miếng vật, kẻ bất tài này cũng xin lĩnh giáo.

Không thấy ai đáp lời, anh càng tỏ vẻ kiêu hãnh. Anh nói to:

- Thế ra trong thiên hạ hết cả người tài chăng?

Câu nói thật là khiêu khích, cũng thật là hỗn xược. Câu nói đã làm một thư sinh khăn lượt áo the thấy nóng mặt, thư sinh này đứng trong đám khán giả. Chàng đã dự xem cuộc vật suốt từ sáng, và chàng đã chứng kiến tài nghệ của đô Giang, chàng phục tài, nhưng chàng không phục thái độ thẳng sinh kiêu của đô Giang. Thấy đô Giang mỉa thiên hạ hết cả người tài, chàng liền rẽ đám đông đi vào giữa sân vật, tiến lên trước rạp, vái trước bàn thờ, vái các cụ, rồi nói:

- Kẻ thư sinh nhân đến đây xem hội được dự những cuộc đấu vật từ sáng, thấy anh đô Giang quả là xuất chúng. Giờ đây, kẻ thư sinh bụng đói muốn xin các cụ bữa rượu, nhưng trước khi xin các cụ ban rượu, thư sinh này xin các cụ cho phép thử sức với đô Giang mấy phút!

Cụ Tiên chỉ ngăm nhìn chàng thư sinh. Chàng mặt mũi khôi ngô, không trắng trẻo lắm, nước da có vẻ dạn nắng dạn gió. Hai con mắt sáng và lanh lẹ nói lên sự thông minh. Chàng, cử chỉ chậm rãi ôn hòa, nói năng từ tốn và lễ phép. Chàng đội chiếc khăn lượt, mặc áo cặp ba, trong áo dài trắng giữa áo kép lót màu thiên thanh và ngoài cùng là chiếc áo the đen, dè lên chiếc quần lụa mỡ gà đã hơi cũ và chân đi đôi giày Gia Định.

Ngăm kỹ chàng thư sinh, ông Tiên chỉ bảo:

- Ngày xuân, thầy Khóa có muốn bữa rượu dân làng xin đãi, chứ thầy Khóa độ sức sao nổi với đô Giang!

Thư sinh đáp:

- Thưa, thư sinh này theo đạo Thánh Hiền, không dám làm nghề hành khất! Các cụ có thương mà cho cũng không dám nhận! Muốn uống rượu, ít nhất kẻ thư sinh phải có cái gì, mà ở đây, cái gì đó là một cuộc độ sức với đô Giang!

Ông Tiên chỉ gạt đi:

- Thầy Khóa không nên quá câu nệ! Đồ đệ Thánh Hiền không khát cái, nhưng đây là dân làng đãi thầy! Lão nhìn thầy mảnh khảnh thế này, cứ đứng cạnh đô Giang, đủ thấy thua rồi còn vật làm sao được anh đô!

Trong lúc hai bên đối thoại, đô Giang cũng đã tiến tới gần! Anh cũng lấy làm ngạc nhiên khi có một thư sinh lại muốn thử sức với mình. Anh nghĩ với thư sinh này anh chỉ dùng một phần mười sức là đủ thắng. Anh định bụng nếu các cụ chấp nhận cho thư sinh đấu với anh, anh sẽ nhắc bổng lên rồi ném qua vòng khách xem hội để nhả nhủ những kẻ bất tài đừng có vuốt râu cọp.

Ông Tiên chỉ gạt đi, nhưng thư sinh nhất định đòi vật với đô Giang. Anh thưa:

- Các cụ thương, kẻ thư sinh này biết lắm, nhưng vì kẻ thư sinh này cũng biết võ vẽ vài ba miếng vật nên cũng muốn nhân dịp này học thêm anh đô Giang mấy miếng hay nữa!

Ông Thứ chỉ ngồi cạnh, từ nãy không nói gì, thấy thư sinh cứ khẳng khẳng đòi vật với đô Giang, cụ ghé tai bảo cụ Tiên chỉ:

- Thăng này điên! Nó muốn chết cho nó chết!

Rồi ông nói cùng một lúc với thư sinh và đô Giang:

- Ủ, thầy Khóa đã muốn thử sức với anh đô, dân làng đành bằng lòng, nhưng đây là tự ý thầy Khóa nhé! Còn anh đô, tài nghệ của anh ở đây ai cũng thấy, anh cũng nên nhường tay với thầy Khóa, nghe!

Đô Giang dạ thật lớn.

Tin thư sinh nhất định đòi vật với đô Giang được loan ra. Các đô vật cũng như khách xem hội, ai nấy đều sửng sốt! Thật là châu chấu mà đòi đá xe!

Thư sinh ra nhà hậu rạp thay quần áo. Lúc chàng bước ra sân vật, người ta thấy chàng bận chiếc khố màu nước dưa! Thì đây chính là chiếc thắt lưng của chàng đang thắt, phải tạm thời biến nó thành chiếc khố vật!

Trống vật lại nổi lên từ hai bên phía đầu rạp, và anh tuần phiên lại gõ trống khẩu tung! tung!

Đô Giang cùng thư sinh tới trước bàn thờ lễ thần, với các cụ rồi song song đi ra giữa sân vật!

Trông thư sinh không quá gầy gò, nhưng so với đô Giang anh thật không xứng chút nào. Đô Giang trông như một pho tượng đồng, anh nhìn như một con tò he nặn bằng bột của trẻ con chơi. Da đô Giang sạm đen với gân guốc và bắp thịt nổi lên, da anh thư sinh trắng mịn đúng da học trò, và người anh tuy cân đối nhưng người ta không thấy cái gì là sức mạnh của một đô vật. Chân tay anh đều đều, thịt không bệu, nhưng người ta đoán cũng không hẳn chắc để đủ chịu đựng những cái nắm tay co giật của đô Giang!

Cuộc vật bắt đầu! Đôi bên lên đài. Bước chân của đô Giang nặng trĩu dẫm trên đất, bước chân của thư sinh nhẹ như lướt trên cỏ, điệu vung tay của đô Giang dứt khoát, điệu múa tay của thư sinh từ từ như bút lông đưa trên giấy trắng. Nhìn thư sinh có vẻ thong thả lắm, nhưng những tay đô từng trải thì hiểu thư sinh cũng là một tay có nghệ, và đây có thể coi là nghệ thuật nữa!

Đô Giang vung tay vồ lấy tay trái của thư sinh, chàng này chỉ đánh thoát đã né tránh, và đô Giang phải vội thu tay về. Đô Giang sẵn tới để xốc đôi nách thư sinh, chàng này lùi và lại né tránh. Nhiều lần, rất nhiều lần đô Giang trở tài mà không động nổi tới người thư sinh.

Ông Thứ chỉ trên rạp thấy thư sinh chỉ né tránh, chép miệng bảo cụ Tiên chỉ:

- Vật với vả gì mà chỉ tránh! Thế mà cũng cứ nhất định đòi đo sức!

Ông Tiên chỉ cười đáp:

- Cụ biết đâu! Đây là thế *Trường lưu thủy kiệt* đấy. Cụ thấy không, nước chảy ra thì nước kiệt. Anh đô Giang dùng quá sức rồi sẽ mệt, mà thầy Khóa này tôi trông nhanh nhẹn lắm! Chưa chắc mèo nào đã cắn mủi nào!

Ông Thứ chỉ ngồi im.

Đúng! Cụ Tiên chỉ nói đúng! Thư sinh đã dùng thế *Trường lưu thủy kiệt*, một phần để làm giảm sức mạnh của đô Giang, một phần nửa để khiêu khích đô Giang. Thấy mình vô không được, chớp không xong, nắm không trúng, có thể đô Giang sẽ mất bình tĩnh để sơ hở miếng vật, thư sinh sẽ lợi dụng tấn công!

Nhưng trăm bó đuốc cũng bắt được con ếch! Vô mãi, chộp mãi, nắm mãi, sau đó đô Giang đã nắm được tay trái thư sinh!

Các tay đô ngồi xem mắt sáng lên! Đô Giang đã nắm được tay trái của thư sinh, đô Giang nắm chắc phần thắng, vì đấu vật kiêng nhất bị nắm cổ tay!

Bị nắm cổ tay thư sinh cố giằng ra! Đô Giang cố giữ chặt! Giằng một lần không thoát, thư sinh giằng lần thứ hai, và lần này tay chàng đã thoát khỏi tay đô Giang, nhưng sát cả da, phun cả máu! Sự kiện này mọi người đều trông thấy, từ trên rạp đến dưới sân vật! Ai nấy đều rung mình khi thấy máu bàn tay thư sinh phun ra.

Một hồi trống đổ hồi nổi lên! Trống ngưng vật! Ông Tiên chỉ cho gọi cả hai người tới trước rạp, và bảo:

- Cuộc vật đến đây cũng đủ thấy tài của đôi bên rồi! Đôi bên không cần phải thi sức nữa! Dân làng lấy làm hân hoan mời thầy Khóa bữa rượu, và tặng giải nhất cho anh đô!

Đô Giang không nói gì, nhưng thư sinh gạt lời ông Tiên chỉ đi và nói:

- Thừa các cụ, keo vật phải có được có thua! Nếu các cụ cho ngưng cuộc vật kẻ thư sinh này sẽ không dám nhận bữa rượu! Thư sinh này đang còn học những miếng hay của anh đô, lĩnh giáo chưa đủ, thật chưa dám vâng lời các cụ!

Ông Tiên chỉ cứ gạt đi, nhưng thư sinh cứ không chịu!

Còn đô Giang! Chính đô Giang cũng muốn ngưng cuộc vật lắm: một người đã bị anh nắm tay mà giằng nổi bàn tay ra không phải là một kẻ tầm thường! Hơn nữa, khi kẻ địch giằng bàn tay ra, anh cảm tưởng như đang giằng nhau một khúc gỗ lim, một tảng sắt với người sức lực nếu không hơn thì cũng không kém mình! Nếu thư sinh sát da tay phun máu thì đô Giang cũng tự thấy nhức thối thịt bàn tay và từng bức gân tay! Đô Giang muốn ngưng cuộc vật, nhưng vì tự ái, một lực sĩ kiệt kiệt vùng Tam Đái có đâu lại sợ ai mà xin ngưng cuộc đấu!

Trước sự khăng khăng của thư sinh muốn keo vật phải có được có thua, cuộc đấu lại tái diễn. Các tay đô vật thiên hạ thấy thư sinh đã bị nắm cổ tay còn giằng ra thoát khỏi tay đô Giang không khỏi khâm phục. Có người

thăm nghĩ: Thư sinh không phải tay vừa, ắt cũng là một tay đô đã từng lăn lộn nhiều trong làng vật, và lại là một tay đô vật gan dạ, tuy bị sướt da tay đến phun máu, vẫn thản nhiên không lý gì đến sự đau đớn mà còn khăng khăng đòi đấu tiếp.

Đôi bên lại ra sân vật, lại lên đài, và thư sinh vẫn dùng thế *Trường lưu thủy kiệt* để tránh né những miếng đòn dữ dằn của đối phương. Rồi đến một lúc đôi bên ôm nhau quần thảo. Thư sinh nhỏ người mà sức lực không nhỏ, những miếng ghi, miếng bốc đã từng làm đô Giang thất thần và đổ mồ hôi hột mặc dầu trời lạnh của mùa xuân xứ Bắc!

Đôi bên còn đang ôm giữ lấy nhau, bỗng đô Giang dùng miếng *Thượng công hạ kích*, hai tay níu đẩy hai vai của thư sinh, và chân trái đưa ngang ngược trở lại, những động tác này diễn ra cùng một lúc, người tài nghệ kém, đỡ trên thì hở dưới, tránh dưới thì mắc trên, nhưng với con mắt lanh lẹ đã nhìn rõ thâm ý của địch thủ, nên chàng thư sinh theo đà đẩy của đô Giang lùi xa trở lại khiến hai chân vượt khỏi tầm ngang của đối phương, không những thế, vì dùng sức để đẩy thư sinh, đô Giang phải tiến lên nếu không muốn bị thư sinh dùng sức kéo tới! Vừa lúc đô Giang nhích người tiến lên thì ở phía bên trái hàng đô vật có tiếng kêu lên:

- Hồng rồi!

Đó là tiếng đô Điều xã Hán Nữ. Vốn là một tay đô vật lão luyện đã từng ba chìm bảy nổi trong giang hồ làng vật, đô Điều thấy rõ đô Giang mắc lừa thư sinh: đô Giang tiến lên, chân vừa đưa ngang chân địch thủ đứng chưa vững đã bị địch thủ phía trên ghi chặt lấy hai vai, còn phía dưới dùng miếng *Thu phong tảo diệp* đưa chân ngang ngang chân đô Giang, bắt đô Giang phải ngã ngửa, và thư sinh sẽ đè lên trên bụng! Nhiều đô vật lành nghề khác cũng trông thấy chỗ hở của đô Giang, nhưng không thấy rõ chỗ dụng tâm của thư sinh như đô Điều.

Bị miếng ngang *Thu phong tảo diệp*, đô Giang tự thấy mình hở cơ đình ninh sẽ bị ngã, vì dưới chân không còn điểm tựa! Nhưng không, thư sinh đã giữ vững người đô Giang ở nguyên thế đứng, rồi buông hai tay nhảy ra xa khỏi sàn vật, chấp tay vái đô Giang nói:

- Kẻ bất tài xin bái phục đại huynh! Đại huynh quả danh bất hư truyền, và tiếng tăm của lò vật Vị Thanh, Tam Đái thật không phải hư danh!

Thư sinh lại quay lên nói với các cụ và mọi người đang dự xem cuộc đấu:

- Chúng tôi xin chịu thua anh đô Giang, không dám tiếp tục cuộc vật, vì trước sau thế nào chúng tôi cũng bị anh đô hạ!

Thư sinh vừa dứt lời, một hồi trống dài nổi lên báo hiệu cái thắng của đô Giang, và anh tuần phiên cũng gõ tung! tung! một hồi trống khải cho đến thích tay.

Trời xuân lúc này hết mưa bụi! Gió xuân thổi bay mấy ngọn cờ ngũ hành, và những ngọn cờ đua nhau phất phới như cũng muốn mừng chiến thắng của đô Giang.

Nhưng mọi người đều ngạc nhiên! Khi hai hồi trống lớn và nhỏ vừa dứt thì đô Giang khoát tay nói lớn:

- Thừa các cụ, thừa các anh em đô vật tứ xứ và thừa chư quý khách thập phương, kẻ thua keo vật này không phải là thầy Khóa, mà chính là kẻ bất tài này! Thầy Khóa đã thắng!

Thì ra, sau một giây ngỡ ngàng, đô Giang biết thư sinh, lẽ ra phải vật mình ngã ngựa, nhưng vì danh dự của mình, đã giữ cho mình đứng vững rồi nhảy ra khỏi tầm vật, tự nhận là thua cuộc. Người ta đã vì danh dự của mình, thắng nhận là thua, mình lẽ đâu lại là con người không có danh dự, nhận cái thắng không phải ở mình. Con người có danh dự phải biết trọng danh dự, thua được một keo vật không đáng kể, nhưng để thư sinh, một lực sĩ hào kiệt sẽ có ý nghĩ xấu về mình, đâu có phải là biết tự trọng, biết coi nặng danh dự! Đô Giang đã trọng danh dự hơn keo vật, nên nhất định không để cho ai hiểu lầm, và không để cho thư sinh kia coi thường mình được.

Nghe đô Giang nói lớn, các tay đô vật nhiều người nhận đứng, còn chư khách thập phương xem vật đã không biết bao nhiêu người ngạc nhiên. Có tiếng ồn ào trong hàng ngũ những người này, người nói đô Giang thua, kẻ nói đô Giang được!

Sự kiện xảy ra thật bất ngờ làm anh tuần phiên không biết có còn nên gõ chiếc trống khẩu nữa hay không, và hai cụ cầm châu trên rạp cũng ngưng tiếng trống.

Cả thư sinh lẫn đô Giang đều tiến về phía rạp và phân trần nhất định mình thua! Ông Tiên chỉ xã Hội Hợp, đất có nghề vật, tất nhiên có nhiều hiểu biết về môn vật, khi nghe hai bên trình bày, gật gù và nói:

- Thôi, bây giờ đã sang giờ Mùi, keo vật đến đây coi như kết thúc! Không ai được không ai thua, người giữ giải vẫn ở nguyên vị trí giữ giải, và như vậy anh đô Giang vẫn chiếm giải nhất, còn thầy Khóa..

Cụ vừa nói tới đây, đô Giang đã ngắt lời:

- Thưa cụ, xin mạn phép cụ, con không dám chấp nhận, giải nhất về thầy Khóa!

Thư sinh cũng vội lên tiếng:

- Cụ Tiên chỉ phán rất đúng! Tiểu đệ không thua là may, cụ cho hòa là tiểu đệ phải chịu ơn cụ rồi! Vả lại tiểu đệ có xin vào phá giải đâu mà lấy giải, tiểu đệ chỉ xin được thừa tiếp đại ca một keo để học vài miếng lạ, và cũng để hiến các cụ và bà con một keo vật bất ngờ, thế thôi!

Chàng quay lên thưa với các cụ:

- Kê thư sinh này xin nhắc lại, chỉ xin làng bữa rượu!

Ông Tiên chỉ cười ha hả nói:

- Tất nhiên thầy Khóa phải có bữa rượu và chính lão sẽ tiếp rượu thầy Khóa hôm nay!

Thư sinh lại bảo đô Giang:

- Xin mời cả đại huynh cùng dự bữa rượu làng thết với đàn em! Chắc các cụ cũng rộng lượng cho đôi ta được tiếp nhau! Miếng *Thượng công hạ kích* của đại huynh tài ba lắm!

Đô Giang đáp:

- Nhưng vẫn thua miếng *Thu phong tảo diệp* của thầy Khóa!

Rồi đô Giang nhất định cứ nhường giải cho thư sinh nhưng rút cuộc, anh vẫn phải nhận giải, vì thư sinh đã nói nhỏ với anh:

- Chúng ta đều là hào kiệt trong làng vật và cũng là trong thiên hạ nữa, đại ca nên bỏ qua cái khí tiết nhỏ không đáng kể để đàn em được vui lòng!

III

CÂU CHUYỆN TRONG BỮA RƯỢU



Trong khi thư sinh vào hậu rạp thay quần áo, thì ở sân vật, các tay đô vật vây quanh đô Giang để hỏi chuyện về cuộc vật. Đô Giang chỉ bảo mọi người;

- Anh em dự kiến đã thấy rõ! Riêng tôi, tôi thấy đây là một tay đô tài ba, và có sự luyện tập!

Các đô vật muốn hỏi rõ ai thắng keo vật, đô Giang chỉ trả lời: Tôi đã tuyên bố là tôi thua, nhưng các cụ cho đây là hòa, anh em cứ coi là keo vật hòa đi.

Giữa lúc có tiếng loa vang mời các tay đô được giải về đình lĩnh giải.

Khách xem vật lúc đó cũng đang bu quanh đô Giang và các tay đô vật khác để hỏi thăm, nhưng cũng không ai rõ được hơn điều gì!

Theo tiếng loa những tay đô được giải kéo nhau về đình dự lễ phát giải, và các anh em khác cũng đi theo để chứng kiến lễ này. Dân chúng xem hội tản mát dần.

Ta hãy bỏ qua buổi lễ phát giải, và đi theo thư sinh vào dự bữa rượu làng khoản đãi. Theo lời yêu cầu của thư sinh, đô Giang cũng được mời dự bữa rượu này, bữa rượu do chính cụ Tiên chỉ và cụ Thứ chỉ ngồi tiếp.

Mâm rượu thịnh soạn, vừa vì trọng khách vừa chứng tỏ dân xã sung túc. Thịt lợn, thịt gà đầy mâm, và rượu là thứ rượu cúc hảo hạng mua từ Hà Nội.

Ngồi vào mâm rượu, ông Tiên chỉ nói:

- Thật là hân hạnh cho lão hôm nay được hầu tiếp hai tay đô vật kinh ngư!

Thư sinh nói:

- Lão bá quá khen, kẻ học trò nghèo này mới học võ vẽ được dăm ba miếng, may được anh đô rộng lượng nên nường tay!

Đô Giang nói:

- Thầy Khóa quá khiêm nhường! Chính kẻ bất tài đã nhờ sự nường tay của thầy Khóa mà bảo toàn được danh dự.

Rượu rót ra. Ông Tiên chỉ mời cụ Thứ chỉ và hai quý khách. Ông nói:

- Ngày xưa, Tào Tháo uống rượu mơ xanh với Lưu Bị để luận anh hùng, hôm nay lão giàu hơn Tào Tháo có rượu thịt của làng để tiếp đãi anh hùng.

Rồi cụ hỏi thư sinh:

- Chẳng hay thầy khóa ở đâu tá?

- Văn sinh quê ở xã Mộ Trạch trấn Sơn Nam Thượng.

Nghe thư sinh nhắc đến xã Mộ Trạch, ông Tiên chỉ nói:

- Quê hương Trạng vật, chẳng trách thầy Khóa có tài vật. Lão chắc thầy Khóa văn chương hẳn cũng vào bậc xuất chúng. Chẳng hay quý danh là gì?

- Văn sinh họ Vũ tên Cảnh.

Ông Tiên chỉ lại nói:

- Con cháu họ Vũ làng Mộ Trạch! Một họ đã từng có đến hai mươi vị tiến sĩ, thầy Khóa chắc rồi cũng danh chiếm bảng vàng!

Ông Tiên chỉ nói vậy, vì cụ học nhiều biết rộng, đã rõ Mộ Trạch là đất văn học, mà họ Vũ lại có mộ tổ đặt đúng vào ngôi đất mệnh danh Tiến sĩ sào, nghĩa là Ổ Tiến sĩ. Theo sách *Lịch Đại danh hiền phổ* thì trước kia dưới triều Lê họ Vũ làng Mộ Trạch đỗ đạt nhiều lắm, mỗi khoa thường hai người cùng đỗ, anh em chú cháu làm quan đầy triều. Khoa Kỷ Hợi, niên hiệu Vĩnh Thọ, một họ Vũ làng này đã có ba người đỗ Tiến sĩ liền nhau là anh em và chú cháu Vũ Cầu Hối, Vũ Bật Hải và Vũ Công Đạo.

Nghe ông Tiên chỉ nói đến ngày mình sẽ danh chiếm bảng vàng. Vũ Cảnh thưa:

- Thừa lão bá, văn sinh sẽ không bao giờ danh chiếm bảng vàng, phần vì học dốt, phần vì cái khoa cử ngày nay không có nghĩa lý gì?

- Thầy Khóa nói vậy là nghĩa thế nào? Vậy khoa Giáp Ngọ này, thầy Khóa không ứng thí?

- Thừa lão bá, vâng! Lão bá Tiên chỉ nghĩ coi, triều đình bây giờ có phải là triều đình của dân mình đâu, triều đình là của giặc Pháp. Chúng nó đã bắt đức Vua, - ý Vũ Cảnh muốn nhắc tới vua Hàm Nghi-, đem đi đày ở xứ xa. Vua ngày nay do chúng dựng lên để bắt dân ta làm nô lệ. Những người trung dũng như Tôn Thất Thiệp đã bị chúng giết chết khi vây bắt đức Vua, Tôn Thất Đạm thì tự sát! Một hồi cụ Đình nguyên Phan Đình Phùng đã lui về Vụ Quang, huyện Hương Khê tới nay mới lại tiếp tục điều quân chống giặc. Nếu văn sinh đi thi, chẳng hóa văn sinh quên thù nước, cam tâm tìm cái vinh hoa ở tay giặc chẳng? Làm quan với giặc còn chi là danh tiếng họ Vũ nữa!

Ông Thứ chỉ từ nãy vẫn ngồi yên, sau khi tợp một hớp rượu, chậm rãi nói:

- Thầy Khóa nghĩ thế cũng phải. Nghĩ tình cảnh đất nước lúc này thật đáng chán! Ở đất Bắc này tên kinh lược Hoàng Cao Khải theo Tây làm biết bao nhiêu việc tàn ác. Nó theo gương tên khâm sai lấy giết dân làm công trạng với Tây. Dân chúng bị bao nhiêu sự lầm than. Sĩ phu trong nước có phần nô, nhưng Tây chúng nó có súng, mình chỉ gươm đao làm gì chống lại nổi chúng nó! Thầy Khóa đừng nghĩ rằng những người như lão đây không biết nghĩ đến non sông dân tộc! Lão cũng như cụ Tiên chỉ vẫn hăng cùng nhau bàn chuyện thời thế mà buồn! Cụ Tiên chỉ đây, trước cũng đã từng năm ba phen lao đao trường ốc, nhưng rồi vì chán nản với thời thế, nghĩ có thi đỗ cũng chỉ lại đến đi làm quan với Pháp, nên cụ đã ba bốn khoa thi gần đây không lều chõng tới trường thi nữa!

Ông Tiên chỉ nghe cụ Thứ chỉ nói gật gù rồi báo Vũ Cảnh:

- Lão cũng lặn lội về công danh, mấy khoa thi liền chỉ đậu được nhất, nhì trường rồi rớt ở kỳ tam trường! Trước kia lão buồn nhưng giờ đây lão lại tự an ủi, không đậu càng khỏi làm đay tớ cho Pháp. Thầy Khóa đừng tưởng rằng làng lão mở hội thế này mà lão cũng như nhà cụ Thứ chỉ đây trong lòng vui sướng. Theo lệ làng thì mở hội, và lão nghĩ cũng cần mở hội để con em nó tập dượt về môn vật này. Phòng khi hữu dụng chúng còn có thể sử dụng nó để đối phó với thời thế.

Cụ hỏi Vũ Cảnh:

- Lão nghe nói, sau khi nghỉ ngơi ít lâu ở Vụ Quang, cụ Phan chỉnh đốn lại lực lượng, đã mấy lần đụng độ với bọn lính tập của Pháp, và trước quân số sút kém cụ đã có lời hiệu triệu đồng bào đi kêu gọi người trẻ sung vào quân ngũ, người già thì khuyên nhủ con cái, không hiểu thầy có nghe nói tới bản hiệu triệu đó chăng?

Vũ Cảnh đáp:

-Dạ!

Việc cụ Phan Đình Phùng phò vua Hàm Nghi chống Pháp, mặc dù sự che đậy của Pháp cũng như của lũ tay sai, các bậc trí thức, các tay hào kiệt trong nước đều biết rõ. Nhiều người tìm hiểu cụ Phan, và thuật lại cho nhau nghe những câu chuyện về thân thế cụ, về lòng yêu nước và sự quyết tâm giúp Vua cứu nước của cụ. Tiểu sử và công việc cụ làm, các nhà có tâm với thời cuộc thường nhắc lại cho con cháu nghe và khuyến khích con cháu nêu gương cụ. Chính Vũ Cảnh cũng đã nghe lời khuyến dụ của ông chú, và hiện thời đang hoạt động để chiêu tập hào kiệt đáp lời kêu gọi trong hiệu triệu.

Ai đã lưu tâm tới sử nước nhà ắt cũng rõ ít nhiều về cụ Phan. Cụ người làng Đông Thái, tổng Việt Yên, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, sinh năm Đinh Mùi (1847) và mất năm Ất Mùi (1895). Cụ đã từng là người đứng ra lãnh đạo phong trào Cần Vương chống Pháp, suốt mười năm liền từ 1886 đến 1895 ở Nghệ Tĩnh, giúp vua Hàm Nghi, và sau khi nhà vua bị bắt vì sự phản bội của tên Trương Quang Ngọc, cụ còn tiếp tục nhiệm vụ Cần Vương cho tới chết, nêu cao tinh thần bất khuất của một vị anh hùng dân tộc. Nhắc tới cụ người ta thường kể tới câu chuyện sau khi đày Đình nguyên, đứng đầu hàng tiến sĩ, được bổ làm tri phủ Yên Khánh, Ninh Bình, cụ đã kinh chống cố đạo Trần Lục tục gọi là cố Sáu, một cố đạo ỷ thế Tây đã làm nhiều điều tác tệ trong dân chúng. Vì phạm lỗi ỷ quyền cậy thế, cố đạo Lục đã bị cụ Phan truyền lệnh cho lính đề xuống đánh đòn. Việc làm của cụ đã được nhiều người ngợi khen, và dân chúng xưa nay vẫn bị cố đạo Trần Lục áp bức lấy làm khoái trá! Cụ là vị quan đầu tiên của Triều đình đã không kiêng nể sức mạnh của đạo, đang được Tây phù trợ để dễ bề thao túng trên giang sơn đất Việt.

Vì có lỗi dám nọc cổ đạo Trần Lục đánh đòn, cụ Phan bị triều đình trị tội! Ôi! Tội gì? Phải chăng tội không sợ Tây và không sợ lũ tay sai bán nước của chúng! Cụ Phan bị triệu về kinh, nhưng vua Tự Đức thương là người ngay thẳng, không trị tội nặng, chỉ quở phạt và cho sung chức Đô Sát Viện ngự sử vào năm Tự Đức thứ 31.

Cụ Phan quả là người ngay thẳng nào phải riêng ở việc trừng phạt Cổ đạo Trần Lục mà còn ở nhiều việc khác nữa! Như việc sau đây chẳng hạn:

Bấy giờ vua Tự Đức có lập một sân bắn ở cửa biển Thuận An, và truyền lệnh cho các quan văn võ đều phải ra đấy tập bắn. Nhà vua muốn khi lâm sự thì dù văn hay võ các quan đều phải biết bắn để có thể đối phó với tình thế. Lúc đó, nước ta đang gặp nhiều sự nhiễu nhương do giặc Pháp gây nên, và giặc Pháp lại hay dùng bọn lính tập để đánh phá làng mạc và uy hiếp vua quan Việt Nam.

Ra tập bắn, các quan thường bắn trật, nhưng viên quan chấp sự lại ghi là trúng nhiều. Trước sự gian dối này, cụ Phan đã dâng sớ tâu vua xin ngự ra tại nơi sân bắn để chứng kiến việc tập bắn. Vua Tự Đức đã nhận thấy đa số đều bắn trật, mười phần chỉ được hai ba phần. Nhà vua liền phê vào tờ sớ của cụ Phan câu: *Thử sự cửu bất phát phùng Phùng nãi phát*, nghĩa là việc này đã lâu không ai phát giác ra nay gặp Phùng mới phát giác được.

Người ta cũng nhắc tới việc cụ Phan tâu xin cách chức Kinh lược sứ Bắc Kỳ là Nguyễn Chánh. Nguyên vua Tự Đức thấy cụ là người trung thực thanh liêm, liền hạ chỉ phong cụ làm Khâm mạng đại thần ra thanh tra việc quan lại tại Bắc Kỳ. Đi thanh tra về cụ đã dâng sớ tâu vua kể rõ việc Kinh lược sứ Bắc Kỳ Nguyễn Chánh, được vua ban tiết việt để làm đồ trưng bày cho đẹp mắt, thực sự Chánh không quan tâm tới dân tình, và việc cai trị thật đáng chê.

Nhà vua truyền lệnh cho cụ Phan thâm lấy tiết việt Kinh lược sứ của Chánh và cách chức ngay viên quan này.

Và việc mọi người nhắc lại lấy làm thống khoái nhất là việc cụ Phan ngang nhiên giữa triều đình chống lại Tôn Thất Thuyết, lúc Thuyết làm Phụ chánh đại thần với rất nhiều uy quyền trong tay. Nguyên sau khi vua Tự Đức băng hà, theo di chiếu, vua Dục Đức được lập lên nối ngôi, nhưng Tôn

Thất Thuyết lại họp đình thần để truất phế vua Dục Đức rồi lập vua Hiệp Hòa vào ngày 30 tháng 7 năm 1883. Trước sự chuyên quyền của Thuyết, cụ Phan không dẫn được sự tức giận đã lên tiếng nhục mạ Thuyết giữa triều đình là phản nghịch, dám trái di chiếu của Tiên vương. Việc này đã khiến cụ bị Thuyết hạ lệnh tống giam mười ngày, rồi lột hết chức tước đuổi về nguyên quán. Thuyết lại giam vua Dục Đức trong ngục và bỏ cho chết đói. Việc làm tàn ác của Thuyết đã khiến sau này gặp toàn điều không hay! Và Thuyết đã chết bỏ xác bên Trung Hoa!

Năm 1885, khi hay tin vua Hàm Nghi mưu chống Pháp không thành phải xuất thân ra miền Quảng Bình, cụ Phan cùng các ông Phan Quang Cự, Phan Khắc Hòe, Hoàng Xuân Phong, Ngụy Khắc Kiêu và Phan Trọng Mưu đến yết kiến. Vua Hàm Nghi phong cụ làm chức Tán tương quân vụ, lãnh đạo tất cả các đạo nghĩa quân kháng Pháp. Cụ Phan làm tờ hịch Cần Vương phát trong dân chúng để chiêu tập nghĩa quân cứu nước! Chỉ trong vòng có bảy, tám ngày mà có đến năm, sáu nghìn nghĩa sĩ tình nguyện theo cụ hy sinh vì đại cuộc nước nhà. Ngôi nhà của cụ đã được dùng làm nơi tuyên thệ của nghĩa quân. Sau đó, cụ chia quân lập đồn khắp tổng Việt Yên. Một xưởng công binh được lập tại ngay làng Đông Thái để đúc súng đạn và rèn gươm giáo.

Đáp lời chiêu tập của cụ, anh hùng chí sĩ các nơi về quy tụ rất đông. Ngoài những vị trong làng gồm tiến sĩ Phan Trọng Mưu, cử nhân Phan Cát Sự, Phan Quang Cự còn nhiều anh hùng văn võ các tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, Thám hoa Nguyễn Đức Đạt, Hoàng giáp Nguyễn Quý, Tiến sĩ Nguyễn Xuân Ôn, Đình Văn Chất, cử nhân Nguyễn Hành, anh em của ông Ấm Lê Ninh và các phó bảng võ Nguyễn Hanh, Cao Đạt, hai anh em Cao Nữu. Thanh thế của binh đội cụ ngày càng mạnh thêm.

Sau nhiều trận đụng độ, quân Pháp và lũ lính tập tràn tới đồn lớn ở Đồng Thái đánh phá. Sợ thiệt hại nhiều tới dân chúng, sinh mạng và tài sản, vì bọn Pháp tới đâu là lũ lính tập giết người, đốt nhà, cướp của tới đó, cụ Phan phải lui quân tới đóng ở hai huyện Hương Sơn và Hương Khê. Với chiến thuật di chuyển bản doanh nay nơi này, mai nơi khác, cố tránh những trận giao tranh lớn để bảo toàn lực lượng, quân Pháp muốn đánh, nhưng không

làm gì được. Thời đó dân chúng rất căm hờn những tín đồ làm tay sai cho Pháp, chúng chỉ là lũ giặc cướp giết người! Chúng bị coi là lũ bán nước cầu vinh, không biết quốc gia là gì, không biết dân tộc là gì! Giặc Pháp triệt để lợi dụng chúng để chinh phục Việt Nam qua các cố đạo.

Năm 1866, cụ Phan đóng quân tại làng Phụng Công, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh, ủy ông anh là Phan Đình Thông giữ cánh quân ở huyện Thanh Chương, Nghệ An. Bất ngờ trong bọn thủ hạ của cụ Thông, có kẻ phản bội, làm nội ứng đem quân Pháp về bao vây, và cụ Thông đã bị chúng bắt giải về Nghệ An. Bấy giờ tổng đốc Nghệ An là Nguyễn Chánh trước kia đã bị cụ Phan cách chức ở Hà Nội, nhờ khéo luồn lọt nịnh bợ giặc Pháp, can tâm làm Việt gian bán dân hại nước nên được Pháp trọng dụng và được bổ vào chức vị này. Chánh truyền giam cụ Phan Đình Thông vào ngục, tìm cách trả mối thù cách chức năm xưa.

Tuần phủ xứ hồi đó, tại nơi đây là Lê Kinh Hạp, được lệnh truy nã cụ Phan. Kinh Hạp vốn là bạn thân cụ Phan, nên có viết thư khuyên cụ Phan về hàng để cứu lấy mạng sanh và mồ mả gia tiên.

Hiếu thảo lòng bạn có hảo ý với mình, nhưng nhà là nhà, nước là nước, nên cụ Phan đã cười lạt nói:

- Tôi chỉ có một ngôi mộ rất to nên giữ là đất nước Việt Nam, một ông anh rất to là mấy mươi triệu đồng bào. Nếu về mà sửa sang phần mộ của mình, thì ngôi mả cả nước kia ai giữ? Về để cứu ông anh mình, thì anh em trong nước ai cứu.

Cụ không trả lời Lê Kinh Hạp chỉ nhún người đem thư cảm tạ hảo ý của bạn.

Năm 1887, nhận thấy nếu cứ đóng quân mãi trong miền núi thì khó thành công được, cụ quyết định ra Bắc hiệu triệu đồng bào và các văn thân, để gây thêm uy thế cho phong trào Cần Vương. Trước khi ra đi, cụ hạ lệnh cho tướng sĩ tạm thời ngưng khai chiến với Pháp để đợi cụ về.

Trong khi cụ ra Bắc, nhiều tướng tự động giải tán. Trung kiên nhất là anh em ông Cao Thắng, Cao Nhữ, Cao Đạt và ông Nguyễn Niên. Các ông thu góp quân lính về ẩn trong miền vùng núi làng Lệ Đông, quê nhà của Cao Thắng.

Cao Thắng trí dũng kiêm toàn, lại có tài điều khiển đúc súng để kháng Pháp, ông là vị phụ tá rất đắc lực của cụ Phan. Chính nhờ tài trí của ông mà nghĩa quân có đầy đủ vũ khí như của Pháp. Trong một cuộc phục kích quân Pháp, quân của họ Cao đã tịch thu được mười bảy khẩu súng. Cao Thắng đã dựa theo khuôn mẫu chế tạo những khẩu súng không khác súng Pháp là bao nhiêu. Tài chế súng đạn và tài hành quân của Cao Thắng đã khiến kẻ thù phải khâm phục. Viên đại úy Gosschis đã từng dự trận đánh ở Nghệ An, sau này cũng đã công khai ngợi khen Cao Thắng, thuật lại sự khéo léo trong tổ chức rèn luyện quân sĩ theo Tây phương và việc đúc khí giới của Cao Thắng.

Cao Thắng sau khi chế tạo được 350 khẩu súng và chiêu mộ được thêm hơn một nghìn⁴ quân đã viết thư ra Bắc báo cáo tình hình và mời cụ Phan về Trung để lo việc cử đại quân đánh Pháp.

Ra Bắc, cụ Phan đã gặp một nhà ái quốc có chí lớn là Hoàng Hoa Thám và đôi bên rất tâm đầu ý hợp trong mưu sự cứu đất nước.

Nhận được thư của Cao Thắng, cụ Phan vội vã dùng thuyền vượt biển về Trung, và được Cao Thắng đem quân nghênh đón tại bến làng Ngân Xá, gần chợ Chế thuộc huyện La Sơn, và rước cụ về tạm đóng quân ở mấy trái núi Trùng Khê, Tri Khê, huyện Hương Khê.

Được tin cụ trở về, các tướng sĩ lúc trước tự động giải tán quy tụ trở lại rất đông.

Sau đó là vụ bắt Trương Quang Ngọc đem ra chém đầu vì tội phản quốc. Lúc khám nhà tên Ngọc quân tướng cụ Phan đã lấy lại được cây bảo kiếm của vua Hàm Nghi.

Cùng với sự trừng phạt Trương Quang Ngọc, cụ Phan cũng kêu gọi anh hùng hào kiệt hãy về quy tụ để cùng chung lo việc nước. Hào kiệt khắp nơi kéo về rất đông. Và lúc này cụ đóng ở Ngàn Trươi, một nơi hiểm yếu tại núi Vụ Quang, với rừng núi bao la hiểm hóc.

Với thân thế và sự nghiệp của cụ Phan Đình Phùng sơ lược kể trên, Vũ Cảnh đã trình bày cùng hai cụ Tiên, Thứ chỉ rõ nhiều chi tiết khác. Hai cụ rất lấy làm thích, và đô Giang ngồi nghe cũng thấy tâm hồn bị kích động.

Vũ Cảnh lại cho ba người biết, trong dịp cù Phan ra Bắc vừa rồi, Cảnh đã được hân hạnh gặp cù Phan và đã được cù ủy nhiệm cho việc liên lạc với anh hùng hào kiệt xứ Bắc để thúc đẩy những cuộc nổi dậy chống Pháp và lũ vua quan tay sai. Vũ Cảnh nhắc lại những lời cù Phan đã kêu gọi đồng bào, và nói rõ những hoạt động của mình từ Sơn Nam Thượng, qua Kinh Bắc lên vùng Tam Đái. Cảnh đã gặp gỡ nhiều bạn trẻ đồng chí hướng và một số những người này đã kéo nhau đi Nhã Nam để gia nhập đội quân của Hoàng Hoa Thám.

Vũ Cảnh nói: - Đất Tam Đái ta đây, xưa nay lắm anh hùng hào kiệt, và tại nhiều nơi lại có nghề vật, nghề võ, văn sinh thấy mình có nhiệm vụ tìm gặp các vị anh hùng hào kiệt này. Không phải là các vị ấy không có tâm huyết nhưng phải cần một sự liên lạc để có thể tham gia các đạo nghĩa quân trong Trung, ngoài Bắc.

Qua đây, gặp hội vật làng ta, thật là một dịp may vì văn sinh có cơ hội để gặp các tay đô vật kiệt hiệt, và những tay này gia nhập quân ngũ sẽ giúp đỡ các vị lãnh đạo trong việc chỉ huy quân sĩ.

Nghe Vũ Cảnh nói, ông Thứ chỉ gật gù hỏi:

- Lên đây thầy Khóa đã gặp nhiều anh em chưa? Và trong lúc hoạt động thầy ắt trải qua nhiều gay go có thể nguy hiểm đến tính mạng?

- Thừa lão bá, văn sinh vừa từ Kinh Bắc sang đây, chưa có dịp tiếp xúc với các nhân vật Tam Đái. Hai lão bá và đại ca đây là những người đầu tiên văn sinh được gặp. Thật là may mắn và hân hạnh cho văn sinh được chính hai lão bá thương cho ngồi hầu rượu mới được trình bày mọi hoài bão cũng như công việc đang theo đuổi. Đúng như lời lão bá nói, văn sinh gặp nhiều gian lao, và nhiều phen đi sát bên cái chết, nhưng may nhờ sự phù trợ của anh linh tiên tổ giống nòi, nên đều thoát hiểm. Nhưng dù có phải chết đi chẳng nữa, văn sinh cũng chẳng dám nề hà. Ai cũng ham sống, sống là quý, nhưng lại có điều quý hơn sự sống, lựa chọn tất nhiên phải bỏ sự sống, cũng như cái chết ai cũng sợ, nhưng lại có điều đáng sợ hơn cái chết, lựa chọn tất nhiên phải lựa chọn cái chết. Thầy Mạnh Tử xưa đã nói: *Sinh diệc ngã sở dục, sở dục hữu thậm ư sinh giả, cố bất vi cẩu đắc dã. Tử diệc ngã*

sở ố, sở ố hữu thậm ư tử giả, cố hoạn hữu bất tị dã ⁵. Là con cháu của ông cha đã từng lấy đạo thánh hiền làm căn bản, văn sinh đâu dám không cố học lấy gương ông cha, tôn trọng đạo đức nhân nghĩa của Thánh Hiền. Trong thời buổi này, đáng quý hơn sinh mệnh là điều nhân nghĩa và đánh ghét hơn sự chết là điều bất nhân bạc nghĩa. Đất nước đang trong cảnh bị giặc Tây giày xéo, nhân nghĩa lúc này là phải nghe tiếng gọi của non sông đứng lên chống giặc, bằng cách này hoặc bằng cách khác, còn bất nhân bạc nghĩa là tự mình làm tay sai cho Tây bán rẻ nước nhà như lũ lính tập tín đồ đạo La Mã, như là lũ quan lại chỉ a dua nịnh bợ bọn Tây, chúng bảo sao nghe vậy, tự tay giết dân mình thì thằng Tây nó vừa hưởng lợi nó vừa cười cho!

Ông Tiên chỉ tợp hớp rượu, gật gù nói:

- Những lời của thầy Khóa thật là chí lý. Lão tuy già, nhưng nếu giúp ích được cho đất nước và quân Cần Vương các nơi, lão thật chẳng nề hà.

Ông quay lại hỏi đô Giang:

- Thế nào anh đô, nghĩ sao về câu chuyện từ nãy tới giờ?

Đô Giang từ lúc ngồi vào mâm rượu vẫn chăm chú nghe ba người nói chuyện, chăm chú đến độ anh quên cả uống rượu, chén rượu đưa lên môi lại đặt xuống, nghe ông Tiên chỉ hỏi liền đáp:

- Thừa cụ, con quê mùa ít học, từ nhỏ cha con luyện cho nghề vật, con chỉ theo đuổi nghề vật. Thình thoảng con cũng được nghe cha con nhắc tới việc Tây nó vào cướp nước, ép buộc vua quan ta phải theo nó, và nhiều nơi có các nghĩa sĩ nổi lên chống Tây. Cha con nói vậy, nhưng người không dạy con phải làm thế nào đối với tình trạng này, và chính con, chưa bao giờ con nghĩ tới đi tìm các đám nghĩa quân để xin đi theo giết giặc. Con cứ chăm chú luyện môn vật, và mỗi lần đi dự giải, được giải con đều kiêu hãnh lấy làm vinh dự, nhưng thừa hai cụ và thầy Khóa, ngồi nghe câu chuyện của hai cụ và thầy Khóa, con đã tự thấy thẹn vì đã từng chiếm được nhiều giải vật. Những giải vật này trước đây chính là những thuốc ngủ mê, để là đô vật chúng con chỉ nghĩ đến vật mà không nghĩ gì đến nước nhà, không nghĩ gì đến đồng loại đang chịu sự giày xéo dưới gót giày của Tây và của lũ đây

tớ chúng! Giờ đây con đã tỉnh ngộ, và con nguyện nghe lời chỉ giáo của hai cụ và của thầy Khóa.

Ông Tiên chỉ mời mọi người uống rượu, và chính tay cụ gấp tiếp đồ nhắm cho đô Giang cũng như Vũ Cảnh. Nghe đô Giang nói cụ vượt râu, cười ha hả:

- Chí khí luôn ở trong huyết quản người có chí, chí khí này không được kích thích, không được nuôi dưỡng thì không bộc lộ ra và sẽ có thể bị tiêu diệt vì những điều tầm thường của cuộc sống. Con nhà võ có chí khí của võ sinh, con nhà văn có chí khí của văn nhân. Luyện tập nghề đô vật là nghề võ, anh đô quả không thẹn với danh tiếng đô vật tài nghệ! Chỉ mấy câu chuyện đủ làm lòng yêu nước thương nòi của anh nổi dậy, anh thấy từ trước mình quá thờ ơ với công cuộc của những người cứu nước. Lão tin rằng giờ đây máu ái quốc đang sôi sục trong huyết quản anh đô, và có lẽ đầu óc anh đô đã có một tính toán!

Anh đô sốt sắng nói: - Cụ dạy rất đúng. Hiện con đang nghĩ nếu con theo được bước của thầy Khóa ở đây chắc là con sung sướng và tự lấy làm hãnh diện lắm.!

Vũ Cảnh thông thả đặt chén rượu xuống mâm, gấp miếng thịt bỏ vào bát, chậm rãi nói:

- Chính tôi đang tìm gặp những người như đại ca đó, có tâm huyết, có tài năng lại cần đảm lược để vượt mọi khó khăn gian khổ, để biết chết khi cần chết, biết tự bảo tồn mình khi không cần chết.

Chàng quay lại nói với hai ông Tiên, Thứ chỉ:

- Thừa hai lão bá, văn sinh đã có hân hạnh được họp mặt với cụ Phan cùng nhiều người ở làng Nam Ngạn vùng Kinh Bắc. Cụ Phan đã gặp ông Đề Thám và hai người đã bàn tính về công việc Cần Vương. Cụ Phan sẽ tiếp tục chiến đấu tại miền Trung, nhưng để giặc Pháp phải gặp nhiều khó khăn ông Đề sẽ hoạt động tại miền Bắc. Cả hai vị đều sẽ cho người liên lạc với các nhóm Cần Vương khác gây thanh thế và hậu thuẫn lẫn nhau. Sau buổi họp hôm đó, một số người lên ngay phía Nam để gia nhập vào đội nghĩa quân của ông Đề, một số người khác, trong đó có văn sinh sẽ đi tìm những anh hùng hào kiệt khắp nơi, cổ vũ để các vị này đứng lên triệu tập cho được

nhiều nghĩa quân gửi tới giúp ông Đề, và luôn luôn liên lạc với các bộ chỉ huy của ông Đề và cụ Phan. Riêng văn sinh được cụ Phan ủy cho nhiệm vụ tìm gặp gỡ những người có tâm huyết tại hai vùng Kinh Bắc và Tam Đái. Khi nào công việc có kết quả tốt đẹp, cụ dặn văn sinh sẽ vào Ngàn Trươi gặp cụ.

Đô Giang hỏi:

- Vậy những người như chúng tôi sẽ cùng vào Ngàn Trươi?

Vũ Cảnh đáp:

- Nếu đại ca muốn vào Ngàn Trươi cũng được, nhưng tiểu đệ định bàn với đại ca một chuyện quan trọng và muốn nhờ đại ca lĩnh gặp một nhiệm vụ khó khăn!

- Nếu thầy Khóa muốn giao cho nhiệm vụ gì, kẻ quê mùa này nguyện không từ nan và sẽ đem hết sức lo cho nhiệm vụ đó được thành công.

Ông Tiên chỉ lại rót rượu và gấp đồ nhắm cho hai người. Cụ nói:

- Lão đã già, nếu không lão quyết chia nhiệm vụ với thầy Khóa và anh đô!

- Thừa hai cụ, nếu muốn, hai cụ còn có những công việc khó khăn hơn công việc của lũ văn sinh nhiều!

Ông Thứ chỉ ngắt lời hỏi:

- Ít lâu nay, lão cũng nghe thấy nhiều người nhắc tới ông Đề Thám, rất tiếc lão không hiểu rõ ông Đề là người thế nào và hoạt động Cần Vương ra sao!

Ông Tiên chỉ đỡ lời Vũ Cảnh:

- Ông Đề chí khí lắm. Tôi được nghe ông chiêu dụ hào kiệt từ mấy năm nay và người người theo về ông cũng khá đông, tuy tới nay ông chưa có thanh thế lắm. Một người đã được cụ Phan tìm gặp, đâu phải là hạng tầm thường...

Vũ Cảnh nói:

- Lão bá dạy rất đúng. Văn sinh xin phép hai lão bá và đại ca nhắc sơ qua về sự nghiệp và thân thế ông Đề, trước là để các cụ hiểu, sau là mong các lão bá chú ý tới, mong có sự giúp đỡ gì được cho Cần Vương chăng?

Nói rồi, chàng đem tiểu sử ông Đề nhắc lại để ba người cùng nghe.

Tên thật ông Đề là Trương Văn Nghĩa tục gọi là Hoàng Hoa Thám. Thân sinh ông là Trương Văn Thận. Thuở nhỏ, ông sống cùng ông chú ở làng

Trùng, phủ Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Thân mẫu ông không rõ là gì, người ta chỉ biết cụ quê ở làng Ngọc Cục, kế bên làng Trùng. Ông Đền cưới vợ vào năm 18 tuổi, và đã có một con trai, tên là Cả Trọng. Ông tình nguyện nhập vào đoàn nghĩa quân cách mạng do lãnh binh Trần Xuân Soạn ở Bắc Ninh điều khiển từ năm mới 20 tuổi. Trong đoàn quân này, đã nhiều lần ông chứng tỏ mình là một chiến sĩ ưu tú trong kháng chiến chống Pháp, chẳng kém gì các nhà cách mạng kháng Pháp có tiếng tăm như cụ Tán Thuật, tức là Tán tương quân vụ Nguyễn Thiện Thuật và Đền Kiêu. Năm ông 25 tuổi, ông lại từng theo cụ Bá Phúc, ông nhận làm nghĩa phụ, đi vận động nghĩa quân tại Vân Nam giúp cho Cai Kinh, nhờ có tài về quân sự lại có胆 lược hơn người nên ông được phong chức Đốc Binh, và do chức vụ này, ông được mọi người gọi là Đền Thám. Ngày 6 tháng 7 năm 1888, Cai Kinh bị giết chết ở Lạng Sơn thì ông đứng ra tự họp một số nghĩa quân để theo đuổi công việc kháng Pháp và đã có những cuộc hành quân tại các vùng Quế Dương, Võ Giàng, Hiệp Hòa, Việt Yên, Yên Dũng. Người Pháp rất lo ngại trước sự tấn công ác liệt của nghĩa quân do ông Đền lãnh đạo, đã cho họa hình ông dán khắp nơi, treo giải thưởng trọng hậu cho ai giết được ông. Tuy xuất thân từ một gia đình nông dân, nhưng trước nạn nước, ông có một hoài bão to tát với chí lớn hơn người. Ông cương quyết chiến đấu đến cùng để giành lại tự do cho dân tộc. Thế lực của ông từ năm 1889, ngày càng bành trướng. Năm đó, lực lượng kháng Pháp của ông có hơn 500 khẩu súng và một số nghĩa quân khá đông đảo, ai nấy đều hết lòng hy sinh cho đại nghĩa, ông tập trung tất cả nghĩa quân tại làng Đình Tháo, thuộc phủ Nhã Nam, tỉnh Bắc Giang để làm lễ tế cờ, khao quân và cùng nhau uống máu ăn thề sinh tử có nhau.

Mưu việc trường kỳ kháng Pháp, ông chia quân ra nhiều nơi, đặt đồn ải tại Phủ Lạng Thương, Thái Nguyên, vùng rừng núi Vĩnh Yên, Phúc Yên và Bắc Giang. Riêng vùng Yên Thế được ông chọn làm nơi đóng quân của Bộ chỉ huy, nơi đây dưới con mắt ông, là hiểm địa, có thể lo kế lâu dài trong việc tổ chức chống Pháp được. Ông lại tìm cách liên lạc với các giới, quy nạp những người có lòng yêu nước chân thành, tạo nên một hậu thuẫn vững mạnh cho công cuộc.

Anh hùng hào kiệt trong thiên hạ Bắc Kỳ kéo về với ông rất đông, đáng kể hơn hết là Lương Tam Kỳ, Đèo Văn Trí, Lục A Sung, Bộ Giáp, Cai Mão. Bọn Lương Tam Kỳ và Lục A Sung vốn là người Tàu, và là dư đảng quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc. Sau những cuộc mưu toan phá rối ở vùng Hoa Nam không thành lại bị Thanh triều truy nã gắt gao, họ vượt biên giới sang Bắc Kỳ, rồi chiếm cứ vùng Chợ Chu tỉnh Bắc Cạn, nhưng tự thấy không làm nên được gì và nếu bị quân Pháp tiến đánh sẽ nguy ngập nên kéo nhau về với ông Đề. Đèo Văn Trí là người Thái đứng đầu một nhóm thuộc dân tộc thiểu số ở miền Bắc. Lúc đó dân thiểu số cứ mỗi nhóm chiếm một vùng riêng biệt, đã từng được triều đình Huế sắc phong, nhưng dưới sự xâm chiếm Việt Nam giặc Pháp tìm cách ly gián, tìm cách tách họ khỏi quyền hành của chính phủ Nam triều và tìm cách làm cho họ chia rẽ với nhau để dễ bề cai trị. Đèo Văn Trí thấy rõ dã tâm ấy của bọn thực dân, nên cương quyết về hợp tác với ông Đề Thám. Các người khác, Bộ Giáp, Cai Mão đều là những người địa phương rất có lòng với sự tồn vong của dân tộc, nhất là lại có gan dạ anh hùng.

Trong đám tướng lĩnh của ông Đề có một phụ nữ rất hơn người, đó là bà vợ ba của ông tên Đặng Thị Nhu vẫn được quân sĩ và dân chúng gọi là Cô Ba. Bà là em nuôi ông Thân Văn Luận, một nhân vật có tiếng tăm ở Bắc Kỳ, thường được gọi là ông Thống Luận, một trong những cộng sự tay chân đắc lực của ông Đề. Lại còn những cộng sự viên thân cận đắc lực khác như Tổng Trực, Bá Phúc nghĩa phụ của ông Đề. Hai con trai ông Đề là Cả Trọng và Cả Dinh đều là những con người gan dạ tài ba, có chiến lược, chiến thuật, thường nhiều phen vào sinh ra tử chia vui sẻ buồn cùng thủ lĩnh, gặp gian nguy không sờn lòng. Chính nhờ những cộng sự viên thân cận và hai con trai mà cho tới năm 1890, ông Đề đã tạo được nhiều thành tích vẻ vang và đã gây thanh thế trong dân chúng cũng như đã làm cho giặc Pháp phải e dè.

Với thanh thế rộng lớn, với uy tín vững, ông Đề một mặt tích cực chống Pháp, một mặt chiêu mộ thêm một số thanh niên có lòng ái quốc nhiệt thành để sung vào hàng ngũ nghĩa quân cách mạng. Các cộng sự viên của ông Đề không những chịu sự điều khiển trực tiếp của ông, mà còn lựa

những người thân tín tài năng của mình để đưa vào hàng ngũ cho ông Đề sử dụng, trong số đó có cả Lương Tam Kỳ⁶

Trước sự hùng hậu của lực lượng ông Đề, bọn Pháp ngày đêm mất ăn mất ngủ, chúng liền cho tổng hợp các lực lượng thiện chiến tiến vào chiến khu của ông Đề, nhưng ông Đề đã tiên liệu, cho quân sĩ tuần tự rút lui để bảo toàn lực lượng vì ông nhận thấy quân mình chưa luyện tập thành thục, chưa đầy đủ khí giới, nếu đường đường chống lại với quân Pháp, có huấn luyện kỹ càng lại có đầy đủ súng ống chỉ là một sự hy sinh vô ích, và sẽ hoàn toàn thất bại. Do đó khi quân Pháp tiến vào bản doanh của ông ở Yên Thế, nghĩa quân đã được phân tán vào rừng sâu, quân Pháp không thể tấn công được. Tuy vậy quân Pháp cũng đã phải chịu thiệt hại vì không quen phong thổ lại không hiểu địa hình địa vật. Một số lính tập đã bỏ mạng ở vùng sinh lầy với những cuộc đánh lẻ tẻ của từng nhóm nhỏ của quân ông Đề.

Pháp rút quân, ông Đề lại trở lại Yên Thế và tiếp tục chiêu quân, rèn luyện quân sĩ và mua đạn chờ ngày hành động đại sự.

Năm 1892, quân đội Pháp lại đem bọn lính tập cùng với quân Pháp lên tấn công. Chúng cũng vào được bản doanh của ông Đề. Chúng rút kinh nghiệm của trận trước đã bố trí rất chặt chẽ. Ông Đề phải hết sức vất vả mới rút lui được hết nghĩa quân vào rừng qua nhiều cuộc giao tranh. Cả hai bên đều tổn thất nặng. Lính của ông Đề thắng tay với quân Pháp, nhưng đối với lính tập thường có sự gượng nhẹ và ông Đề cũng sai quân bắc loa chiêu hàng bọn này. Nhiều lính khố đỏ và khố xanh đã bỏ hàng ngũ chạy sang phía nghĩa quân, trong số này không có một tín đồ La Mã giáo nào! Bọn này hết sức trung thành với quân Pháp và thường liều chết vì Pháp, vì họ đã nghe lời các vị cố đạo khuyên dạy là phải trung thành với Pháp mới là tín đồ ngoan đạo! Có thể bỏ nước, bỏ cha mẹ được nhưng không bỏ đạo.

Sau lần tấn công này của Pháp, qua những cuộc giáp chiến, ông Đề đã rút thêm được một số kinh nghiệm, ông tích cực hoạt động để chiêu mộ thêm binh sĩ, lại lo rèn luyện quân sĩ theo một chiến thuật mới: đánh du kích. Ông quyết tâm tổ chức một đạo quân thuần thục, ông sai đào thêm

hầm hố, lập những phòng tuyến bao vây quanh vùng đồi núi Yên Thế. Và ông cũng cho người đi khắp nơi chiêu dụ hào kiệt và len lỏi tìm mua súng ống đạn dược tích trữ cho một cuộc chiến đấu bền bỉ. Ông mua rất nhiều súng lậu ở bên Tàu.

Bọn giặc Pháp nhận thấy không thể nào dùng võ lực mà tiêu diệt ngay được nghĩa quân của ông Đề, chúng dùng đến chính trị. Chúng đề nghị với triều đình Huế cử Tổng đốc Lê Hoan, làm khâm sai. Lê Hoan là một tên đại Việt gian giết hại đồng bào không biết gớm tay, càng giết được nhiều dân càng có công với giặc Pháp. Đã có lần Lê Hoan cho vây một nơi họp chợ, bắt hết những người đi chợ chém đầu rồi kể công với Pháp là đã giết được một đám giặc. Giặc Pháp rất ngợi khen thành tích dã man này của họ Lê.

Lê Hoan dùng đủ mọi cách để chia rẽ hàng ngũ nghĩa quân. Y khủng bố lương dân gây oán hận cho ông Đề, y thuê người ám sát các nghĩa quân. Thật là một tên táng tận lương tâm, mặt người dạ thú. Năm 1893 tên khốn nạn này mua chuộc được nghĩa phụ của ông Đề là Bá Phúc rồi tổ chức mưu sát ông Đề nhưng thất bại, và ông Đề đã tương kế tựu kế mai phục nghĩa quân đánh úp một trận khiến cho quân Pháp và bọn lính tập vừa chết vừa bị thương rất nhiều. Sau trận này có nhiều cuộc tấn công khác theo lời khuyên của cụ Phan Đình Phùng, đánh giặc phải có công có thủ.

Lúc Vũ Cảnh lên vùng Tam Đái chính là lúc quân của ông Đề đang bố trí những cuộc tấn công giặc Pháp, và đây cũng là thời gian, nhiều người được phái đi các nơi để chiêu dụ hào kiệt⁷.

Nghe Vũ Cảnh thuật lại những thành tích của ông Đề và sự nhiệt liệt tham gia nghĩa quân của dân chúng Việt Nam, lòng đô Giang như bị kích thích. Anh nói:

- Thừa hai lão bá và thầy Khóa, kẻ quê mùa này tới nay mới biết mình là người hèn, không chia sẻ cùng hào kiệt trong thiên hạ công việc mỗi người đã gọi là có tâm huyết đều phải làm. Chúng ta phải tiêu diệt lo giặc Pháp và lũ tay sai của chúng. Xin thầy Khóa trao nhiệm vụ, kẻ quê mùa này quyết tâm làm cho bằng được!

Ông Tiên chỉ vuốt râu nói:

- Anh đô cứ yên chí, lão tin rằng anh đô sẽ có một nhiệm vụ nặng nề với đất nước.

Ông Thứ chỉ rót rượu cho mọi người, ông Tiên chỉ tiếp thức ăn cho hai người.

Câu chuyện tiếp tục, và bữa tiệc kéo dài từ đầu giờ Mùi cho đến cuối giờ Thân. Hai già, hai trẻ thật là tâm đầu ý hợp. Máu trong huyết quản như cùng lưu thông theo một nhịp tim đập, và lòng già cũng như lòng trẻ đều giống nhau ở chỗ muốn mau cứu dân tộc khỏi gót giày của thực dân Pháp và ai cũng căm gan tím ruột đối với lũ tay sai của chúng, nhất là đối với sự chết chóc do tên bán nước Lê Hoan gây nên.

Vũ Cảnh đã cho đô Giang biết là chàng muốn nhờ đô Giang triệu tập những tay đô vật trong vùng kích thích họ để họ tham gia vào công cuộc chống Pháp, và chàng cũng yêu cầu đô Giang mượn cơ dạy vật để huấn luyện cho những thanh niên muốn gia nhập quân đội của ông Đề Thám. Đô Giang sẽ là vai cốt cán trong việc liên lạc với thanh niên ở vùng Tam Đái, lo huấn luyện họ cả hai mặt tinh thần lẫn vật chất.

Đô Giang đã hăng hái nhận những nhiệm vụ kể trên và chàng đã hứa dùng ngay nhà mình làm nơi huấn luyện cho đám thanh niên sẽ gia nhập quân đội của ông Đề. Vũ Cảnh cho biết chàng sẽ gửi tới đô Giang vài người để lo việc huấn luyện về quân sự. Sẽ có một số ít súng ống để cho họ tập luyện. Và chàng cũng đề nghị thỉnh thoảng có những cuộc phục kích tại những con đường rừng núi đi từ vùng Tam Đái sang Thái Nguyên qua ngã ba Tam Đảo tới xã Quan Chu tỉnh Thái để tấn công những bọn tuần tiễu của Pháp thường là bọn lính tập để cướp súng.

Ông Tiên chỉ hỏi Vũ Cảnh:

- Thầy Khóa lên đây, đã có nơi nào tạm trú chưa?

Vũ Cảnh cho biết là chàng có một đồng chí tại Vĩnh Tường, chàng sẽ trú ngụ tại nhà người này. Cụ Tiên chỉ đề nghị với chàng tới ở nhà cụ, nơi rất rộng rãi và rất tiện cho sự liên lạc của chàng, cụ nói:

- Nhà lão rộng rãi, sẽ có ba gian nhà này để thầy tạm ở và tiếp khách, lại có vườn rộng để thầy Khóa có thể dạo chơi trong những lúc cần tĩnh trí. Nhà lão có đủ sách để thầy Khóa đọc, và có mọi loại binh khí để thầy Khóa lúc

nào rảnh ôn văn hoặc luyện võ đều được. Và lão có thể nói thêm, lão sẽ lấy làm sung sướng để đón tiếp những đồng chí của thầy Khóa khi họ tìm gặp thầy Khóa.

Ông Thứ chỉ tiếp lời:

- Cụ Tiên nói đúng! Lão nghĩ nơi nhà cụ Tiên thật tiện cho những hoạt động của thầy Khóa. Làng lão là đất chuộng võ và nghề vật, thầy Khóa ở đây có thể vận động để một số thanh niên trong làng đi theo tiếng gọi của tổ quốc, và nếu tiện, có thể tạm thời làm nơi luyện tập những thanh niên. Và lại lão nghĩ bên Vị Thanh anh đô huấn luyện một số người, ở đây ta huấn luyện thêm một số nữa càng tốt. Và lại chia đôi ra như vậy, để tránh sự nghi ngờ của những con mắt tay sai. Thầy Khóa nên nhớ rằng, tại ngay tỉnh Vĩnh Yên này Pháp cũng nhiều tay sai lắm. Chúng có cả một họ đạo luôn luôn nghe lời cổ đạo làm việc phản quốc. Thầy Khóa đã để ý tới ngôi nhà thờ chúng xây ở giữa Vĩnh Yên chẳng?

Vũ Cảnh đáp:

- Thừa lão bá, văn sinh chưa biết, nhưng văn sinh tin rằng trong số những người đi đạo cũng có những người yêu nước, chứ không phải ai đi đạo cũng là kẻ phản quốc đâu.

Ông Thứ chỉ nói:

- Đành rằng vậy, nhưng ta cứ đề phòng vẫn hơn!

Bữa tiệc rượu đã kết thúc trong một bầu không khí đầy hứng khởi với tinh thần phấn khởi của bốn người dự tiệc.

Ngay chiều hôm đó, Vũ Cảnh tới tạm trú tại nhà ông Tiên chỉ, và ngay ngày hôm sau đô Giang đã đi vận động các tay đô vật vùng Tam Đái để họ tham gia vào phong trào chiến đấu chống giặc Pháp và lũ tay sai. Đô Giang cũng mời một số các tay đô vật cộng tác với mình để mở một lớp dạy vật và đồng thời cũng huấn luyện võ nghệ và quân sự cho các thanh niên tình nguyện sung vào những đoàn nghĩa quân.

IV

THỦ VẤN



Ông Tiên chỉ sau bữa tiệc ở đình làng, ngay chiều hôm đó đã mời cả Vũ Cảnh lẫn đô Giang về nhà mình. Ông lại sai người nhà làm cơm để thết đãi quý khách, tuy ba người vừa mới dứt bữa tiệc làng chưa được mấy giờ.

Đêm hôm đó, đô Giang cũng ngủ lại nhà ông Tiên chỉ để cùng ông và Vũ Cảnh đàm luận hầu như gần suốt sáng về thời cuộc về những công việc mỗi người chia nhau sẽ làm để đáp ứng lời hiệu triệu Cần Vương của cụ Phan Đình nguyên, và cũng tạo một sức mạnh cho đội quân của ông Đề Thám ở vùng Yên Thế.

Một già, hai trẻ, câu chuyện sao mà tâm đầu ý hợp, và họ chỉ ngừng câu chuyện để thỉnh thoảng hút thuốc Lào hoặc chiêu ngụm nước. Ông Tiên chỉ, một bậc túc nho, từ trước vẫn có tâm với đất nước, nhưng chung quanh chẳng có ai đồng chí, nên lòng yêu nước của ông chỉ âm thầm, không phát hiện, may được Vũ Cảnh nói rõ việc làm của mình, việc làm này lại được đô Giang hưởng ứng, ông tự thấy lòng phấn khởi và cũng tự có bốn phận phải tham gia vào công việc của hai bạn trẻ. Ông nhận sẽ đài thọ mọi chi phí cho nghĩa quân do đô Giang sẽ đứng lên triệu tập, và ông sẽ bỏ tiền để Vũ Cảnh và đô Giang tìm mua khí giới cho nghĩa quân. Chính nhà ông sẽ là nơi liên lạc của Vũ Cảnh với các thanh niên hưởng ứng lời kêu gọi của cụ Phan. Ông vuốt râu bảo hai bạn trẻ:

- Lão già rồi, rất tiếc không đảm nhiệm được những công việc của anh em thanh niên, nhưng tài sản của lão đây lão không tiếc, miễn làm sao đóng góp được ít nhiều vào việc lớn! Cần, lão sẽ bán trâu, bán ruộng và có thể bán cả nhà để lấy tiền cho anh em tiêu dùng vào việc phải làm.

Vũ Cảnh và đô Giang rất thán phục thái độ của ông, và cả hai đều nguyện đem thân mình hy sinh. Một người trong công việc vận động thanh niên trong hai vùng Tam Đái và Kinh Bắc, còn một người liên lạc với các tay đô vật trong vùng để thực hiện lớp huấn luyện võ nghệ và quân sự cho những ai sẽ gia nhập đoàn nghĩa quân.

Sáng hôm sau, đô Giang về ngay Vị Thanh xúc tiến việc thành lập lớp huấn luyện, còn Vũ Cảnh thì lưu lại tạm trú nơi nhà ông Tiên chỉ.

Ông Tiên chỉ dành cho họ Vũ một gian phòng riêng ở ngay đầu nhà ngang, trông ra một vườn hoa rất trang nhã. Ở đây, Vũ Cảnh có thể ở riêng biệt với sự tĩnh mịch và sự kín đáo cần thiết cho công việc. Hàng ngày hai bữa cơm, thường có rượu, ông Tiên chỉ mời Vũ Cảnh cùng dùng với mình, và trong những lúc này Vũ Cảnh trình bày cùng ông về những việc mình làm.

Nhà ông Tiên chỉ lại có nhiều sách, sách cổ và cả sách kim để Vũ Cảnh có thể đọc trong những lúc ở nhà.

Thường thường Vũ Cảnh sáng sớm đã ra đi, chiều tối mới về, có khi chàng đi vắng năm ba ngày liền, cũng có khi chàng ở nhà đôi ba ngày. Chiều nào ông Tiên chỉ cũng có ý chờ Vũ Cảnh về mới ăn cơm uống rượu. Vũ Cảnh không về ông ăn cơm rất muộn, và cơm nước xong, ông đọc sách hoặc có khi ông yên lặng trầm tư hàng giờ.

Những ngày Vũ Cảnh ở nhà thường hay có khách tới, và những khách này đều được ông Tiên chỉ đón tiếp như chính khách của mình với đủ cơm rượu thịnh soạn và có những khách chỉ mới gặp lần đầu, do lời giới thiệu của Vũ Cảnh, ông Tiên chỉ đã chuyện trò thân mật ngay với họ như với những bạn cố tri. Người nhà chỉ hầu hạ trong việc tiếp đãi khách, không biết khách là ai và cũng không hiểu câu chuyện thân mật giữa chủ khách là chuyện gì.

Những hôm nào không có khách, Vũ Cảnh thường đọc sách ngâm thơ. Những lúc này, chàng thật là một nho sĩ thuần túy với khăn lượt, áo the dài và quần lụa bạch và đôi giày Gia Định. Không ai dám bảo chàng là một tay đô vật tài ba đã khiến đô Giang phải phục và tự nhận là thua.

Nói chuyện với ông Tiên chỉ, ngoài những câu chuyện về thời cuộc và những hoạt động của mình, nhiều lúc hai người lại bàn chuyện văn chương sách vở, chuyện đạo đức thánh hiền qua *Tứ thư, Ngũ kinh*.

Ông Tiên chỉ- một chân Nhị trường, lẽ tất nhiên phải biết nhiều hiểu rộng về tinh hoa đạo đức và nghĩa lý Đông phương, nhưng Vũ Cảnh cũng luôn tỏ ra mình là người học nhiều, đã tham bác đủ cổ kim. Có nhiều điều chàng biết mà ông Tiên chỉ không biết tới, những học thuyết Tây phương đã được dịch sang chữ Hán ông Tiên chỉ chưa có dịp đọc tới.

Giọng ngâm thơ chàng sang sảng, đúng giọng của những thầy Khóa bình văn đã từng quyển rũ biết bao nhiêu nhan sắc. Ngâm thơ, nhưng Vũ Cảnh ít ngâm những bài thơ về tình cảm, dù đó là những danh tác thời xưa, chàng thường hay ngâm những vần thơ xã hội của Đỗ Phủ hoặc những bài thơ hùng tráng của những danh sĩ Việt Nam. Chàng hay ngâm bài thơ của Đặng Dung và lòng chàng cũng rất kính phục Đặng Dung, người đã hết lòng phò Trần Quý Khoách, tức là vua Trùng Quang chống lại quân Trương Phụ nhà Minh sang xâm lấn nước Việt ta. Khi yếu thế, Đặng Dung đã bị bắt và tử tiết, ông cũng như cha ông là Đặng Tất, hết lòng với vua và nước, tuy không thành công, nhưng tiếng thơm còn lưu muôn thuở làm gương cho hậu thế.

Bài thơ của Đặng Dung rất được truyền tụng và Vũ Cảnh thường ngâm thơ, muốn nhắc nhở mình phải trông gương người xưa, không được thoái chí trước mọi khó khăn:

*Thế sự du du nại lão hà?
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca!
Thời lai đồ diếu thành công dị,
Sự khứ anh hùng ẩm hận đa!
Trí chủ hữu hoài phù địa trục
Tây binh vô lộ vấn Thiên hà!
Quốc thù vị báo đầu tiên bạch
Kỷ độ Long Tuyền đới nguyệt ma*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

*Việc đời bối rối tuổi già vay
Trời đất vô cùng một cuộc say
Bàn tiện gặp thời lên cũng dễ
Anh hùng lỡ bước ngẫm càng cay
Vai khiêng trái đất mong phò chúa
Giáp gột sông trời khó vạch mây
Thù trả chưa xong đầu đã bạc,
Gươm mài bóng nguyệt biết bao rày.*

Cũng đôi khi chàng ngâm một vài bài Đường thi có giá trị như bài *Hoàng Hạc lâu* của Thôi Hiệu và cả bài *Đăng Kim Lăng Phượng hoàng đài* của Lý Bạch nữa. Chàng tưởng nhớ đến quê hương trong lúc gót mũi phong trần trên đất nước để lo nhiệm vụ của người dân trong lúc quốc gia gặp thời diên đảo. Chàng hay ngâm những bài thơ này vào lúc xế chiều, lúc lòng nhớ quê hương nổi dậy:

*Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu
Hoàng Hạc nhất khứ bất phục phản,
Bạch Vân thiên tải không du du
Tĩnh xuyên lịch lịch Hán Dương thụ
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu
Nhật mộ hương quan hà xứ thị?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu*

Dịch nghĩa:

*Người xưa cưỡi hạc tách đầu đầu
Mảnh đất trơ trơ chiếc Hạc lâu
Một tách hạc vàng biển biệt mãi,
Ngàn năm mây trắng lững lờ trôi
Hán Dương cây thắm sông yên lặng
Anh Vũ cồn xanh cỏ dài dẫu
Quê quán nơi nào chiều bảng lảng
Mặt sông khói gợn ngấm thêm sầu*

Vũ Cảnh ngâm thơ, chịu cái hay của bài thơ. Trong lúc cao hứng đôi khi chàng nói cùng các bạn khen ngợi bài thơ.

Hoàng Hạc lâu ở gần Vũ Xương còn Phượng Hoàng đài nay ở trong Thành Kim Lăng. Tương truyền vào khoảng đời Nam Bắc Triều, người ta thấy giống chim ngũ sắc đậu ở gần Kim Lăng, bèn gọi chim là Phượng Hoàng, và dựng ở chỗ đó một cái đài gọi là Phượng Hoàng Đài.

Thôi Hiệu vịnh lầu Hoàng Hạc, bắt tử với bài thơ. Sau này Lý Bạch có một lần lên Hoàng Hạc lâu, muốn đề thơ thấy Thôi Hiệu đã vịnh trước một bài, còn đề ở trên tường, khen là tuyệt, liệng bút không đề nữa. Sau tới Phượng Hoàng Đài ông làm bài thơ *Đăng Kim Lăng Phượng Hoàng Đài* có ý muốn ganh với Thôi Hiệu.

Ngâm bài thơ của Thôi Hiệu, Vũ Cảnh cũng thường ngâm luôn bài thơ của Lý Bạch:

*Phượng Hoàng đài thượng Phượng hoàng du
Phượng khứ đài không giang tự lưu
Ngô cung hoa thảo mai u kính
Tấn đại y quan thành cổ khâu
Tam sơn bán lạc thanh thiên ngoại,
Nhị thủy trung phân bạch lộ châu
Tống vị phù vân năng tế nhật
Tràng an bất kiến sử nhân sầu*

Bản dịch của Nguyễn Văn Ba ^{8 9 10}

*Phụng Hoàng đến chơi đài Phụng Hoàng
Phụng đi, đài trống, sông tự trôi
Hoa thảo cung Ngô vui lối vắng.
Y quan đời Tấn thành gò xưa
Tam sơn nửa lọt ngoài trời xanh.
Nhị thủy trong chia Bạch lộ châu
Những vì mây nổi che khuất nhật.
Không thấy Trường An, khiến người sầu.*

Là con người văn tự thì Vũ Cảnh ngâm thơ đọc phú, thật ra chàng cũng không chú ý nhiều lúc này tới văn thơ. Có thể đôi khi chàng dùng văn thơ để tiện việc liên lạc với anh hùng hào kiệt, rồi nhân đó chàng mới đề cập tới vấn đề hiện tại, và nhiệm vụ của mỗi người dân trước cái họa mất nước.

Cũng đôi khi, chàng dùng thơ phú để giải khuây, và trong lúc ngâm thơ, miệng ngâm nhưng đầu óc thường suy tính tới những việc chàng phải làm.

Ở nhà ông Tiên chỉ xã Hội Hợp thỉnh thoảng chàng cùng ông Tiên chỉ bàn luận văn chương, nhưng bàn luận đấy rồi bỏ đấy, rất ít khi chàng lưu tâm tới những câu chuyện này.

Chàng không lưu ý tới, nhưng dường như ông Tiên chỉ hằng để tâm tới tài văn học của chàng và cũng xét chí khí chàng qua những câu chuyện văn chương.

Ông Tiên chỉ có nói về thi cử để dưỡng thanh danh hiển phụ mẫu. Chàng vẫn nhắc lại quan niệm của chàng đối với thi cử lúc đó, như lời chàng đã trình bày trong bữa rượu làng, lần đầu tiên hội kiến với ông Tiên chỉ có cả sự hiện diện của ông Thứ chỉ và đô Giang. Tuy nhiên chàng cũng tỏ bày cùng ông Tiên chỉ là sau này chàng sẽ ứng thí nếu có sự thành công của những đạo quân Cần Vương, giặc Pháp sẽ phải rời bỏ đất nước và chủ quyền lại thực sự về tay người Việt qua triều đình. Chàng nói:

- Lúc đó văn sinh mới ứng thí, và thiên tử cầu hiền mới thực sự tìm nhân tài giúp nước, chứ còn giờ đây, thi cử có đỗ đạt, thì lại đi làm tay sai cho lũ giặc ngoài, điều này thừa lỗ bả, văn sinh không bao giờ làm!

Ông Tiên chỉ phục chàng là người có chí khí và đã từng luôn luôn khen chàng học rộng văn hay và kiến thức đáng kể.

Ông Tiên chỉ để ý đến tài học của chàng đã đành, mà hình như ngoài ông Tiên chỉ ra, ở đây còn có người khác cũng lưu ý tới văn chương và cũng từng nghe chàng ngâm thơ hoặc thầm theo dõi chàng đọc sách. Chàng chỉ đọc sách về đêm, còn ban ngày chàng luôn luôn đi vắng để theo đuổi công việc của mình.

Một hôm, chàng đi Bạch Hạc, tức là Phong Châu cũ. Buổi sáng trước khi ra đi, uống trà cùng Tiên chỉ, chàng nói rõ mình đi đâu và cho biết ngay chiều hôm đó chàng sẽ trở về.

Cũng như mọi ngày ra đi chàng khép cửa phòng, vì sự tế nhị chàng không tiện khóa phòng, nhưng bao nhiêu giấy tờ cần giữ kín, chàng đã giấu vào một nơi kín trong phòng.

Chiều hôm ấy, khi từ Bạch Hạc trở về, chàng rất ngạc nhiên thấy dán trước cửa phòng một vế câu đối viết trên giấy hồng điều. Chữ viết bằng một thứ mực tốt đen lánh, và nét chữ trông tuy già giặn nhưng lại rất mềm mại, chứng tỏ đây là nét chữ đàn bà. Vế câu đối đề rằng:

Hán mạt nhất thời vô nghĩa sĩ

Nghĩa:

Nhà Hán lúc mạt vận một thời không nghĩa sĩ.

Người viết câu đối có ý chê chàng không phải là một nghĩa sĩ, nhắc lại giai đoạn Hán mạt, giai đoạn tiền Tam quốc, đã không xuất hiện anh hùng nghĩa sĩ để phò vua cứu nước, đến nỗi hết loạn Khăn Vàng, họa Thập Thường thị lại đến họa Đồng Trác, và sau cùng là Tào Tháo uy hiếp nhà vua.

Có lẽ người ra vế câu đối muốn thử tài văn chương nhưng đồng thời cũng muốn hiểu biết chí khí của chàng. Có lẽ người này không rõ công việc chàng đang theo đuổi nên dùng vế câu đối để khích chàng!

Đọc xong vế câu đối, chàng gật gù mỉm cười. Vì trời còn sớm, chàng nhờ một người nhà ông Tiên chỉ ra ngôi hàng xén đầu làng mua giúp chàng một tờ giấy hồng điều.

Không hiểu sau bữa cơm chàng đã loay hoay thế nào với xấp giấy hồng điều, nhưng sáng hôm sau, người nhà ông Tiên chỉ đã thấy dán thêm hai vế câu đối nữa, một vế để đối vế ra. Vế đó như sau:

Nguyễn suy tam kỷ hữu anh hùng.

Nghĩa:

Nhà Nguyễn khi suy vì ba kỷ có anh hùng.

Mỗi kỷ là 12 năm, ba kỷ là 36 năm. Ý Vũ Cảnh muốn nói, nhà Nguyễn trong khi suy yếu, từ 36 năm nay vẫn có anh hùng với các đội quân Cần Vương, và giờ đây với những nghĩa quân của cụ Phan Đình Phùng và của ông Đề Thám. Và chàng cũng có ý tự nói về mình, trong lúc non sông

nghiêng ngửa, chàng đâu có sợ nguy nan, chàng vẫn mạo hiểm đi chiêu dụ nghĩa quân cho đạo quan của ông Đề.

Ý trong vế đối trên lại được bổ túc qua một vế câu đối chàng ra cho người đã ra đối trước. Vế này như sau:

Điều thê cát địa ngôn phi mậu.

Nghĩa:

Đất lành chim đậu, lời nói không sai.

Với vế câu đối này, Vũ Cảnh có ý bảo cho người ra câu đối biết, đây là đất lành, chàng ngừng chân lại để hoạt động. Dừng bước ở Hội Hợp, không phải để chàng hưởng thú an nhàn với ngâm thơ, đọc sách. Chàng dừng bước nơi đây, vì đây là đất lành, thuận tiện cho công việc của chàng. Đất Tam Đái lắm anh hùng hào kiệt, người Tam Đái vốn dũng cảm và nghĩa khí!

Chàng dán hai vế câu đối, vế đối song hàng với vế đã ra trước, còn vế ra, chàng dán riêng biệt, và dành chỗ cho người đối dán vế đối của mình.

Sáng hôm ấy, chàng cũng được ông Tiên chỉ mời sang uống trà. Chén trà nóng làm chàng ấm lòng giữa trời xuân còn lạnh. Chàng yên trí thế nào trong lúc dùng trà, ông Tiên chỉ cũng đề cập tới vế câu đối dán trước cửa phòng chàng từ chiều hôm trước, nhưng suốt buổi trà, ông Tiên chỉ nói những chuyện đầu đầu và chỉ hỏi han về công việc của chàng, không hề đề cập tới vế câu đối, ông không nhắc tới nên chàng cũng không tiện hỏi.

Sau buổi trà sớm, chàng từ biệt ông Tiên chỉ để đi Vĩnh Tường gặp mấy người đã hẹn. Vĩnh Tường không xa Hội Hợp bao nhiêu, nên độ cuối giờ Mùi, chàng đã trở về. Lúc này, ba vế câu đối đỏ dán trước cửa phòng đã thành bốn, vì người ra cho chàng vế câu đối hôm trước đã đối lại vế câu đối chàng mới dán sáng nay. Đối rằng:

Nhân hữu đồng thanh chí bất cô ¹¹

Nghĩa:

Người có bạn đồng thanh chí không cô quạnh

Văn nét chữ mềm mại, đẹp và già giặn với văn thứ mực đen lánh trên giấy hồng điều. Qua nét chữ mềm mại, Vũ Cảnh nhận thấy cái gì rất tâm

tính của tác giả về đối.

Chàng đọc kỹ lại cả hai câu đối gập gù bước vào, vừa đi vừa như có dáng suy nghĩ. Chàng chắc đây là một phụ nữ, không hiểu nhiều hay ít tuổi, mà rất có chí khí. Phụ nữ này biết rõ công việc chàng làm, và về câu đối ra hôm trước chỉ là để thử tài chàng.

Đọc câu đối lại về đối chàng mới dán ngoài cửa phòng buổi sáng, chàng thấy văn tài của người đối đọc thấy cả qua bảy chữ, ý muốn của nàng là hưởng ứng công việc chàng đang làm.

Chàng rất cảm phục, và chàng cũng lại rất muốn gặp mặt để bày tỏ cảm tình.

Dù trong lòng nung nấu ý chí giết giặc ngoại xâm, nhưng chàng trẻ tuổi nhiều lúc cũng tự cảm thấy cô đơn trong bước giang hồ. Những buổi chiều mặt trời dần khuất, gió lạnh thổi lên, làn khói lam bốc từ một mái rạ xa xa, đó là những lúc chàng nhớ nhà, nhớ mẹ già và mấy em nhỏ. Những lúc này, chàng cảm thấy trở ngại vô cùng. Giá có một giai nhân để đàm luận có lẽ cũng là một điều chàng muốn, nhưng dù muốn, chàng cũng chỉ gạt cái muốn sang một bên, đặt nhiệm vụ lên trước hết. Trong bước đường nguy hiểm gian lao chàng đang tự chuốc lấy, đã biết bao lần chàng bắt gặp những nụ cười, những khóe mắt, nhưng bắt gặp để mà qua đi, không chút gì lưu luyến.

Chàng nhớ lại, trước khi dấn thân trên đường khó khăn, cha chàng đã khuyên:

- Việc con định làm là việc lớn, và rất nguy hiểm. Cha chẳng biết bảo con nên là thế nào, con phải tùy hoàn cảnh mà ứng phó, nhưng có một điều cha căn dặn: con phải biết sợ những cái nhìn quynh rũ, những nụ cười tươi thắm của đàn bà con gái, nhất là của những người có nhan sắc. Đây là cái bẫy và đây cũng là vực thẳm nghe con!

Mẹ chàng không muốn con ra đi, muốn con ở nhà rồi bà cụ sẽ lo cưới vợ cho con để sớm có cháu bông. Bà cụ bảo con:

- Con còn trẻ người non dạ, tài lực bao nhiêu sao dám lo việc triều đình! Thôi con ở nhà theo nghiệp nhà, cố học hành mà thi cử rồi mẹ lo tiểu đăng khoa cho con.

Chàng không nói gì, sợ mẹ buồn, nhưng cha chàng đã bảo vợ:

- Làm tài trai gặp lúc nước non nguy khốn, không tự dẫn thân cứu nước, còn đợi ai! Thôi bà để con nó đi! Việc lớn, bà đừng gàn.

Chàng ra đi, lời cha dặn luôn luôn văng vẳng bên tai và hình bóng mẹ cũng luôn luôn hiện trong trí óc. Những lúc chàng mải mê với công việc, chàng không nghĩ đến gia đình, nhưng con người dù bận đến đâu, thỉnh thoảng cũng có đôi lúc rỗi rãi ngẩn, và những lúc này chính là lúc chàng cảm thấy trong lòng trống rỗng.

Chiều hôm nay, ở Vĩnh Tường về, chàng đã giải quyết xong cùng các đồng chí vài công việc khó khăn đã gặp phải. Chàng vui sướng vì sự thành công trong hoạt động, nhưng sau phút vui vì nhiệm vụ ấy, lòng chàng lại thấy mang mang buồn nhớ thương trấn Sơn Nam Hạ, chàng nhớ quê nhà với những cánh đồng bát ngát, cha mẹ già chắc đang ngóng trông mình.

Về đến trước phòng, những nét chữ mềm mại trên hai vế câu đối, và nhất là ý xuất ra từ vế đối lại câu của chàng ra! Người phụ nữ nào mà chí khí nam nhi thế; với chí khí ấy, lại thêm văn tài ấy, chàng đoán đây chắc là một thiếu nữ, mà lại là một thiếu nữ xinh đẹp.

Chàng dừng chân trước cửa phòng ngắm những nét chữ mềm mại, màu mực đen càng tăng vẻ già dặn của nét chữ. Chàng lẩm nhẩm đọc cả đôi câu đối, vế của chàng và vế đối:

*Điều thê cát địa, ngôn phi mậu. Nhân hữu đồng thanh, chí
bất cô*

Và chàng tự dịch:

*Đất lành chim đậu lời xưa đúng. Tương ứng đồng thanh chí
chẳng riêng!*

Chàng thấy vế đối thật hay và thật có ý nghĩa!

Ngắm chán những hàng chữ đen trên giấy hồng, chàng thông thả đẩy cửa, từ từ bước vào phòng.

Việc đầu tiên, chàng với chiếc điều bát hút điều thuốc Lào cho ấm bụng. Tiếng điều kêu ròn ròn làm chàng như cảm thấy có cái gì êm ái hài lòng, và tự nhiên chàng linh cảm như sẽ có cái gì tốt đẹp sắp tới với chàng.

Chàng khe khẽ ngâm thơ, vừa ngâm thơ vừa thay bộ áo ngoài quá nặng, ra ngoài chống cái lạnh của trung du, chàng mặc áo ấm, thường là áo bông, thứ áo có lõi bông giữa hai làn vải trong và ngoài.

Chàng hút thêm điều thuốc lều thứ hai, với chiếc ấm nhỏ, rót chén nước để chiêu hơi thuốc. Chỉ tiếc nước không được nóng lắm, để phù hợp với cái khí ẩm tạo ra bởi điều thuốc lều.

Vào lúc ấy, ông Tiên chỉ đẩy cửa bước vào, Vũ Cảnh nghiêng mình chào. Ông Tiên chỉ nói:

- Hôm nay thầy Khóa về sớm nhỉ!

- Thừa lão bá, hôm nay văn sinh đi Vĩnh Tường gần đây, nên công việc xong về được sớm. Văn sinh gặp mấy anh bạn đồng chí để bàn về việc đưa thêm nghĩa quân lên Yên Thế và cũng nghiên cứu vấn đề huấn luyện quân sự của những người này. Mọi việc đều tốt đẹp. Văn sinh hy vọng có sự thành công.

Ông Tiên chỉ nói:

- Thế thì lão cũng mừng! Sự thành công của thầy Khóa là sự thành công của đất nước! Nếu thanh niên nước nhà ai cũng có tâm huyết như thầy Khóa, đất nước lo gì sự đô hộ của ngoại bang. Chợt ông nhìn đến chén nước đã nguội Vũ Cảnh đang uống dở. Ông bảo Vũ Cảnh:

- Lũ trẻ tẻ thế, biết thầy Khóa về mà chúng không mang lên ấm nước nóng để thầy Khóa dùng.

- Thừa lão bá, nước chưa nguội hẳn, còn ấm ấm, ở ngoài lạnh vào, uống cũng thấy ấm bụng rồi! Xin lão bá chớ quan tâm, e phiền người nhà quá.

- Có gì mà phiền! Thầy Khóa ở đây với lão là một điều hân hạnh cho lão, lão rất mến phục chí khí và tài năng của thầy Khóa.

Vũ Cảnh đoán ông Tiên chỉ sắp đề cập tới hai đôi câu đối nơi ngoài cửa, nhưng ông tuyệt nhiên không dă động gì tới, ông lại bảo chàng:

- Hôm nay lão tới đây để muốn khoe với thầy Khóa một bài thơ và muốn nhờ thầy Khóa xem có chỗ nào thiếu sót thì phủ chính giùm.

Vũ Cảnh nói:

- Lão bá chớ dạy quá lời! Văn sinh học hành được bao nhiêu mà dám nói chuyện thơ văn với lão bá!

Ông Tiên chỉ cười và nói:

- Thầy Khóa khiêm tốn quá! Văn tài xã Mộ Trạch từng vang lừng khắp trong nước, nhất là văn tài họ Vũ! Mấy lại bài thơ này của lão là một bài thơ Nôm. Nôm na là cha mách qué, nhưng không làm thơ chữ Hán được lão làm thơ Nôm vậy.

- Thừa lão bá, thơ Nôm mới khó, và chữ Nôm mới chính là chữ của dân tộc. Văn sinh thấy Hoàng đế Quang Trung quả thật là người sáng suốt muốn dùng chữ Nôm thay chữ Hán! Chỉ tiếc ngài mất quá sớm, con ngài lại là người bất tài, nếu không đất nước ta đâu đến nỗi như ngày nay.

Rồi chàng chép miệng. Ông Tiên chỉ, dáng chừng lạnh với cái điệu rít một hơi thuốc lòn dài! Rít xong hơi thuốc, ông ngửa mặt, thở hơi khói dài, khói tỏa bay như con rồng vờn không khí.

Vũ Cảnh nói tiếp:

- Bài thơ của lão bá chắc phải hơn người và phải đầy ý nghĩa, xin lão bá đọc cho văn sinh được thưởng thức!

Ông Tiên chỉ cười nói:

- Chẳng biết có hơn người và có ý nghĩa không, nhưng lão muốn diễn tả tâm tư của lão qua mấy vần thơ. Lão đọc thầy Khóa nghe nhe! Lão đặt tựa đề bài thơ là ĐÊM SÂU VẮNG:

*Trần trọc giường khuya nổi nhớ nhà
Tủi chẵn, hổ gối, thẹn lòng ta!
Trăng vào du¹² ngủ, màn ngăn lại.
Sương đến chung buồn, gió hắt ra.
Ngoài muỗi than van chia cảnh vắng,
Trong tim thao thức đợi canh tà.
Đêm dài đêm hơi sao dài quá
Cám cảnh non sông, hận tuổi già¹³*

- Ấy, thơ lão nôm na, thầy Khóa đừng chê nghe!

- Văn sinh đâu dám! Với lời thơ, lão bá đã nói lên được tâm sự mình. Đêm dài đây, đâu có phải lão bá có ý muốn nói đêm từ tối đến sáng, mà chính

lão bá đang mong sự thành công của công cuộc cách mạng Cần Vương, sự thành công lâu tới, kéo dài sự thống trị của người Pháp qua lũ tay sai!

Ông Tiên chỉ gật gù nói:

- Thầy Khóa thực đoán trúng tâm tư của lão!

Vừa lúc ấy, một tên người nhà xách lên siêu nước nóng, hắt thay trà pha ấm nước cho Vũ Cảnh, ông Tiên chỉ hỏi:

- Thế nào, cô mày sửa soạn mâm rượu xong chưa?

- Bẩm cụ, cô con sắp cho dọn lên, mời cụ và thầy về phòng!

Ông Tiên chỉ quay lại bảo Vũ Cảnh:

- Người nhà nó vừa đánh bắt được con gà rừng, lão bảo chúng làm mâm rượu để lão với thầy Khóa ta cùng nhắm! Trời hôm nay lạnh uống rượu cho nóng người, thầy Khóa ạ! Tửu năng dẫn huyết, uống rượu cho khí huyết lưu thông, kéo lạnh quá, máu chảy không đều mình sinh mệt mỏi! Mời thầy Khóa sang phòng tôi.

V

ƯỚM LỜI



Vũ Cảnh đứng lên bước theo ông Tiên chỉ. Từ nơi này tới phòng riêng của ông Tiên chỉ không xa. Ra khỏi phòng, ông liếc nhìn hai câu đối dán trên cánh cửa, ông mỉm cười. Người ra đối đã đưa ra tâm sự mình, người đối cũng hưởng ứng nỗi niềm riêng ấy. Ông lại nghĩ tới bài thơ vừa đọc cho Vũ Cảnh nghe. Vũ Cảnh đã hiểu tâm tư của ông, song ông nghĩ cũng cần nói rõ hơn những điều ông nghĩ. Ông bảo chàng:

- Thầy Khóa ạ! Đêm dài quá, mà những người trần trọc vì nỗi nước nhà đã có bao người. Người có tâm thường thao thức, như những ai thao thức lúc đêm trường. Chia cảnh vắng của đêm dài nào có ai? Chỉ có đàn muỗi vo ve!

Vũ Cảnh đáp:

- Lão bá nghĩ cũng đúng, nhưng riêng văn sinh, văn sinh thấy không phải không có ai cùng chia cảnh vắng, có đấy, nhưng không nhiều. Không có những người như vậy, làm sao cụ Phan có đủ nghĩa quân chống giặc, và làm sao ông Đề ở Nhã Nam tạo được lực lượng để người Pháp phải kinh sợ!

Hai người đã tới phòng riêng của ông Tiên chỉ. Trên bàn nhỏ đặt giữa hai chiếc trường kỷ đã có một mâm rượu, với những bát đĩa trông sạch và thức ăn bày biện rất quyến rũ, một chai rượu thuốc đặt bên cạnh mâm. Ông Tiên chỉ mời Vũ Cảnh ngồi vào mâm rượu. Ông nói:

- Thầy Khóa ạ, tửu năng dẫn huyết, ta phải uống rượu để huyết mạch lưu thông, giữ lấy sức khỏe, và có uống chút rượu vào tinh thần như sáng suốt hơn, ta nhìn thời thế biết rõ hay dở hơn!

- Lão bá dạy đúng. Ngày xưa Tào Tháo cùng Lưu Huyền Đức uống rượu luận anh hùng, giờ đây lão bá dùng rượu để nhìn thời thế, thật phải. Non sông đang hồi nghiêng ngửa, kẻ hay thì ít, kẻ dở thì nhiều, ta không tỉnh, không khỏi bị lầm.

- Thầy Khóa nói phải! Ta phải coi chừng những kẻ mồm luôn luôn nói đến ái quốc ái quần, đồng bào, đồng chủng, nhưng chính ra, chúng chính là một lũ bán nước, bán đồng bào.

Ông Tiên chỉ rót rượu vào chiếc chén nhỏ, ông giơ chén rượu cho Vũ Cảnh xem và nói:

- Rượu này lão ngâm thuốc đã lâu ngày, và ngâm toàn những vị bổ, uống vào dễ ngủ và tinh thần sáng suốt thêm. Rượu này, lão chỉ mời khách thân! Nào mời thầy Khóa!

Vũ Cảnh mời lại rồi đưa chén rượu lên môi nhắm nháp. Rượu có mùi thơm của thuốc, và là một thứ rượu ngon nên vị thuốc càng dậy.

Ông Tiên chỉ sau khi uống một hớp rượu, khà ra và nói:

- Chà! Lạnh quá, rượu lạnh như băng. Băng lãnh tửu!

- Vâng, thưa lão bá, rượu có lạnh, nhưng uống vào vẫn làm nóng người! Băng lãnh tửu nhi năng dẫn huyết!

Ông Tiên chỉ cười ha hả và bảo:

- Thầy Khóa cũng vào bậc hay chữ. Nhân ba chữ BĂNG LÃNH TỬU, lão vừa nghĩ ra vế câu đối, thử nhờ thầy Khóa đối giúp. *Xuất đối dị, đối đối nan*, ra câu đối dễ, đối câu đối khó, chính câu đối của lão nhưng lão chưa tìm ra vế đối!

- Lão bá cứ khiêm nhường! Văn sinh dốt nát, đâu đã chắc đối được câu đối của lão bá.

- Chính thầy Khóa mới khiêm nhường. Lão đã đọc đôi câu đối dán ở cửa phòng thầy Khóa rồi! Thầy Khóa đã hay chữ, lại là người có chí khí. Có chí khí lại là con người nhũn nhặn, thật đáng khen! Nào, lão đọc thầy Khóa nghe vế câu đối của lão nhé!

Vũ Cảnh lắng nghe. Chàng biết trước về ra sẽ khó đối, vì qua hai vế câu đối đã được dán trước cửa phòng, chàng hiểu gia đình ông Tiên chỉ là một gia đình văn tự, và đã như vậy lẽ dĩ nhiên ông Tiên chỉ là bậc hay chữ!

Ông Tiên chỉ đọc: *Băng lãnh tửu, nhất điểm, nhị điểm, tam điểm!*

Vũ Cảnh nghe thấy ngay đây là một vế ra hiểm hóc, một vế đối chiết tự. Ba chữ *Băng lãnh tửu*, chữ *băng* có một chấm thủy, chữ *lãnh* có hai chấm, và chữ *tửu* có ba chấm. Nếu dịch nôm thì có nghĩa: rượu lạnh như băng, một điểm, hai điểm, ba điểm. Chàng thưa với ông Tiên chỉ:

- Câu đối lão bá ra khó quá, xin phép cho văn sinh nghĩ đôi ba ngày!

Ông Tiên chỉ:

- Thầy Khóa thật khiêm tốn, thầy Khóa cứ nghĩ, ta vừa uống rượu vừa nghĩ. Cái việc văn chương nó phải từ tốn, hấp tấp đâu có được.

Ông nói thế, nhưng ông thừa biết, đối được vế câu đối hóc hiểm này không phải dễ. Vũ Cảnh là con người trung thực, nhận thấy khó đối thì nói ngay với ông! Thái độ của chàng thật hơn những kẻ khác khoác lác cứ muốn giấu dốt. Vũ Cảnh lại nói:

- Văn sinh xin lão bá đôi ba ngày để nghĩ, nhưng vị tất văn sinh đã đối xong, có lẽ rồi sẽ chính lão bá là người sẽ đối vế câu đối này.

Ông Tiên chỉ nâng chén rượu uống và mời Vũ Cảnh. Ông gắp cho Vũ Cảnh một miếng thịt gà, rồi nói:

- Thôi ta hãy uống rượu đã, thầy Khóa chớ bận tâm quá về câu đối của lão!

Làm sao Vũ Cảnh không bận tâm được! Tâm trí của chàng không để ý vào sự thưởng thức rượu ngon nữa mà đầu óc chàng bận về câu đối! Chàng cũng hơi then thùng vì mang danh văn tự mà không đối nổi một vế đối.

Chàng đưa rượu lên uống, nhưng chàng không còn cảm thấy cái ngon của rượu như hớp ban đầu.

Chàng băn khoăn, giữa lúc ấy, nhìn qua song cửa, thấp thoáng thấy có bóng một nữ lang đang đi lại trong vườn hoa.

Ngay trước phòng riêng của ông Tiên chỉ là một hoa viên, hoa viên nằm ngay sau căn nhà. Từ phòng Vũ Cảnh lúc đi lên phòng này, chàng đã để ý tới vườn hoa xinh đẹp này với các hoa xuân đang đua nở với đủ màu sắc: Cúc vàng, hồng nhung, thược dược trắng và đỏ, mẫu đơn đỏ thắm, trà đơn

và kếp màu hồng tươi hoặc trắng bạch. Lại có những chậu hoa sói, những bông hoa bám vào cành lấm tấm như những hạt gạo trắng và bên cạnh những chậu hoa sói là những chậu hoa mộc, hoa trắng nhỏ, nở kín đáo trong lá như e thẹn và nhiều loại hoa khác mà dân chúng vùng quê Việt Nam ưa chơi. Nếu chú ý, chàng còn thấy hai chậu hoa tướng quân bông nở màu đỏ thắm, những bông hoa nhỏ nở thành chùm trời lên trên đám lá xanh to trông thật đẹp. Cả chùm hoa gộp lại chỉ là một đóa hoa như hiên ngang trong chậu cảnh!

Hoa tướng quân là một loài hoa quý và lạ, tượng trưng cho sự anh dũng và biểu lộ tinh thần bất khuất của anh hùng hào kiệt. Giữa các loài hoa, hoa tướng quân như một vị chỉ huy cả muôn hoa. Nhiều thi nhân đã ngâm vịnh về loài hoa này. Nhân đây chúng tôi xin phép được trích dẫn một phần bài thơ ca tụng hoa tướng quân của nữ thi sĩ Thư Linh rút trong tập NHỮNG DÒNG THƠ HOA:

*Một buổi sớm nắng vàng gió mát,
Hồn thơ say hương ngát lá xanh
Bạn từ xa, quá chân thành
Chậu cây đem tặng công trình xiết bao.*

*Lá dài mướt thanh tao sắc lục
Gió hân hoan giao khúc mừng chào
Bên tai giọng bạn ngọt ngào:
Loài hoa lạ khác Hồng, Đào xứ ta
Biết tính chị yêu hoa say đắm.
Giống hiếm hoa dành tặng bạn hiền
Ánh hồng tỏa mộng thần tiên
Cây xanh tắm nắng phô duyên lạ kỳ*

.....

*Nụ hoa sắc lý dịu hiền
Nửa tuần trăng kết cánh tiên nở dần
Đài bích ngọc trên thân cẩm thạch*

*Từng cọng xinh dần tách màng vương
Màu hồng chuyển đỏ dễ thương
Hơn trăm cánh mộng kết nguồn say sưa
Mấy bữa đầu hoa thừa nhỏ cánh
Đài ngọc ươm tám cạnh biếc hồng
Nhụy vàng như chấm phấn thông
Bán khai nể ử cánh hồng kiều sang.
Khách thăm hoa ngờ ngàng khen hiếm
Một vị ư sừu kiếm kỳ hoa
Thuật rằng: Hoa xứ ngoài xa
Nhập vào nước Việt đặt là TƯỚNG QUÂN
Vị hoa như linh thần đáng quý
Nở một bông tuyệt mỹ thanh cao
Tượng trưng tráng sĩ anh hào
Mỗi kỳ trở một đóa nào có hai.*

Nữ lang đi đi lại lại trong vườn hoa, thỉnh thoảng lại cúi xuống nhặt bỏ mấy lá sâu, hoặc vài bông hoa đã tàn. Bỗng nhiên nàng lên tiếng gọi ông Tiên chỉ:

- Thầy ơi! Hoa đình lãng, hôm nay cũng nở đẹp lắm!

Ông Tiên chỉ đáp lại lời con:

- Ủ, nó nở thì nở, có gì mà con phải gọi thầy. Thầy đang tiếp rượu thầy Khóa, con không biết sao!

Rồi ông quay lại Vũ Cảnh nói:

- Xin lỗi thầy Khóa! Con cháu nhà tôi, nó tên là Giáng Thu, thật không có ý tứ!

Vũ Cảnh đang nghĩ về vế câu đối! Chàng đáp một cách như không nghĩ ngợi gì:

- Thừa lão bá, có gì đâu!

Rồi như trong một cơn mê choàng tỉnh, chàng nói:

- Thừa lão bá văn sinh đã nghĩ ra được vế đối vế câu đối của lão bá rồi!

- Thầy Khóa hay chữ thật! Thế mà thầy Khóa bảo phải nghĩ vài ba ngày! Xin thầy Khóa cho nghe vế đối! Chắc phải hay lắm!

Vũ Cảnh như bẽn lễn thưa:

- Thưa lão bá, thực ra không phải văn sinh tự nghĩ ra! Chính tiểu thư Giáng Thu đã nhắc văn sinh đó!

- Ủa! Sao lạ vậy! Thì thầy Khóa hãy đọc cho lão thưởng thức tài mẫn tiệp của thầy Khóa qua cái hay của vế đối.

Vũ Cảnh đọc:

Đình hương hoa bách đầu, thiên đầu, vạn đầu.

Ông Tiên chỉ nghe qua vội khen:

- Tuyệt quá! Đối chiết tự mà đến như vậy thì thật giỏi! Lão không thể đối được chính câu đối của mình nên phải nhờ thầy Khóa đối giúp!

Vế đối thật hay và chọi chan chát với vế ra.

Ba chữ ĐÌNH HƯƠNG HOA là hoa cây Đình hương, ba nét đầu của ba chữ này lại là ba nét đầu của ba chữ *bách, thiên* và *vạn*.

Chúng tôi xin chép dưới đây nguyên cả đôi câu đối để bạn đọc cùng thưởng thức và để càng rõ cái khéo léo của người đối, đáp lại cái hiểm hóc của vế ra:

Băng lãnh tửu, nhất điểm, nhị điểm, tam điểm.

Đình hương hoa, bách đầu, thiên đầu, vạn đầu.

Nghe ông Tiên chỉ khen. Vũ Cảnh đứng dậy, chắp tay nói:

- Xin lão bá chớ quá khen! Văn sinh xin nhắc lại, vế đối này không phải tự văn sinh nghĩ ra! Chính tiểu thư Giáng Thu đã nhắc khéo văn sinh đó!?

Ông Tiên chỉ đưa tay ra hiệu mời Vũ Cảnh ngồi xuống, rót một chén rượu đầy, đưa chàng uống và bảo rằng:

- Thầy Khóa thật là khiêm tốn. Cháu Giáng Thu nó có nhắc tới hoa đình hương, cũng chỉ là một sự ngẫu nhiên. Nghe ba tiếng hoa đình hương mà nghĩ tới dùng làm vế đối, không phải người hay chữ làm sao mà nghĩ ra được sáu chữ sau: Bách đầu, thiên đầu, vạn đầu. Cái tài mẫn tiệp của thầy Khóa có thua gì Trạng Quỳnh khi được bà Thị Điểm nhắc cho để đối câu đối của ông anh bà là Đoàn Trác Luân!

Vũ Cảnh ngồi xuống, uống một hơi hết chén rượu đầy và đáp lại:

- Lão bá quá thương nên nói vậy! Thật ra tiểu thư Giáng Thu mới là người mắc tiệp!

Thực ra, trong lúc hai người ngồi uống rượu nói chuyện, Giáng Thu có đi qua phòng bên. Qua vách, nàng đã nghe rõ câu chuyện về câu đối cha ra cho chàng nho sĩ. về câu đối hiểm hóc, ra trong bữa rượu, thật khó đối, nhưng Giáng Thu từ nhỏ vốn được cha dạy dỗ nên cũng có khiếu về văn thơ, câu đối. Chính nàng đã viết và đã đối những vế câu đối dán trước cửa phòng Vũ Cảnh.

Ngay từ hôm đầu tiên cha đưa Vũ Cảnh về và thuật rõ cuộc đấu vật và những câu chuyện trong bữa tiệc làng, Giáng Thu đã khâm phục Vũ Cảnh là người có tài lại có chí khí, và một đôi lần nhìn qua song cửa, thấy rõ Vũ Cảnh là một con người khôi ngô với những cử chỉ điềm đạm, nàng có cảm tình với chàng. Thời ấy không phải như ngày nay, nam nữ tự do giao tiếp. Mà là thời quan niệm nam nữ thụ thụ bất thân đang được tôn trọng.

Ông Tiên chỉ là bậc nho học, tuy đầu óc phóng khoáng, nhưng ông cũng không chấp nhận điều gì quá ngược lại với thói tục. Chính ông, ông cũng mến Vũ Cảnh, và ông cũng có ý ướm hỏi Vũ Cảnh thay cho con gái, nhưng phải có cơ hội thuận tiện.

Giáng Thu biết mặt biết người, biết tài võ dụng, biết rõ chí khí anh hùng của họ Vũ, nhưng nàng mới chỉ nghe mà chưa hiểu, võ tài như vậy, văn tài của chàng có được như võ tài chăng. Rồi nàng không hỏi ý cha, đã tự nghĩ ra vế câu đối dán lên cửa phòng họ Vũ:

Hán mạt nhất thời vô nghĩa sĩ

Vũ Cảnh đã đối lại như trên đã trình bày và chàng cũng lại đã ra luôn một vế đối để người đã thách đối chàng cũng phải đối!

Với vế đối, Vũ Cảnh đã khiến cho Giáng Thu vốn phục chàng về võ tài và về chí khí cũng phục chàng hơn về văn tài. Và nàng để ý đến chàng hơn, nhất là nàng hiểu rõ ý thân phụ cũng muốn chu toàn cho mình. Nghe lén thấy vế đối cha ra cho khách, nàng biết trong nhất thời, khách khó lòng đối được, nên nàng đã tìm cách nhắc khéo bằng cách gọi cha báo cho biết hoa Đình Hương đang nở. Sự nhắc khéo của nàng quả đã gỡ bí cho Vũ Cảnh.

Ông Tiên chỉ và Vũ Cảnh trong bữa rượu vừa nói chuyện về văn thơ lại bàn về thời thế. Vào lúc rượu họ Vũ đã hơi ngà ngà say, ông Tiên chỉ đột nhiên hỏi chàng:

- Thầy Khóa đọc văn thơ, kim cổ đã nhiều không biết thầy Khóa có biết bài thơ tứ tuyệt của Đỗ Thu Nương không?
- Dạ bẩm lão bá, văn sinh có được đọc qua và văn sinh vẫn mang máng nhớ.

Ông Tiên chỉ cười nói:

- Lão cũng đã đọc qua bài thơ ấy, nhưng trí nhớ của lão kém, không còn nhớ rõ. Thầy Khóa nếu còn nhớ hết, xin đọc cho lão nghe lại.
- Văn sinh tuy nhớ, cũng chỉ mang máng, văn sinh đọc lại e có chỗ sai.
- Thầy Khóa cứ đọc lão nghe, lão cũng còn hơi nhớ mà! Đôi ta cùng nhớ, có lẽ bài thơ sẽ không sai đâu!

Vũ Cảnh vâng lời đọc:

*Khuyến quân mạc tích Kim lữ y
Khuyến quân tích thủ thiếu niên thì!
Hoa khai kham chiết trực tu chiết,
Mạc đãi vô hoa không chiết chi*

Chàng đọc theo giọng ngâm nga, hơi rượu ngà ngà làm cho giọng chàng thêm sang sảng. Nghe chàng ngâm xong bài thơ, ông Tiên chỉ khen:

- Thầy Khóa nhớ quá, đâu có sai chữ nào! Lão phải thưởng thầy Khóa chén rượu đầy mới được.

Vừa nói, ông vừa gắp thức nhắm vào bát chàng họ Vũ, và ông rót một chén rượu đầy!

Ông cũng tự rót cho mình một chén đầy không kém. Ông mời:

- Nào thầy Khóa, lão mừng cái trí nhớ của thầy Khóa thật hơn người!

Ông nâng chén rượu đưa lên miệng, Vũ Cảnh cũng lễ phép mời lại, và chàng lại uống chén rượu trong một hơi, trong khi ông Tiên chỉ cũng uống như vậy.

Tửu lượng của ông Tiên chỉ khá, nên uống dăm ba chén rượu ông chưa thấy hơi say, còn Vũ Cảnh cùng rượu ấy, tự thấy đã ngà ngà.

Ông Tiên chỉ nói:

- Tùu lượng thầy Khóa tuy không cao, nhưng cũng đủ để thù tiếp trong những cuộc giao tế!
- Bẩm lão bá, văn sinh thực ra không bao giờ dám uống nhiều rượu, e say rượu sẽ làm lỡ việc lớn!
- Thầy Khóa nghĩ phải! À, lão trở lại bài thơ của Đỗ Thu Nương. Bài này trước đây lão có dịch nôm, lão đọc thầy Khóa nghe, chỗ nào không được thầy Khóa sửa cho nhé:

*Tiệc chi chiếc áo sợi vàng
Khuyên chàng tiệc lấy tuổi đang xuân thì
Hoa tươi hãy hái mau đi
Mai đây hoa rụng bẻ gì cành không*¹⁴

Đây lão chỉ lược dịch, lược lấy ý, không giữ hết lời. Dịch giả phản giả nên lão cũng thận trọng.

Vũ Cảnh kính cẩn nói:

- Lão bá dịch sát nghĩa lắm và văn sinh thấy dịch như vậy là đạt lắm rồi
Chàng ngừng lời một chút rồi nói tiếp:
- Thưa lão bá!

Ông Tiên chỉ như ngạc nhiên trước lời thưa, hỏi:

- Thầy Khóa định nói gì!
- Thưa lão bá, văn sinh xin phép lão bá để được hỏi chẳng hay vì sao lão bá lại nhắc tới bài thơ của Đỗ Thu Nương.

Ông Tiên chỉ đưa tay lên vuốt chòm râu, cười khà khà nói:

- Lão già hay lắm cầm. Bỗng nhiên nhớ tới bài thơ đó thì nhắc lại cùng thầy Khóa, chứ có gì đâu! Nào kìa thầy Khóa, nhắm đi chứ?

Ông lại tiếp thức nhắm cho Vũ Cảnh và rót thêm rượu cho hai người. Đoạn ông với chiếc điều hút. Ông nói:

- Xin lỗi thầy Khóa nhé, lão có thói xấu là bữa ăn cứ phải hút thuốc lào. Hôm nào đi ăn cỗ hay đi việc làng, vì giữ lễ, không được hút thuốc trong bữa ăn, lão lấy làm khổ lắm!

Hút xong, ông chuyển chiếc điều cho Vũ Cảnh và nói:

- Thầy Khóa cũng nên hút một điếu cho thơm miệng!

Vũ Cảnh đưa tay đỡ chiếc điếu, thông nõ điếu, vể mồi thuốc đặt vào nõ, dùng chiếc đóm châm lửa ở đĩa đèn dầu lạc đặt trên án thư rồi hơ lửa trên nõ điếu, vít chiếc xe điếu trúc đưa vào mồm rít một hơi dài có vẻ ngon lành, khoan khoái. Chàng quay mặt sang bên, hà hơi thuốc, khói bay là là trong gian phòng không sáng lắm, những ngọn đèn dầu không đủ làm sáng trưng được gian phòng.

Bữa rượu kéo dài khá lâu, cho đến hơn một giờ mới xong.

Mâm rượu được bưng đi, trầu nước được bày ra, ông Tiên chỉ đưa coi trầu mời Vũ Cảnh. Chàng nhặt một miếng trầu gồm cau, trầu không và vỏ, giữa mùa xuân lạnh, không có cau tươi, chỉ có cau khô, nhưng cau khô đây là loại cau đậu, trắng và ngon. Cầm miếng cau khô, Vũ Cảnh ngẫm nghĩ, nắn nắn khẽ hai đầu miếng cau bằng ngón tay cái và ngón tay trỏ, thật là mềm và mặc sự nắn bóp như vậy, hạt cau cũng không long khỏi miếng bì cau. Vũ Cảnh khen:

- Cau đậu ngon quá chẳng hay đây là cau nhà phơi hay cau mua?

Ông Tiên chỉ vừa nhặt xong miếng trầu, đã chú ý tới động tác nắn cau của chàng, ông gật gù nói:

- Cháu Giáng Thu nó phơi đó. Phơi cau may được nắng thì ngon!

Thực ra phơi cau là cả một nghệ thuật, sở cậy ở nắng đã đành, nhưng cũng phải biết sấy cau nếu không được nắng; và khi đem phơi, phải xếp nhẹ từng miếng cau mới giữ được cau đậu. Ông Tiên chỉ nói may được nắng chỉ là một câu nói khiêm nhượng cũng có ý muốn khoe tài nữ công nội trợ của con gái.

Vũ Cảnh nhặt miếng trầu không, trầu tươi tèm cánh phượng tăng vẻ ngon lành, và cả đến miếng vỏ cắt cũng khéo, miếng vỏ vun vút cheo chéo đầu dày đầu mỏng, lại là loại vỏ đỏ tươi trông thật nổi màu bên miếng trầu xanh.

Nhặt miếng trầu xanh lên, Vũ Cảnh cũng ngẫm nghĩ rồi buột miệng khen: Chà! Trầu tèm cánh phượng sao mà khéo quá!

Ông Tiên chỉ khẽ vuốt râu, thủng thẳng nói:

- Ấy cũng cháu Giáng Thu nó tằm trầu. Con gái nhà nền nếp, ít nhất cũng biết tằm miếng trầu cho chỉnh! Và cũng cần phải biết làm bữa rượu cho bố tiếp khách, bữa rượu phải sang trọng, lịch sự mà không cần cầu kỳ!

Vũ Cảnh đưa miếng cau, miếng trầu không sau cùng vào miệng nhai. Trầu không tằm thật vừa vôi, nhai miếng trầu chàng cảm thấy thơm ngon!

Ông Tiên chỉ cũng đã bỏ miếng trầu vào miệng nhai. Trên án thư đã có một ống nhổ bạc nhỏ để đựng bã trầu, và để khách ăn trầu dùng, mặc dầu, dưới chân án thư ngay mặt đất đã có một chiếc ống nhổ đại thật lớn.

Vũ Cảnh nhai miếng trầu khen ngon, và nhân đó cũng ca tụng bữa rượu là lịch sự. Chàng nói:

- Chắc mâm rượu cũng do tiểu thư Giáng Thu sửa soạn! Món ăn nấu thật khéo, thật vừa miệng, nhắm rượu tăng thêm vị rượu!

Ông Tiên chỉ cười khà khà, và nói:

- Thầy Khóa thật quá khen! Cháu nó được mẹ nó dạy bảo, nên công việc bếp núc cũng tạm được!

- Tiểu thư thật hơn người, nội trợ giỏi, lại văn thơ cũng đáng phục!

Ông Tiên chỉ làm bộ sững sốt.

- Cháu nó có làm văn thơ bao giờ!

Vũ Cảnh thưa:

- Thưa lão bá, việc tiểu thư nhắc văn sinh đối vế câu đối của lão bá cũng đủ chứng thực văn tài của tiểu thư. Hơn nữa, chắc lão bá lúc chiều cũng để ý đến hai đôi câu đối dán trước cửa phòng văn sinh.

- Có, lão có đọc! Cả hai đôi câu đối đều được lắm, người ra đã khéo, mà người đối cũng hay! Chí khí, tâm tư đều đã bộc lộ qua lời văn nét chữ! Nhưng lão không nghĩ là của cháu Giáng Thu!

- Thưa lão bá, theo văn sinh nghĩ thì ở đây, ngoài lão bá và tiểu thư ra, ai là người có thể ra nổi vế câu đối và đối được vế của văn sinh ra một cách hay và bao hàm tâm tư đáng phục như vậy!

Ông Tiên chỉ gật gù, chậm rãi vừa nhai trầu vừa nói:

- Thầy Khóa nói cũng có lý! Con bé thật múa rìu qua mắt thợ, đánh trống qua cửa nhà sấm! Nó học hành đã được bao nhiêu, chẳng qua chỉ học mót do lão dạy mà thôi!

- Thừa lão bá, người thông minh học ít mà biết nhiều. Chỉ tiếc giỏi giang và chí khí như tiểu thư lại là con gái. Tiểu thư ví là con trai, ắt đất nước cũng được nhờ nhiều lắm!

Nghe Vũ Cảnh nói, ông Tiên chỉ cho chàng biết, tuy là gái, nhưng Giáng Thu vẫn ao ước làm những công việc của những kẻ hào kiệt trong lúc nước nhà nghiêng ngửa. Chính vì vậy, mà cho tới ngày đó, nàng đã ngoài hai mươi vẫn chưa chịu kết lứa đôi. Trong làng Hội Hợp và mấy xã chung quanh cũng đã có mấy người đánh tiếng, nàng đều không ưng vì những người đó nàng cho là hạng tầm thường, và theo lời nàng đấy chỉ là phường giá áo túi cơm, không biết nghĩ xa hơn ngưỡng cửa. Nàng ao ước được gặp một trang nghĩa sĩ, cùng với người nàng sẽ đi theo tiếng gọi của non sông. Dù cung kiếm nàng không giỏi, nhưng sống trên đất dụng võ, nàng cũng hiểu biết thế nào là võ lược, ông Tiên chỉ cũng không giấu diếm là ông đã nói chuyện với nàng về chí khí của Vũ Cảnh và nàng có lẽ phục chàng lắm!

Rồi như mượn hơi rượu, ông đã nói rõ với Vũ Cảnh ý muốn của ông, cũng giống như nàng:

- Con bé nó hư lắm! Nó cứ muốn được noi gương thầy Khóa! Lão thương con, lão thấy nó muốn làm việc lớn, đã giảng nghĩa cho nó hay những sự khó khăn, nhưng nó cứ khăng khăng muốn dẫn thân theo bước đường nguy hiểm! Chẳng hay thầy Khóa có chịu cho nó theo gương chăng? Nó muốn trở thành một nữ tướng như cô Ba của ông Đề.

Vũ Cảnh chưa biết trả lời ra sao, ông lại nói:

- Giá thầy Khóa mà thương yêu nó, cho nó theo hầu hạ...

- Thừa lão bá, con đâu dám, tiểu thư hơn người như vậy.

- Lão nói theo hầu hạ là ý lão muốn thầy Khóa chấp nhận cùng nó thành đôi lứa!

Vũ Cảnh đứng lên vái ông Tiên chỉ:

- Lão bá thật quá thương, chỉ e văn sinh không xứng đáng làm giai tể trong gia đình!

Ông Tiên chỉ cười, và câu chuyện đã đi thẳng đến chỗ phải đến. Vũ Cảnh rất sung sướng nếu chàng cùng Giáng Thu sánh đôi, nhưng vì trong bước đường luân lạc, chàng chưa kịp bẩm mệnh mẹ cha, nên chàng xin khất để

đời sự ung thuận của hai thân. Đó là một điều rất hợp lý, và người con hiếu phải như vậy. Tuy nhiên, để Giáng Thu yên tâm ông Tiên chỉ xin chàng trao cho một tín vật. Chàng rút chiếc trâm cài búi tóc đưa ra, và ông Tiên chỉ lúc này cũng gọi thẳng Giáng Thu tới và nàng đã trao cho chàng chiếc khăn hồng làm tin.

Lúc này, chàng mới hiểu ý tại sao ông Tiên chỉ lại nhắc tới bài thơ của Đỗ Thu Nương.

Tới đây có lẽ có bạn đọc thắc mắc cho là câu chuyện đi đã quá mau và đã có sự quá sỗ sàng không tự phía này cũng tự phía kia. Sự thật, trong câu chuyện đôi bên đã hết sức e dè với mọi sự dẫn đo cần thiết. Và lại, từ ngày Vũ Cảnh tới tạm trú nơi nhà ông Tiên chỉ, chàng đã có đôi ba lần thấy bóng dáng người đẹp, và trong thân tâm chàng cũng đã nghĩ đến bóng dáng yêu kiều này, lại thêm hai đôi câu đối đã khiến chàng phục tài nàng, thì như vậy, từ đó đi đến chỗ yêu đương chỉ một bước!

Sau hôm đó, Vũ Cảnh được mọi người trong nhà đều coi như giai tể chính thức của ông Tiên chỉ. Và chàng cũng đã viết thư về trình bố mẹ!

VI

LUYỆN VÕ



Trên con đường từ Hội Hợp về Tích Sơn, hai bên cánh đồng xen lẫn nhiều khóm cây lớn. Nếu ngày nay nơi này đã là đồng ruộng hoàn toàn, thì trước đây tuy có ruộng nương, nhưng Vĩnh Yên đạo vốn nằm trên miền trung du, nên có ruộng mà cũng có rừng. Lỵ trấn của Vĩnh Yên đạo nằm trên khoảng đất giữa làng Tích Sơn, Đình Trung và Khai Quang sau này đều thuộc huyện Tam Dương tỉnh Vĩnh Yên.

Vĩnh Yên đạo, nếu có cái gì đặc biệt hơn những đạo khác phải kể dãy núi Tam Đảo và Đầm Vạc.

Tam Đảo là dãy núi lớn nằm về phía Bắc tỉnh ngăn cách Vĩnh Yên và Thái Nguyên, sau này khi Vĩnh Yên được đổi thành tỉnh vào năm 1899, dãy núi cũng thuộc địa phận huyện Tam Dương. Tam Đảo có ba ngọn núi chon von là Phú Nghĩa, Thạch Bàn và Thiên Thị. Trên đỉnh Thạch Bàn có một ngôi chùa trong thờ một pho tượng bằng đồng gọi là Đồng Tự. Đừng ai tưởng tượng Đồng Tự là một chùa lớn, đây là một ngôi chùa rất nhỏ, có thể

gọi là một ngôi chùa tí hon, dung tích cả chùa chỉ vào khoảng nửa thước khối. Tượng Phật nhỏ, bát hương cũng nhỏ, thỉnh thoảng lắm mới có người tới hành hương. Năm 1939, khi chúng tôi hành hương, ngôi chùa còn nguyên cả tượng Phật, tượng đồng dát vàng, nhưng nghe nói sau này có kẻ đã ăn cắp mất pho tượng.

Cũng ở trên đỉnh núi Thạch Bàn này xưa Cao Biền có khắc bia để kỷ niệm chiến thắng quân Nam Chiếu và việc quân Tàu đánh chiếm Long Biên. Ở trên đỉnh Thạch Bàn đi xuống về phía Tây có làng Sơn Đình, ở đây có chùa Tây Thiên còn gọi là Địa Ngục tự, một ngôi chùa rất nổi tiếng. Cách Sơn Đình độ bốn cây số ở chân núi còn có một ngôi chùa gọi là chùa Thang.

Đỉnh Phú Nghĩa là đỉnh cao nhất, trên có hai ngọn núi gọi là Hội Hương và Quế Phụ. Lại có một dòng suối chảy xuống, nước trong lóng lánh rất đẹp gọi là Kim Tuyền hoặc Suối Vàng. Suối Vàng chảy thông vào một dòng suối nữa gọi là suối Giải Oan.

Sau này người Pháp thành lập ở Tam Đảo một nơi nghỉ mát.

Trên đây là vài nét sơ qua về dãy núi Tam Đảo, dưới đây chúng tôi xin nói phác tới Đầm Vạc.

Ai đã có dịp đứng trên dãy núi Tam Đảo mà nhìn xuống Vĩnh Yên, ắt hẳn thấy sát ngay thị trấn Vĩnh Yên một làn nước trắng bao la, giống hình một chiếc vạc ba chân: đấy là Đầm Vạc. Đầm Vạc rộng lớn ăn vòng qua chín làng thuộc hai huyện Tam Dương và Bình Xuyên, trong đó có các xã Vị Thanh, Tích Sơn và Định Trung thuộc huyện Tam Dương. Đầm ăn thông với hai con sông Cà Lồ và Tiểu Đáy.

Đầm Vạc rộng và sâu, nước lên xuống tùy theo mùa mưa hay nắng.

Sáng hôm đó, một buổi sáng mùa xuân năm Giáp Ngọ, trên con đường nhỏ từ Tích Sơn tới bờ Đầm Vạc có bóng ba người đi trong sương, hai đàn ông và một đàn bà. Trời lạnh, họ đều mặc quần áo ấm. Người đàn bà mặc áo bông cộc, bên trong là một chiếc áo dài nâu, đầu chít chiếc khăn mỏ quạ bịt kín hai tai. Trông ra là một thiếu nữ khoảng trên dưới hai mươi. Hai người đàn ông, một già, một trẻ, người già khoảng ngoài lục tuần, còn người trẻ mới độ trên hai mươi lăm.

Tuy trời còn lạnh mà ngay từ sáng sớm trên mặt đầm đã có nhiều người đánh cá. Đây là dân làng Vị Thanh, Vị Trù, trai có, gái có, trẻ có, già có.

Cảnh đánh cá trên mặt đầm rất hoạt động và vui vẻ. Ánh bình minh hé chiếu ở phương Đông đỏ lòm xuống mặt đồng. Gió sớm làm làn nước bạc rung rinh gây nên những con sóng nhỏ gợn hồng. Những con thuyền nhỏ đi ngang dọc trên mặt nước, bơi chèo khua nước bắn trong như bạc lên mạn thuyền. Thuyền từ từ đi, người thuyền chài tung chiếc lưới gai đen tỏa ra rơi xuống mặt nước trùm một bề mặt khá rộng lớn, rồi khép dần lại ở dưới nước theo sức nặng của những thỏi chì, khiến những đàn cá ở trong vòng lưới đành chịu mắc nghên để chờ lôi lên khỏi mặt nước. Có những chiếc thuyền to hơn, lưới không tung như vậy, lại do vài người thuyền chài lội dưới nước dăng ra quây hãn lấy một vùng đầm. Trong khi đó thì có những thiếu nữ, những ông già chở những chiếc thuyền nan đi đuổi cá về phía lưới. Thuyền nan bơi nhẹ nhẹ, thiếu nữ hoặc ông già dùng hai miếng gỗ gõ mạnh vào nhau tạo nên những tiếng động, xua cá về cả một hướng. Chiếc lưới dăng dần dần khép lại. Đàn cá bị đuổi, bơi vào mắc lưới.

Mỗi lần một chiếc lưới kéo lên, những con cá bạc quẫy như muốn trốn. Chiếc lưới kéo dần dần, đàn cá mắc lưới nhoi dần lên khỏi mặt nước, được các người trên thuyền gỡ dần ra ném vào khoang. Có cá to, có cá nhỏ đủ loại.

Vừa đánh cá, dân chài vừa trò chuyện, nói cười với nhau. Mặt trời dần lên cao, cuộc đánh cá hàng ngày cũng xong dần.

Ba người bộ hành, đứng trên bờ đầm Vạc, nơi đối diện với xã Vị Thanh, ngắm dân chài làm ăn vất vả, chịu cực với lạnh để kiếm miếng sống.

Chàng trai - đây chính là Vũ Cảnh, còn hai người kia là cha con ông Tiên chỉ - nói với hai người:

- Dân mình làm ăn khó khăn thế kia mới có miếng sống. Vậy mà bọn giặc Pháp chúng nghe theo lũ bán dân, hại nước thu thuế rất cao.

Giáng Thu nói:

- Vì thế dân ta mới cần xiết chặt hàng ngũ để cùng nhau đánh đuổi bọn chúng, để thoát cái xiềng xích chúng đang quăng lên đầu lên cổ chúng ta!

Ba người tới Đầm Vạc làm gì? Nguyên từ sau bữa rượu với đôi câu đối ĐINH HƯƠNG HOA, Vũ Cảnh đã có sự đính ước với Giáng Thu và chàng cũng đã báo cho cha mẹ biết. Cha mẹ chàng có thư lên Tam Đái, ngỏ ý không ngăn cản việc hôn nhân, và mẹ chàng hứa sẽ có ngày lên Hội Hợp để thừa chuyện với ông Tiên chỉ.

Ông Tiên chỉ vốn là con người phóng khoáng, tuy theo nho học, nhưng không nhất thiết giữ đúng những điều cổ chấp của đạo nho, nên sau đó giữa Vũ Cảnh và Giáng Thu thường có những cuộc gặp gỡ, khi thì ở hoa viên, khi tại trước hiên nhà, và cũng có lần Vũ Cảnh mời Giáng Thu vào thư phòng. Đôi bên có nhiều dịp tìm hiểu nhau, và càng khâm phục nhau vì tài cũng như vì chí. Vũ Cảnh hoạt động cho đất nước nào có khác chi những nghĩa sĩ thời Trần mạt đã chống lại quân Minh, còn Giáng Thu nàng rất khâm phục cô Ba ông Đề Thám, và nàng nguyện cũng sẽ làm được những việc cô Ba làm. Nàng thường bảo Vũ Cảnh: Là con cháu Bà Trưng, Bà Triệu ít ra cũng phải noi gương cô Ba của ông Đề. Đã từ mấy hôm nay, đô Giang ở Vị Thanh đã cho người sang Hội Hợp mời ông Tiên chỉ và Vũ Cảnh tới thăm nơi luyện võ của nghĩa quân, thiết lập tại xã Vị Thanh, trong một khu vườn thưa.

Ông Tiên chỉ bàn với Vũ Cảnh rất kỹ về việc này và hai người cũng muốn thấy tận mắt mọi sự tiến triển của lớp huấn luyện này. Kể từ ngày đô Giang theo lời Vũ Cảnh đảm nhiệm việc huấn luyện nghĩa quân, số người được tuyển lựa cũng khá đông, và cũng đã có những người, sau một thời gian luyện tập, được sự giới thiệu của Vũ Cảnh tới Nhã Nam nhập vào quân đội của ông Đề.

Khi được biết cha và Vũ Cảnh sang Vị Thanh để thăm lớp luyện võ của đô Giang, Giáng Thu xin đi theo. Sáng hôm đó ngay từ gà gáy, ba người đã từ Hội Hợp khởi hành ra đi, và khi tới bờ Đầm Vạc, nơi đối diện với Vị Thanh, trời vừa sáng, và vừa gặp lúc dân chài quanh đầm đang hoạt động đánh cá.

Nơi đây, vẫn có những chiếc thuyền nan chở khách từ bờ này qua bờ kia Đầm Vạc, nhưng vì có hẹn trước nên đô Giang đã phái một thủ hạ đợi sẵn

tại nơi đây, để chở ba người qua, như vậy vừa mau chóng lại vừa tránh được sự chú ý tò mò của lái thuyền, cũng như của một số dân chài.

Con thuyền nan cầm sào đợi, người nhà đô Giang vẫn để ý nhìn về phía Tích Sơn, trước đây muốn tới bến Đầm Vạc, dân xã Hội Hợp thường đi theo con đường nhỏ men bên lũy tre xã Tích Sơn. Ba người vừa tới bến còn đang muốn kiếm thuyền, thì người nhà đô Giang đã chèo thuyền tới trước mặt và hỏi:

- Cụ và cô, cậu muốn sang Vị Thanh? Xin mời cụ và cô cậu xuống đây con chở.

Ba người bước xuống thuyền nan, người lái cầm sào chống đứng thuyền xa rời khỏi bến, khi tới chỗ nước sâu, người đó mới bỏ sào lấy bơi chèo ra bơi.

Con thuyền từ từ đè nước lướt trên những làn sóng nhỏ lăn tăn. Ánh sáng sớm mai chiếu những tia nắng làm hồng hồng mặt nước. Gió sớm như tăng thêm cái lạnh lẽo của tiết trời.

Ngồi trên thuyền, ba người không nói chuyện gì, chỉ ngắm trời mây hoặc nhìn những người thuyền chài đang đánh cá trên mặt đầm.

Khi thuyền gần tới bến Vị Thanh, người lái dò lên tiếng hỏi:

- Thưa cụ và cô, cậu, có phải các vị sang thăm anh đô Giang?

Cả ba người đều giật mình vì câu hỏi này. Tại sao người lái thuyền lại biết họ, và hơn nữa biết rõ họ sang thăm đô Giang. Chưa ai kịp hỏi lại, người này đã nói thêm:

- Anh Đô dặn con đón cụ ở đây. Anh đã tả hình dáng cụ và cậu cho con rõ. Khi cụ tới con đã biết, nhưng lại thấy có thêm cô nên con muốn hỏi vậy!

Anh lái dò là người xã Vị Thanh và chân tay của đô Giang, đã được đô Giang cho biết về công cuộc chiêu tập hào kiệt của Vũ Cảnh và sự hỗ trợ của ông Tiên chỉ và anh cũng đã xin đô Giang được lên Nhã Nam sung vào đạo nghĩa quân của ông Đề Thám; hiện nay anh là một học viên theo lớp huấn luyện quân sự và học võ của đô Giang.

Thuyền cập bến Vị Thanh. Xã Vị Thanh nằm bên bờ đầm, nhưng đây là đất đồi nên mới chỉ có một số ít là đất thổ canh, còn lại phần lớn là đất rừng thưa, và có khu là rừng rậm nữa. Đi đến đây, những ai đã từng sống ở đất

Vĩnh Yên trước năm 1954, ắt phải ngạc nhiên, Vì chung quanh xã Vị Thanh không làm gì có rừng, có chăng chỉ ở mé bên kia đầm về phía thị xã Vĩnh Yên là có một khu rừng, và trong khu rừng này trước đây người Pháp đặt cơ sở hành chính thường được gọi là dinh ông Công sứ.

Không phải vì vậy mà trước đây quanh xã Vị Thanh không có rừng, rừng này từ ngày có tỉnh lỵ Vĩnh Yên, dân chúng đã khai phá dần, đốn cây, và đã biến thành vườn ruộng về sau này.

Người lái thuyền, sau khi chèo sào lên bộ, tự dẫn ông Tiên chỉ, Vũ Cảnh và Giáng Thu về nhà đô Giang. Đường đi quanh co, một lát tới một xóm nhỏ. Đô Giang đã đứng chờ cùng đám người khác, trong số đó có ba người từ Nhã Nam tới để huấn luyện quân sự nhưng thực ra đây chỉ là cách chỉ bảo cho anh em biết sử dụng súng. Còn vài người nữa là những tay đô vùng Tam Đái.

Đô Giang mời ba người vào trong nhà, và sau một tuần trầu nước, Vũ Cảnh đề nghị cho ba người đi xem nơi luyện võ để gặp gỡ anh em.

Nơi luyện võ ở giữa khu rừng thưa, nơi ít ai đi lại, cách nhà đô Giang độ hai dặm. Đô Giang đã cho cất hai căn nhà lá cột tre để anh em tạm trú, ngoài ra chính anh em cũng tự sửa sang lấy nơi diễn võ của mình, chặt cây cối, lập hàng rào tre.

Vì đã có tin trước, khi ông Tiên chỉ, Vũ Cảnh và Giáng Thu được dẫn tới, anh em đã tề tựu đông đủ để nghênh đón. Cùng với anh em nghĩa quân, cũng có mấy chị phụ nữ, đây hoặc là chị em của các nghĩa quân cùng muốn theo gương nam nhi diệt thù trong cơn quốc nạn, và một vài chị là những người phụ trách bếp nước, trông nom sự ăn uống cho anh em để anh em rảnh tâm luyện tập, chóng thành công để sớm được tham gia vào việc kháng địch.

Đô Giang giới thiệu mọi người với ông Tiên chỉ, Vũ Cảnh và Giáng Thu, và cũng giới thiệu ba người này với tất cả các nghĩa quân nam nữ. Ông Tiên chỉ trước hết nói mấy lời khuyến khích, rồi Vũ Cảnh trình bày tình trạng đất nước đang bị giặc Pháp cai trị, triều đình thì vua quan chỉ là một lũ tay sai lớn nhỏ, trong dân gian thì bị lũ chó săn ức hiếp. Cụ Phan Đình Phùng và ông Đề Thám trước sự thế đau khổ không thể nhắm mắt làm ngơ,

phải nêu cao cờ Cần Vương cứu nước, nhưng rất khó thắng giặc, vì giặc nhiều súng ống, lại sẵn bọn lính tập chúng mộ rất dễ dàng bằng cách trả lương cao. Còn nghĩa quân, đây chỉ là những người có lòng yêu nước, không chịu được sự đô hộ của giặc ngoài, không chấp nhận gian khổ của ông cha bị bọn quý dương dày xéo, và không chịu đựng nổi sự ức hiếp của chúng đối với dân ta, trên từ vua quan, dưới đến dân giả. Vua Hàm Nghi phát cờ khởi nghĩa đã thất bại, bao nhiêu anh hùng nghĩa sĩ khác đã nổi lên, chỉ biết theo mục đích đuổi giặc không kể chi thành bại.

Vũ Cảnh kết luận: Việc chúng ta làm không thành công thì thành danh. Chúng ta nêu một tấm gương cho con em sau này, chúng ta vì nền độc lập của nước nhà, vì sự sống còn của muôn dân, thân chúng ta chi xá kể, chúng ta cứ vững tiến không kể chi thành bại.

Lời Vũ Cảnh được tất cả các anh chị em nghĩa quân hò reo đón nhận. Thời đó chưa có tục vỗ tay, để tỏ nỗi vui mừng và sự hoan nghênh người ta chỉ reo hò nháy nhót.

Đô Giang đứng lên thay lời mọi người cảm tạ những lời khuyến khích và trình bày của hai người, sau đó là những cuộc tập tành huấn luyện được biểu diễn. Số nghĩa quân được tụ tập không đông, chỉ vào khoảng trên ba chục người, cả nam nữ. Tuy không đông, nhưng ở một xã quê số người đó cũng đáng kể, và những biện pháp để ngăn cản sự tiết lộ cũng không dễ dàng, tuy nơi huấn luyện được thiết lập tại giữa rừng.

Ba huấn luyện viên quân sự, như đã trình bày, đã từ chiến khu Nhã Nam tới, theo lời xin của Vũ Cảnh với ban chỉ huy chiến khu ông Đề. Đây là những người không những thạo về cách sử dụng súng ống, cách tiến lui theo phương pháp mới, mà còn là những chiến sĩ đã có chiến công trong những cuộc phục kích quân Pháp và bọn lính tập.

Hơn ba mươi nghĩa quân nam nữ nhưng chỉ có sáu khẩu súng trường, ba khẩu do ban huấn luyện viên mang tới, còn hai khẩu vừa do đô Giang và một số đồ vật có nghĩa khí vùng Tam Đái góp tiền mua lậu được của người Trung Hoa, còn khẩu thứ sáu do một nghĩa quân nguyên trước là lính khố xanh trong hàng ngũ quân đội Pháp đào ngũ mang tới. Số súng dùng để

luyện tập cũng tạm gọi là đủ, và khi tập tiến quân, đô Giang đã cho đeo những súng gỗ phân chia cho mọi người.

Như thường lệ, đô Giang đã cắt người canh gác cẩn mật trước cửa rừng để phòng bị mọi sự bất trắc. Việc canh phòng được tổ chức luân phiên giữa các anh em nghĩa quân.

Theo hiệu lệnh của ba huấn luyện viên, anh chị em nghĩa quân ra sân xếp thành hàng ba.

Bắt đầu cuộc biểu diễn là sự sử dụng các khẩu súng do năm nam và một nữ nghĩa quân thực hiện. Loại này là những loại súng thường dùng trong quân đội Pháp thời đó, trong sáu khẩu súng, có hai khẩu súng tiếng Pháp là mousqueton và bốn khẩu phú dinh, tiếng gọi của những khẩu súng chế tạo riêng cho quân lính Việt Nam trong hàng ngũ quân đội Pháp, chữ Pháp gọi là Fusil Indochinois. Ngoài sáu nghĩa quân có súng, các nghĩa quân khác đều vác súng gỗ. Trong khi tập trước đây, tuy với súng gỗ, nhưng họ vẫn làm theo những động tác như sử dụng súng thật, như lắp sác-giơ¹⁵ như lên đạn, kéo quy-lát, bóp cò.

Sáu nghĩa quân tách riêng hàng ngũ sử dụng súng từ lắp đạn ngắm bắn, rồi bóp cò theo mọi động tác đã được chỉ dẫn, tuy không lắp đạn thật. Sau sáu nghĩa quân này tới sáu nghĩa quân khác cùng bước ra, nhận những cây súng và nhắc lại nguyên những động tác hàng ngày họ vẫn được chỉ dẫn, rồi lại sáu người khác cho đến hết số nghĩa quân.

Ông Tiên chỉ, Vũ Cảnh và Giáng Thu theo dõi rất chăm chú sự biểu diễn này. Giáng Thu nói với Vũ Cảnh:

- Rồi em cũng phải tập bắn súng, để có dịp giết quân thù.

Sau cuộc biểu diễn sử dụng súng, các huấn luyện viên cho anh chị em biểu diễn một cuộc tiến quân. Nghĩa quân vác súng đi hàng một, cách xa nhau, rồi đến những chỗ khúc khuỷu, nấp, bò, nhắm bắn địch như trong một cuộc hành quân thật. Cuộc biểu diễn kéo dài chừng một khắc, sau đó anh chị em nghĩa quân lại tụ tập đứng xếp hàng ba tại sân huấn luyện.

Vũ Cảnh tỏ lời khâm phục các huấn luyện viên, nhưng tỏ ý tiếc vì súng ống không đủ cho mọi người dùng. Đô Giang nói:

- Súng dùng để bắn khi địch ở xa. Gần địch thì ta dùng võ cổ truyền, như vậy, nếu xung trận sát lá cà quân ta sẽ hơn hẳn quân địch.

Và để chứng tỏ cho ông Tiên chỉ và Vũ Cảnh thấy sự luyện tập võ nghệ của nghĩa quân, đô Giang yêu cầu một nữ nghĩa quân ra sử dụng một bài quyền, bài Mai hoa quyền trong môn Võ Thiếu Lâm, bắt đầu từ miếng Đồng tử bái Quan âm.

Người nữ nghĩa quân, bận quần áo gọn gàng, đi hết bài *Mai hoa quyền* một cách đẹp mắt, từ ngón đá, ngón đấm, ngón tiến, ngón lui. Giáng Thu nhìn nàng không chớp mắt. Và khi bài quyền biểu diễn xong, nàng được reo hò ngợi khen nhiệt liệt.

Sau đó, một nghĩa quân khác ra múa gươm, thanh gươm lại sắc, sáng loáng lấp lánh dưới ánh mặt trời được múa vù vù tạo nên một hơi gió khá mạnh.

Kế đó là một cuộc đấu vật của hai nghĩa quân đô vật. Hai người đều tỏ tài, keo vật thật là hấp dẫn chẳng kém chi keo vật giữ giải của đô Giang tại xã Hội Hợp.

Đô Giang trình bày cùng ông Tiên chỉ và Vũ Cảnh rõ, tất cả các nghĩa quân nam nữ đều biết sử dụng một vật để phòng khi lâm trận có thể dùng đến.

Giữa lúc ấy, Giáng Thu vẫy một nữ nghĩa quân và xin ba huấn luyện viên để người này đi cùng với nàng, vào trong nhà. Một lúc sau, hai người đi ra thì Giáng Thu đã thay bộ quần áo buổi sáng bằng bộ quần áo nữ võ sinh với quần ống chèn và hai tay cũng chèn tay.

Nàng nhìn cha và Vũ Cảnh mỉm cười. Nàng nói cùng với mọi người:

- Các anh chị em đã biểu diễn quân sự và võ nghệ, để mọi người mua vui hôm nay tôi cũng xin đem tài mọn múa rìu qua mắt thợ, với một vài đường quyền.

Nàng được mọi người hò reo hoan nghênh. Trông nàng trong y phục nữ võ sinh thật xinh đẹp, một vẻ xinh đẹp rắn rỏi nhưng rất dễ thương. Nàng vẫn chít chiếc khăn mỏ quạ che kín bên đôi thái dương đến mái tóc mai, chỉ lộ đôi gò má hồng hồng vì trời lạnh. Môi nàng thắm đỏ, một phần vì ăn trầu, nhưng nhiều hơn chính vì vẻ đẹp tự nhiên.

Vũ Cảnh nhìn người yêu một cách trìu mến. Chàng từng nghe nói nàng biết võ, vậy mà bữa nay, nàng đã dành cho chàng một sự ngạc nhiên. Thấy người yêu nhìn mình không rời mắt, Giáng Thu cũng nhìn chàng mỉm cười với một nụ cười đầy âu yếm.

Nguyên nàng là con gái duy nhất của ông Tiên chỉ nên rất được chiều chuộng. Gia dĩ nàng lại thông minh, ngoan ngoãn. Nàng đã được cha dạy Hán tự, nhưng nhiều lần nàng ngỏ ý với cha mẹ nói rằng trong thời loạn, gái trai gì cũng cần biết đôi chút võ nghệ để giữ mình và nếu cần thì cứu nước hoặc ra tay giúp đỡ người khác trong trường hợp bất bình. Ông Tiên chỉ ý không muốn nàng luyện tập võ nghệ, nhưng bà Tiên chỉ chiều con hơn, đã bảo chồng:

- Làng mình là đất vật, đất Tam Đái lại là đất xưa nay chuộng võ, con nó muốn luyện võ, ông cũng chẳng nên ngăn.

Thế là ông Tiên chỉ nghe theo và mượn võ sư danh tiếng về để Giáng Thu học cùng với mấy anh em trai.

Bước ra sân biểu diễn, nàng đã được tất cả mọi người chú ý. Trông nàng thật mặn mà dễ thương, và nụ cười luôn luôn nở như hoa tươi giữa cặp môi hồng.

Nàng xin đi bài *Bát bộ liên hoa quyền*. Những đường quyền của nàng vừa nhanh nhẹn lại vừa kín đáo, những cái đá thật gọn, những chiếc đâm thật mau và cũng thật mạnh. Người nàng xoay theo đường quyền có lúc tạo nên những luồng gió, và khán giả, các anh chị em nghĩa quân như có cảm tưởng thấy quanh người nàng có một lớp hơi mờ mờ bao phủ.

Bài quyền dứt, mọi người khen ngợi, và yêu cầu nàng biểu diễn lại lần nữa để được thưởng thức kỹ lưỡng hơn tài nghệ hơn người của nàng.

Nàng cúi chào cảm tạ mọi người, và xin phép thay vì đi lại bài *Bát bộ liên hoa quyền*, đi mấy đường *Hầu quyền*. Đề nghị của nàng được mọi người tán thưởng và đường *Hầu quyền* của nàng cũng tuyệt mỹ như những đường *Bát bộ liên hoa* lúc trước.

Bài quyền đi xong, má nàng như rục hồng hơn, mắt nàng trông như giếng sâu, và môi nàng càng thắm hơn son đỏ.

Nàng vái chào mọi người, toan đi vào đứng cạnh cha thì ông Tiên chỉ đã nói:

- Giáng Thu! Con nên múa một bài kiếm để các vị xem, nếu có chỗ nào sơ xuất, nhờ các vị chỉ bảo thêm cho.

Vâng lời cha, Giáng Thu nhờ một nữ nghĩa quân cho mượn thanh kiếm. Nàng lại vào sân, vờn đường kiếm loang loáng như mưa sa, ào ào như gió thổi, càng khiến cho mọi người kính phục tài nghệ của nàng.

VII

MẤY NHÂN VẬT



Giáng Thu múa xong bài kiếm, trời cũng đã gần sang giờ Ngọ. Đô Giang mời mọi người vào căn nhà lá rộng, vẫn dùng làm phòng ăn của anh em nghĩa quân, ở đây những chiếc phản bằng tre, do tự tay anh em nghĩa quân đóng lấy, được kê thành từng hàng.

Chỗ ngồi danh dự được dành cho ông Tiên chỉ và Vũ Cảnh. Giáng Thu ngồi cùng một phản với chị em nghĩa quân trong trại. Vì số người đông, phản không đủ chỗ cho tất cả, các anh em nghĩa quân đã cùng nhau trải chiếu ngồi xuống đất.

Lúc này là bữa ăn. Đô Giang đã cho mổ lợn, giết gà để thết cha con ông Tiên chỉ và để các anh em nghĩa quân cùng mua vui uống rượu.

Trong tiệc rượu, đô Giang ngoài việc giới thiệu kỹ càng hơn các anh em, còn nhắc lại quá khứ đầy nhiệt tâm của mấy anh em huấn luyện viên quân sự và của một vài nghĩa quân.

Trước hết là ba huấn luyện viên được gửi từ chiến khu Nhã Nam tới: Cả Nguyên, Đồ Vẹo và Anh Trọng. Cả Nguyên là con trưởng viên Chánh Tổng tổng Bất Phí. Viên Chánh tổng uy quyền cả một tổng, tổng Bất Phí thuộc huyện Vũ Ninh, tỉnh Kinh Bắc, sau đó đổi là huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh. Y rất được sự tín nhiệm của viên tri huyện Võ Giàng, và làm quan chức cho Pháp. Y lập được nhiều công cán trong việc dò xét những nhà ái quốc chống Pháp, và cũng đã nhiều dân lành do sự chỉ điểm của y bị bắt oan và bị tù đầy. Vợ y là một người đàn bà hiền thực, thường can chồng và khuyên chồng nên từ dịch để khỏi phạm vào những tội ác đạo đức không

dung tha. Khuyên chồng không được, bà ta bỏ nhà đi tu, mong sự tu hành của mình sẽ chuộc tội được cho chồng và các con cái không phải gánh những sự trừng phạt của quỷ thần vì những tội ác của cha. Tức giận vì vợ bỏ nhà đi tu, viên Chánh tổng đã bảo bắt rất nhiều nhà sư vu cho họ đội lốt thầy tu để hoạt động hội kín. Cả một vị sư bà cũng vì sự vu cáo của y mà bị bắt. Bà vợ càng lo buồn thêm, ngày đêm chỉ tụng kinh niệm Phật mong cho chồng hồi tâm.

Trước mọi hành động vô nhân bất nghĩa tàn ác của cha, Cả Nguyên cũng rất buồn. Anh cũng can ngăn cha, nhưng mỗi lần anh can ngăn là bị cha mắng chửi:

- Mày lại bắt chước cái con mẹ mày phải không? Thôi thì mày cũng đi tu nốt đi!

Cả Nguyên cũng buồn thêm, cho đến khi viên Chánh tổng bắt trẻ con phải đi học chữ Tây. Hồi đó Pháp mới bắt đầu mở các trường học để dạy chữ quốc ngữ và chữ Pháp, nhưng không có học trò. Chúng sức cho các quan lại địa phương phải kiếm học trò, nhưng kiếm đâu cho được học trò, vì lúc đó, người ta ghê tởm người Pháp nên ghê tởm cả chữ nghĩa của Pháp. Và người ta còn đang thấm nhuần đạo đức Khổng, Mạnh, cho con đi học thì học chữ nho để con cái họ ăn mày dăm ba chữ của thánh hiền, biết rõ thế nào là tam cương ngũ thường, học làm gì cái thứ chữ ngoằn ngoèo, tiếng nói như tiếng mọi.

Kiểm không nổi học trò, các nha phủ huyện bắt buộc mỗi xã phải có một số trẻ em đi học, xã nào không có đủ học trò, hương lý phải bị khiển trách.

Viên Chánh tổng Bất Phí đã tỏ ra rất đặc lực trong cuộc bắt trẻ con và người lớn đi học. Trước việc làm của cha, Cả Nguyên không khỏi thêm buồn. Anh vẫn can ngăn cha không nên bắt ép bố mẹ phải cho con đi học thứ chữ họ không thích, và mỗi lần anh can ngăn lại bị cha chửi. Anh đã nói lên sự uất ức trong lòng khi thấy nước nhà bị bọn ngoại tộc đè nén để cho cha rõ, mong cha tỉnh ngộ, nhưng viên Chánh tổng không những không tỉnh ngộ mà còn chửi mắng Cả Nguyên thậm tệ. Y bảo con:

- Ủ! Mày cứ ái quốc ái quần đi rồi mà đi tù. Mày phải đi tù thì mày chịu, tao không hơi đâu mà xin cho mày! Ai quốc ái quần để mà đói rách, ái

quốc ái quần để mà bị tù đầy, nhà tao không có mả ấy! Mà không thấy bao nhiêu thằng ái quốc ái quần bị chém, bị tù hay sao? Mà là đồ bất hiếu bất mục không biết theo lời cha! Mà đi đâu thì đi.

Tư cách của Cả Nguyên được nhiều người biết tới. Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa, tiếng tốt của Cả Nguyên được vang tới vùng Nhã Nam, Yên Thế. Và đã có người tới bắt liên lạc với Cả Nguyên để rủ anh gia nhập nghĩa quân chống Pháp. Thật là hợp với chí hướng anh! Anh không ngần ngại nhận lời đi theo nghĩa quân, nhưng anh muốn có cái lễ ra mắt khi đến với cấp chỉ huy. Anh đã bàn mưu cùng với những người liên lạc, cho đánh cả đàn trâu hơn mười con của viên Chánh tổng, vượt sông Cầu sang phía tả ngạn nơi bến sông Bình Lâm, một xã cùng thuộc huyện Võ Giàng. Đàn trâu sang sông được đưa thẳng tới Yên Thế, một số ít dùng để khao quân, còn một số khác dùng để phá vỡ những khu rừng thưa biến thành ruộng cấy lúa theo kế hoạch lương thực tự túc của ông Đề Thám.

Gia nhập nghĩa quân, Cả Nguyên được huấn luyện về quân sự, nhờ sự thông minh và nhờ được một số chiến công, anh được tin nhiệm và được cử làm huấn luyện viên cho đám tân nghĩa binh.

Đến khi Vũ Cảnh và đô Giang thành lập trại huấn luyện vùng Tam Đái, cử người về Yên Thế xin nơi đây phái cho mấy huấn luyện viên lên trại huấn luyện này, Cả Nguyên được ban chỉ huy lựa chọn. Cả Nguyên là một huấn luyện viên có tài, biết cách dẫn dắt để các anh chị em nghĩa quân mau tấn tới. Anh hài lòng vì những kết quả đạt được, nhưng anh vẫn ao ước thỉnh thoảng được xung trận để giết dăm ba thằng lính Pháp hoặc mấy tên lính tập tay sai của Pháp!

Huấn luyện viên thứ hai là đồ Vẹo, tuy gọi là đồ nhưng không phải là một anh đồ dạy học, đồ đây do chữ đồ tể mà ra. Đồ Vẹo tên thật là Nguyễn Văn Vẹo, là một anh bán thịt ở chợ Ngưu Đại, xã Ngưu Đại, tục gọi là làng Doi, thuộc tổng Bất Phí, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh.

Vẹo là con một gia đình mổ lợn bán thịt ở chợ Ngưu Đại và mấy chợ trong hàng tổng. Anh nổi nghề cha mẹ mổ lợn bán thịt. Anh là một tay đồ tể có nghề, chọc tiết lợn rất tài, và mỗi khi mổ một con lợn anh làm rất nhanh chóng, chỉ mất một nửa thời gian so với các tay đồ tể khác. Để tôn

vinh cái tài mỗ lợn của anh, các đồng nghiệp gọi tên anh là đồ Vẹo, cách tôn vinh này đã làm một vài ông đồ chính cống trong xã bất bình. Họ thường bảo anh:

- Mày xược, dám tự nhận danh đồ, đồ đặc gì mày! Cái quân đồ tể mà cũng xưng đồ.

Trước lời mắng mỏ này, anh chỉ cười, hoặc có khi trả lời:

- Thì con có tự nhận là đồ đầu, chúng nó gọi con thế mặc cho chúng nó gọi. Và chẳng đồ là cái gì, đồ chỉ là cái đồ!

Câu nói xác láo này càng làm các ông đồ chính cống sôi ruột, các ông biết đồ Vẹo muốn nhắc tới cái xấu xa nhất của đàn bà, sôi ruột nhưng các ông nín thinh vì nói với quân vô học, chúng nó hỗn, mình chỉ đại.

Thực ra đồ Vẹo, nếu kể về nghệ thuật làm lợn thật xứng đáng sự tôn vinh của các bạn đồng nghiệp. Một con lợn dù lớn nhỏ trao cho anh, chỉ hơn một khắc sau, anh đã hoàn thành đủ mọi việc từ chọc tiết, làm lông, mổ xẻ, nhồi lòng. Nhiều bạn đồng nghiệp muốn cố làm được như anh không nổi.

Anh lại có tài bắt lợn trong chuồng rất mau lẹ. Với chiếc thòng lọng tre, anh bước vào chuồng lợn, anh chỉ đánh nhoáng đã bắt trối xong con lợn mang ra. Khi anh nghe câu chuyện có chàng đồ tể đi bắt lợn, bị lợn nó đớp mất *thử khoán*¹⁶ anh cười như muốn chết, anh bảo chúng bạn:

- Sao lại có cái thằng tòi đến thế! Bắt lợn mà để nó đớp miếng giống thì làm nghề mổ lợn làm chi! Rồi nó nói sao với mẹ đi nó.

Chúng bạn cùng cười như anh và câu chuyện anh lái lợn bị lợn đớp mất báu vật đã làm trò cười cho bọn họ rất lâu!

Đồ Vẹo tuy làm nghề không cao quý, nhưng lại là một con người có tính tình đáng quý. Anh chất phác ngay thẳng, rất ghét những trò quắt quéo bán hàng ở chợ, bị thu thuế chợ quá đáng, nhiều lần anh lớn tiếng mắng quân thu thuế:

- Chúng mày chỉ bóc lột bọn buôn bán nghèo khó chúng tao, sao chúng mày không vào nhà những thằng giàu, thằng sang mà bắt đóng thuế!

Anh đã từng phen phẫn nộ khi bọn này thu thuế quá đáng của người nhà quê nghèo, có thúng khoai, thúng đậu mang bán. Một lần bên vực một bà

già bán thúng khoai sọ bị bọn thu thuế bắt cả thúng khoai vì thiếu tiền nộp thuế, đồ Vẹo đã can thiệp, đánh tên thu thuế một trận nhừ tử. Anh bảo tên kia:

- Bà cụ không đáng tuổi mẹ mày hay sao mà mày dám hỗn. Người ta có thúng khoai mang bán, chúng mày thu thuế hết, lấy gì người ta mua gạo. Cái quân chúng mày đầy tớ giặc Pháp, chỉ ăn quần cối xay, tao đánh mày để răn những thằng khác.

Sau đó anh bị hương lý bắt giam ở điểm mất hai ngày. Anh căm hờn lắm. Anh nói với bạn hàng:

- Bọn chúng nó phải đem chộc tiết như những con lợn!

Đồ Vẹo có vợ, làm nghề bán thịt ở chợ Ngưu Đại, chồng mổ lợn, vợ bán thịt thật là hợp lứa đôi. Vợ anh vẫn được mọi người nhất là các bạn hàng thịt gọi là chị đồ. Có chị bán hàng đã hỏi đùa:

- Này chị đồ, anh đồ chắc phải học hết sách *Tam tự kinh* rồi nhỉ?

(Tam tự kinh là cuốn sách vỡ lòng khi trẻ em đi học chữ Nho.)

Chị bạn hàng khác lại nói:

- Anh đồ chắc phải hay chữ lắm! Thế nào cũng chữ tác đánh chữ tộ, chữ ngộ đánh chữ quá!

(Chữ tác và chữ tộ trông gần giống nhau, chữ ngộ với chữ quá cũng vậy.)

Đối với mọi lời nói đùa trông ghẹo như vậy, chị đồ Vẹo chỉ cười. Đôi khi chị cũng trả lời:

- Nhà em phải hay chữ, không hay chữ ai gọi là anh đồ! Hay chữ nhưng vẫn không bằng tài mổ lợn của anh ấy. Một tay anh ấy đã mổ hàng mấy nghìn con lợn, ông đồ nào dám sánh nổi chưa? Nhà em nhờ vậy mới có gạo ăn.

Chị đồ đã nói đúng, nghề mổ lợn và bán thịt, tuy không làm cho anh chị giàu, nhưng dù sao cũng không thiếu thốn và không năm nào phải ăn độn trong những tháng giáp hạt.

Xung hô chị đồ đối với chị không làm cho chị thích thú gì, đôi khi còn làm cho chị bức mình vì những câu nói đùa quá đáng của các bạn hàng thịt, nhưng sự xưng hô này đã khiến cho các bà đồ chính cống không hài lòng.

Các bà dè bủ: Vợ chàng mỗ lợn cũng là chị đồ. Chồng nó chữ nhất bố đời không biết mà cũng đồ đồ với đặc đặc!

Chị đồ Vẹo rất thương chồng và rất phục tài mỗ lợn của chồng. Trong giới đồ tể chị coi chồng chị là nhất, và chính chị cũng là một tay mỗ lợn có tài, gặp những khi anh đồ mắc bận hoặc đau ốm chính chị đã đi các làng mua lợn để lấy thịt lợn bán. Chị sử dụng con dao nhọn không ghê tay, và chị đã chọc tiết lợn một cách ngon lành không kém gì anh đồ Vẹo. Dân đồ tể gọi chọc tiết lợn là lấy tiết. Tài lấy tiết của chị đồ rất được các bạn hàng phục. Họ nói: Nhà đồ Vẹo lấy tiết lợn không thua chị chồng!

Thực vậy chị dùng dao nhọn thọc vào cổ con lợn một cách thần nhiên như khi chị thái một miếng thịt, và lúc chị lấy chậu sành hứng tiết lợn thật gọn gàng, tiết không vương vãi ra ngoài. Và có nhiều lần chị đã dùng một *bát chiết yêu*¹⁷ để hứng những tia tiết đầu tiên của con lợn, và tiết này chị đã uống một cách ngon lành. Chị bảo: Tiết rất ngon. Chị muốn nói: những tia tiết đầu, uống tốt lắm, khỏe người ra. Mặc dầu chị ca tụng tiết ngon, nhưng các bạn hàng ít ai dám bắt chước chị, uống tiết sống một cách dễ dàng như uống nước dù cũng như chị, họ đã từng xả mỗi ngày ít nhất một con lợn đã được làm sẵn bởi các tay đồ tể. Và lại, cũng ít người tự lấy tiết con lợn để có dịp uống tiết ngon như chị.

Hai vợ chồng đồ Vẹo sống bình yên với nghề mỗ lợn của chồng và bán thịt của vợ, và ai cũng nghĩ rằng cuộc sống của anh chị sẽ cứ như vậy cho tới già. Bỗng một hôm đồ Vẹo hỏi vợ:

- Nhà nó này, nhà nó chọc tiết lợn chẳng thua gì tao, vậy nhà nó có dám chọc tiết người không?

Chị đồ ngạc nhiên nhìn chồng, nhưng rồi chị thủng thẳng nói: Chọc tiết người nào?

- Cứ theo tao, đi tìm cái lũ lính tập giết dân lập công với Pháp ấy. Có đi, đi ngay bây giờ.

- Vậy chiều nay không đến bắt lợn ở nhà ông Vạn để sáng mai mỗ sao?

- Đẹp! Tao không làm nghề mỗ lợn nữa! Tao đi mỗ giặc, và từ mai nhà nó cũng không bán thịt nữa, theo tao, có muốn cắt tiết giặc thỉnh thoảng tao

cho cắt.

- Hai đứa con thì sao?

- Chúng nó ở với ông bà nội. Tao đã nói với ông bà rồi!

Chị đồ Vẹo xưa nay là người rất phục tùng chồng, chồng bảo gì nghe nấy, và lời nói của chồng bao giờ chị cũng cho là phải. Chị bằng lòng đi với anh đồ, nhưng chồng chị chưa đi ngay, bảo chị đi nấu cơm ăn, nấu thêm một xuất vì anh có khách.

Khách đây là một người quen từ Nhã Nam tới. Đây chính là một liên lạc viên của đám nghĩa quân ông Đề Thám. Khách là bạn thời nhỏ của đồ Vẹo, quê quán xã Bình Lâm, cách Ngưu Đại một quãng đường, về phía dưới. Tên khách là Lũ, là con thứ hai một gia đình nên được người làng gọi là Hai Lũ.

Một hôm Hai Lũ đi lên xã Nghi Tiết quận Việt Yên tỉnh Bắc Giang tìm mua mạ giống nửa đường bị quân Pháp và một bọn lính tập đi hành quân bắt gặp, chúng bắt anh làm phu khuân đạn dược và thực phẩm, anh van xin thế nào chúng cũng không tha. Bọn quân lính này đang kéo nhau tới vùng Yên Thế để vây đánh quân ông Đề Thám.

Hai Lũ đi theo chúng nó đã khổ sở vì khuân vác nặng nhọc lại còn thường bị chúng đánh đập, nhất là những người lính tập càng hành hạ hằn hơn. Thân xác khổ đã đành, hằn lại càng tức bực hơn khi thấy bọn lính Pháp và lính tập hãm hiếp đàn bà con gái, và bọn lính tập thì chuyên cướp của, qua làng xã nào, chúng không ngần ngại ăn cướp của dân, thấy ai có cái gì cũng muốn lấy. Hai Lũ rất phẫn nộ, tính tình chất phác quê mùa, hằn không chịu được những việc làm thiếu luân thường và vô nhân đạo ấy. Hằn có ý tìm cách trốn, nhưng sự canh phòng của bọn lính tập quá kỹ lưỡng, hằn không trốn nổi. Cho tới khi tới chân núi Cai Kinh, có cuộc giao tranh giữa quân Pháp và quân ông Đề. Thấy bọn lính tập bị giết hằn mừng lắm. Hằn liền nhân lúc hỗn loạn ăn cắp hai khẩu súng chạy sang phía nghĩa quân.

Nghĩa quân thu dụng Hai Lũ. Anh được tập luyện quân sự và đã từng xung trận. Anh tỏ ra rất gan dạ trước quân thù.

Gần đây anh được phái đi liên lạc với một vài tổ chức tuyển mộ nghĩa quân. Nhân dịp anh về thăm làng, ghé qua thăm đồ Vẹo. Anh nói rõ việc anh làm và rủ đồ Vẹo gia nhập nghĩa quân. Từ ngày đánh tên thu thuế chợ, bị bắt giữ mười ngày ở điểm, đồ Vẹo vẫn hận bọn hương lý, nhất là tên trương tuần, người đã ra lệnh bắt giữ anh vì ăn tiền của tên thu thuế. Được Hai Lũ rủ đi đánh Pháp và giết lũ tay sai anh chịu liền. Anh hỏi Hai Lũ anh muốn đưa vợ đi có được không, Hai Lũ đã nói rằng được và bảo rằng vợ anh sẽ giúp ích cho nghĩa quân trong việc bếp núc và trong việc do thám. Thế là anh nói qua với bố mẹ gửi lại hai con để hai vợ chồng đi làm ăn nơi xa.

Chị đồ Vẹo nghe lời chồng làm cơm đãi khách, cơm nước xong, vào khoảng bắt đầu tối ba người ra đi.

Đồ Vẹo được nhận vào nghĩa quân cùng với vợ. Chị đã lo việc bếp núc cho anh em. Nhớ nghề bán thịt và nhớ những khi chộc tiết lợn, mỗi khi có làm lợn chị đều đảm nhận công việc chộc tiết và mổ xẻ. Đồ Vẹo lập được nhiều công trạng, dần dần được giao chỉ huy một nhóm anh em. Trong khi ở nhiệm vụ này, thỉnh thoảng nghĩa quân lại bắt được những tên do thám hoặc vài tên tay sai của Pháp. Những tên này đều bị chính tay đồ Vẹo hành tội.

Sau anh lại được Bộ chỉ huy nghĩa quân ủy cho việc huấn luyện các nghĩa quân mới, và sau cùng anh được cử lên Tam Đái, vợ anh cũng đi theo vẫn lo công việc bếp núc, thỉnh thoảng lại cùng vài chị nghĩa quân đóng vai gái quê khờ khạo để bọn lính tập chộc ghẹo, ngỗ hầu thu lượm tin tức.

Hôm nay, để thết đãi ông Tiên chỉ, đô Giang có cho mổ lợn, và chính chị đồ Vẹo đã đóng vai lấy tiết và làm cỗ với sự phụ giúp của vài chị em nghĩa quân.

Huấn luyện viên thứ ba là anh Trọng. Anh vốn là chân học trò đang lo dùi mài kinh sử để anh cố giật lấy chân tú tài, cử nhân. Một hôm, trong một buổi nói chuyện với học trò, ông đồ dạy anh có đề cập tới lời kêu gọi nhân dân chống Pháp của cụ Phan Đình Phùng. Lòng yêu nước của anh bị kích thích, anh chán nản học hành vì anh nghĩ nếu có đỗ đạt thì cũng chỉ đến làm quan với Pháp, và làm quan với Pháp là chống với dân.

Anh đã thôi học và định tìm đường vào Ngàn Trươi để gia nhập đội nghĩa quân của cụ Phan, nhưng sau gặp bạn bè, rủ lên Yên Thế sung vào đội quân của ông Đề Thám, anh liền đi ngay, và đã được thu nhận cùng nhiều thanh niên khác. Anh tính hiền lành, nhưng rất chịu học hỏi, chỉ gia nhập nghĩa quân ít lâu, anh Trọng tỏ ra tinh thạo về quân sự, từ cách sử dụng vũ khí cho tới cách hành binh chống giặc, khi tiến khi lui. Do đó anh được chỉ huy nghĩa quân cử làm huấn luyện viên và đã rất thành công trong nhiệm vụ này.

Anh là một người thật yêu nước và anh căm hờn kẻ nào phản dân hại nước, dù kẻ đó là người thân của anh. Người ta kể lại chuyện anh đã hạ sát chính người yêu của anh, vì cô ấy có hành động chống dân tộc.

Nguyên sau khi anh gia nhập nghĩa quân, trong những lúc đi tuần thì bắt gặp một thiếu nữ trông khá ái là Mỹ Thoa, anh đem lòng yêu, rồi những khi rảnh việc quân, anh thường gặp Mỹ Thoa để trò chuyện. Rồi tình yêu nảy nở giữa hai người. Anh yêu Mỹ Thoa vì nàng xinh đẹp, anh thương nàng vì thấy nàng nhỏ tuổi ngây thơ, còn Mỹ Thoa nàng thường bảo nàng yêu anh vì gái tham tài, trai tham sắc. Thấy anh là bậc trượng phu, có can trường chống Pháp trong khi mọi người đi theo Pháp, nàng cảm phục và thương yêu. Anh Trọng tin lời nàng nói và càng yêu thương nàng hơn. Có vài anh em nghĩa quân đã cảnh cáo anh phải coi chừng sắc đẹp, vì biết đâu Mỹ Thoa chẳng là một kẻ gian tế. Anh không tin, anh vẫn yêu thương Mỹ Thoa, luôn luôn tìm cách gặp gỡ với nàng nhưng anh bắt đầu đề phòng. Có lần anh hơi nghi ngờ vì Mỹ Thoa hỏi tới tình hình của nghĩa quân, muốn tìm hiểu những nơi đồn trại. Tuy trong lúc dò hỏi Mỹ Thoa rất khéo léo, làm như câu chuyện tự nhiên đưa tới, hỏi để mà chơi, nhưng dù sao những câu hỏi của nàng cũng gợi sự chú ý của anh. Có lần anh bảo rằng:

- Em tò mò quá! Sự tò mò nguy hiểm lắm đấy!

Đôi bên vẫn gặp gỡ nhau và vẫn trao đổi cùng nhau những câu chuyện yêu thương, và thỉnh thoảng những câu chuyện khác đôi khi dính dáng tới thời thế. Đôi bên bàn tính ngày xây dựng. Kể ra thật đẹp đôi, trai tài gái sắc.

Cho đến một hôm, cấp chỉ huy của Trọng đưa cho anh xem một lá thư, lá thư của Mỹ Thoa viết nguệch ngoạc mấy chữ Hán gửi cho một người ở Bắc Ninh, nói sơ lược về tình hình ở Yên Thế nàng đã thu thập được. Đợi cho Trọng đọc xong lá thư, vị chỉ huy của anh bảo:

- Anh đã đan dúi với một con mật thám mà anh không biết. Nó không phải người vùng này, nó là em gái tên lý trưởng xã Như Nguyệt được Tây cho lên đây để dò thám quân ta!

Chữ viết, Trọng nhận đúng nét chữ của Mỹ Thoa, vì nhiều lần hò hẹn gặp gỡ. Mỹ Thoa thường viết thư nhờ những anh nghĩa quân nàng gặp trao cho chàng.

Trọng thưa với cấp chỉ huy:

- Con mật thám này tôi phải giết nó, dù nó là người yêu của tôi! Tôi thương nó nhưng tôi không thể tha thứ cho nó tội này được!

Vị chỉ huy cười bảo:

- Đó là việc anh phải làm để tránh sự nghi ngờ, anh là kẻ đồng lõa! Anh không làm người khác sẽ làm và lúc đó, tôi sẽ không biết đối xử với anh như thế nào!

Anh Trọng xin với cấp chỉ huy ba ngày để thanh toán xong Mỹ Thoa.

Ngay chiều hôm đó, anh tìm gặp Mỹ Thoa.

Đôi bên vẫn những chuyện yêu thương. Trọng vẫn yêu thương nàng thật, và Mỹ Thoa cũng thật tình thương chàng. Cuộc gặp gỡ rất lâu và câu chuyện yêu thương của đôi bên nói bao nhiêu cũng không hết. Trước khi từ giã, Trọng bảo Mỹ Thoa:

- Chiều mai, anh sẽ mượn một chiếc thuyền đi chơi trên sông Nhã Nam. Em đi với anh, anh sẽ làm thịt con gà để hai chúng ta cùng ăn trong lúc chơi thuyền!

Mỹ Thoa nhận lời và hứa sẽ mang bánh trái và hoa quả tới để đôi bên cùng thưởng thức.

Chiều hôm sau con thuyền của Trọng đã chờ sẵn Mỹ Thoa với con gà trống thiện lược trông béo ngậy. Lại có một cút rượu và vài đĩa đồ nhắm khác như miến xào lòng gà, trứng rán, đậu v.v... Mỹ Thoa cũng mang bánh giò, bánh dày, giò chả và cam, chuối tới. Nàng bước xuống thuyền về mặt

tươi như hoa, mắt long lanh sáng với nụ cười thật quyến rũ. Trọng đón nàng với đôi con mắt đầy âu yếm.

Trọng tự bơi lấy thuyền ra gần nửa sông. Anh rót hai chén rượu, đưa mời Mỹ Thoa một chén. Mỹ Thoa từ chối, anh bảo:

- Không, em không thể từ chối được, em phải uống với anh một chén rượu để anh sẽ nhớ mãi mãi ngày hôm nay.

Nể lời người yêu, Mỹ Thoa uống rượu. Trọng dùng dao xẻo cho nàng miếng đùi gà thật ngon, và gấp vào bát nàng một đĩa miến xào, mời nàng ăn, anh nói:

- Thịt gà không chặt sẵn, ăn tới đâu xẻo tới đó ngon hơn. Em ăn đi, và miến Tàu xào lòng gà ngon lắm!

Mỹ Thoa nũng nịu nhìn Trọng, uống hớp rượu, ăn miếng thịt gà và miến. Sau đó chính nàng cầm dao xẻo cho Trọng miếng sườn gà thật nạc, và nàng gấp giò chả mời Trọng xơi!

Mỹ Thoa chỉ uống một chén rượu, còn lại bao nhiêu mình Trọng uống hết. Vừa uống rượu chàng vừa nhìn người yêu một cách say sưa. Bữa rượu của hai người kéo dài cho tới gần sẩm tối. Con gà cơ hồ hết nạc chỉ còn trở xương, đĩa miến xào cũng vơi và chỗ giò chả Mỹ Thoa mang đến cũng không còn gì. Hai người như mê đắm trong yêu thương. Trọng ôm người yêu vào lòng, Mỹ Thoa không chống cự. Nàng gối đầu lên đùi Trọng, lim dim đôi mắt nhìn chàng. Phía chân trời trắng bắt đầu lên.

Giữa khung cảnh yêu đương triu mến ấy, bỗng nhiên Trọng đưa con dao lên hỏi Mỹ Thoa:

- Em có biết con dao này dùng để làm gì không? Mỹ Thoa hơi ngạc nhiên trước câu hỏi của Trọng, nhưng nàng cũng đáp:

- Thì còn dùng làm gì nữa! Để anh cắt thịt gà cho em ăn, bổ cam cho em tráng miệng!

- Em nói đúng, nhưng cắt thịt gà và bổ cam xong rồi, anh còn dùng nó nữa mà!

- Thì anh cắt nó đi, mai mốt anh lại dùng nó cắt thịt gà và bổ cam em ăn!

- Không phải mai mốt. Mà anh sẽ dùng nó ngay bây giờ! Đố em, anh sẽ dùng nó làm gì?

- Thế thì em làm sao mà biết được!

Trọng nói với giọng cương quyết bảo:

- Xưa nay anh vẫn dùng dao này để giết những tên hại dân hại nước trong số đó có lũ lính tập theo Pháp và lũ mật thám của Pháp. Pháp, chúng nó dùng cả mật thám đàn ông lẫn đàn bà con gái.

Hơi hoảng sợ, Mỹ Thoa hỏi:

- Sao anh lại nói với em những điều này, em có biết đâu!

Trọng cười gằn:

- Em không biết.

Đoạn chàng lấy trong người đưa cho Mỹ Thoa tấm giấy cấp chỉ huy đã trao cho chàng.

Sau đó, trong đêm tối vắng vắng có tiếng như gào thét, và tiếng đàn ông nhắc đi nhắc lại:

- Anh yêu em lắm! Anh không yêu ai bằng em!

Sáng ngày sau, Trọng tới gặp cấp chỉ huy, đôi mắt mọng sưng. Có lẽ chàng đã khóc suốt đêm. Và vẻ mặt buồn rười, báo cáo việc mình đã làm. Cấp chỉ huy vừa khen vừa an ủi:

- Anh thật đáng khen! Sự hy sinh của anh thật là cao cả! Anh đã có công với quốc gia và dân tộc, rất xứng đáng là một người con dân của đất nước trong thời loạn. Anh cũng không nên buồn! Ở đây mọi người đều biết anh thương cô ta lắm.

Trọng như không nghe rõ cấp chỉ huy đã nói gì. Chàng rút lui đi làm những công việc hàng ngày của mình. Từ đó chàng buồn và ít nói năng với ai, và nhất là chàng không muốn gần gũi bất cứ một cô gái nào. Chàng ấp ủ nỗi nhớ thương Mỹ Thoa. Thỉnh thoảng chàng vẫn nhắc cùng chúng bạn lòng yêu chân thật của chàng và tình yêu nồng thắm của Mỹ Thoa đối với chàng! Chàng oán hoàn cảnh trở trêu, tại sao đã khiến Mỹ Thoa lại là một nữ mật thám của Pháp.

Giữa lúc chàng đang buồn với mối tình oái ăm thì trên Tam Đái xin huấn luyện viên, chàng tình nguyện xin đi, và vì sự đau khổ của chàng, cấp chỉ huy đã chấp nhận cử chàng lên.

Ở đây cũng như ở chiến khu Yên Thế, chàng đã rất thành công trong việc huấn luyện nghĩa quân.

Ngoài ba huấn luyện viên, trại nghĩa quân Vị Thanh còn có nhiều nhân vật đáng kể khác. Đô Giang đã vận động được nhiều tay đô vật tới dạy nghề vật cho anh em nghĩa quân để phòng khi giao chiến có đánh xáp lá cà. Trong các đô vật, nhiều người rất có tên tuổi và đã từng giữ nhiều giải ở các hội xuân như đô Thu ở Sơn Nam Thượng, người đã cùng đô Giang vật một keo ở Hội Hợp, đã nhắc ở trên đầu sách, đô Linh và đô Điều xã Hán Nữ.

Các anh em vùng Tam Đái và một vài người ở vùng khác cũng vui vẻ nhập trại để được dịp giết quân thù.

Ông Tiên chỉ và Vũ Cảnh được đô Giang giới thiệu hết mọi người, và hai người đã tỏ ý khâm phục ba huấn luyện viên quân sự và không ngớt lời khuyến khích các người khác.

Bữa tiệc kéo dài tới gần chiều mới tan. Ba anh huấn luyện viên kể lại những cuộc giao tranh của nghĩa quân Yên Thế với Pháp, khi được khi thua. Và đồ Vẹo đã không quên khoe thành tích của mình với tất cả mọi người.

Lúc sẩm sẩm tối ông Tiên chỉ, Giáng Thu và Vũ Cảnh ra về. Đô Giang tiễn tới tận bến thuyền, và ở đấy đã sẵn một chiếc thuyền để ba người qua phía Định Trung.

Đây là lần đầu tiên, ông Tiên chỉ và Giáng Thu tới trại Vị Thanh còn Vũ Cảnh thường thỉnh thoảng vẫn gặp đô Giang, nhưng không vào trại huấn luyện để tránh sự lộ tông tích, vì quá nhiều người biết mặt, và cũng phòng hờ sự phản bội có thể có của một nghĩa quân nào đó. Nay khóa huấn luyện gần hoàn thành, đô Giang mời chàng và ông Tiên chỉ sang để quan sát việc huấn luyện và khuyến khích anh chị em nghĩa quân trước khi rời trại để đi Yên Thế.

VIII

MỘT PHEN THỦ' LỬA



Trên con đường mới đắp từ Định Trung đi lên chân dãy núi Tam Đảo, vào khoảng quá đình xã Định Trung độ vài dặm, bên sườn đồi, cỏ non xanh mơn mớn với xuân về. Bây giờ tuy vào khoảng giữa tháng ba, nhưng cỏ đã cao ngọn và tốt lá.

Chiều hôm đó có ba thôn nữ cùng nhau cắt cỏ. Trông họ đều gọn gàng thông thả. Vì trời còn lạnh, mỗi người đều chít chiếc khăn mỏ quạ, hai đầu khăn buộc xuống phía dưới cằm, che kín gần hết nửa gò má.

Lúc ấy trên đường có hai tên lính khố xanh đang đi từ phía Tam Đảo về. Lính khố xanh là loại lính dùng riêng trong việc an ninh bản xứ.

Người Pháp đặt ra loại lính này để phụ giúp cho lính khố đỏ tức là loại lính thuộc địa, trong những cuộc hành quân. Lính khố xanh và lính khố đỏ đều mộ trong đám những người muốn theo chúng, thời đó phần nhiều là những người đi đạo. Sau này, khi chính quyền của chúng đã vững ở Việt Nam, chúng bắt buộc các xã phải cung cấp lính theo một số ấn định hàng năm, thì lúc đó quần chúng trong hàng ngũ quân đội khố đỏ và khố xanh mới lẫn lộn nhiều người không có đạo.

Thấy hai người lính khố xanh, ba cô thôn nữ nháy nhau, rồi một cô lên tiếng ca:

*Lính tập là lính tập ơi!
Đi đâu lính nữ bỏ tôi một mình
Lính tập là lính vô tình,
Đi đâu lính nữ một mình bỏ tôi.*

Nghe lời ca, hai anh lính nhìn nhau. Rồi một anh bảo:

- Các anh đi có việc của các anh, nhưng trong ba em, có em nào rỗi rãi hãy lại đây cùng anh nói chuyện một lúc cho vui. Anh sẽ có đồng bạc hoa xòe anh tặng.

Một cô cắt cỏ nói:

- Lại nói chuyện với anh thì nói chứ cần gì bạc hoa xòe của anh! Hai anh đứng lại, chúng tôi lên! Mỗi cô bá cổ bá vai một anh lính. Một anh lính dắt một cô tới bên bờ đường sau một mô đất ngồi nói chuyện. Các anh cho các cô biết, các anh là lính đóng ở đồn Chân Suối. Chân Suối là nơi ở cách tỉnh lỵ Vĩnh Yên sau này khoảng mười cây số, ở đây còn gọi là cầu Lính (Poste du pont des lính). Nơi đây là chân dãy núi Tam Đảo, có một con suối chảy qua, đường Vĩnh Yên đi Tam Đảo tới đây phải qua một chiếc cầu - Cầu Lính. Người Pháp đặt tại đây một đồn lính khố xanh với hai mục đích:

- Chặn đường những toán nghĩa quân hoạt động ở Thái Nguyên không tràn được về Vĩnh Yên.

- Canh giữ để cầu Lính khỏi bị phá hoại.

Hai tên lính khố xanh ở đồn về trại chính ở Vĩnh Yên để báo tin trong ít ngày gần đây thường có quân cách mạng tới đánh phá đồn và đồng thời cũng xin với trại chính cho tiếp tế lương thực và thêm đạn dược. Việc quân cơ lẽ ra phải bí mật, nhưng hai anh lính trước nhan sắc của hai cô với những cái liếc mắt đưa tình đã vui miệng nói hết những điều đáng lẽ không được nói.

Trong lúc đi đường hai tên có mang theo hai khẩu súng trường tùy thân!

Hai tên lính nói chuyện với hai cô thôn nữ cho đến lúc mặt trời lặn mới đứng lên giã từ và hẹn sáng hôm sau sẽ gặp lại. Khi bọn chúng trên đường đi về trại chính ở Vĩnh Yên hai cô còn hát theo như lưu luyến:

*Mình về ta chẳng cho về,
Ta nắm cổ áo ta đề bài thơ!
Bài thơ ba chữ rành rành
Chữ trung, chữ hiếu, chữ tình là ba!
Chữ trung dành để thờ cha*

Chữ hiếu thờ mẹ, đôi ta chữ tình.

Lời và giọng hát các cô thật quyến rũ. Hai tên lính ra đi còn quay đầu nhìn lại nhiều lần. Chờ cho hai tên đi khuất, người thôn nữ lúc này vẫn tiếp tục cắt cỏ, bảo hai cô kia:

- Mai tôi cho hai thằng này về châu giời..

Cô thôn nữ đó là ai mà ăn nói dữ dằn vậy? Thưa, chẳng phải ai xa lạ đâu, chính là chị đồ Vẹo, còn hai thôn nữ kia là hai nữ nghĩa quân ăn mặc trá hình đi cắt cỏ để dò xét tin tức của Pháp và của bọn lính tập.

Theo đề nghị của Vũ Cảnh, và cũng là theo ý muốn của tất cả các anh chị em nghĩa quân tại trại Vị Thanh của đô Giang, họ muốn một phen thử lửa trước khi lên Yên Thế gia nhập đội quân của ông Đề Thám. Muốn thử lửa phải có tin tức đích xác để tấn công một đồn nào hoặc đón đường phục kích đánh chặn một toán tuần tiễu của giặc. Và trong việc thu lượm tin tức, các chị em nghĩa quân đã giữ một vai trọng yếu.

Biết con đường từ Định Trung lên Cầu Lính thường có bọn lính tập qua lại, lính tập phải hiểu là lính khố xanh hoặc khố đỏ, chị đồ Vẹo được cử cùng hai nữ nghĩa quân tới đóng vai cắt cỏ để tìm cách hỏi dò dân xã Định Trung, có thể được coi là xã sở tại của tỉnh Vĩnh Yên sau này. Dân Định Trung bán hàng liên lạc với vợ con bọn lính tập và các dân đi đạo lập nghiệp quanh khu nhà thờ đã được người Pháp xây dựng nên. Ngoài ra nếu gặp trường hợp nhử được chính lũ lính tập vào bẫy như bọn chị đồ Vẹo đã nhử hai tên lính khố xanh thì càng hay.

Ba người về trại báo cáo mọi việc với đô Giang. Vũ Cảnh lúc này cũng thường qua lại nơi trại huấn luyện để cùng đô Giang và các huấn luyện viên bàn về cuộc thử lửa sắp tới, nhất là để nghiên cứu kỹ càng một kế hoạch! Vừa may tối hôm đó Vũ Cảnh cũng có mặt tại trại Vị Thanh. Nghe báo cáo, đô Giang vội triệu tập ba vị huấn luyện viên và mấy tay đô vật phụ tá ban huấn luyện tới họp, dưới sự chủ tọa của Vũ Cảnh.

Sau một hồi bàn luận, mọi người đồng quyết định sáng ngày hôm sau vẫn để chị đồ Vẹo và hai nữ nghĩa quân giả trang đi cắt cỏ và chăn trâu, nhưng có thêm đồ Vẹo và mấy nghĩa quân khỏe mạnh ẩn nấp một nơi đợi cho hai nữ nghĩa quân dụ hai tên lính khố xanh tới tước lấy súng và thủ tiêu

chúng, sau khi những tin tức cần thiết đã được các nữ nghĩa quân ngọt ngào nịnh hót chúng lấy được.

Kế hoạch thực hiện không khó, vì từ lâu, ít nhất cũng từ trong Tết tới giờ, vùng Tam Dương, Bình Xuyên của đất Tam Đái bình yên. Dân chúng các làng đều mở hội vui xuân phè phỡn. Bọn Tây cũng như lũ tay sai cho là vùng này yên ổn ngoại trừ khu ở chân dãy núi Tam Đảo.

Sáng hôm sau chị đồ Vẹo và hai nữ nghĩa quân đến chỗ hẹn chiều hôm trước để đợi hai tên lính khố xanh. Trong lúc chờ đợi, họ làm bộ cắt cỏ để tránh sự nghi ngờ của khách qua đường. Chị đồ Vẹo hôm nay, đặc biệt ngoài chiếc liềm cắt cỏ, còn mang theo con dao bầu mũi nhọn chông chị vẫn dùng mổ lợn, mà đã mang theo từ ngày bỏ làng Ngưu Đại ra đi. Hai anh chị đi đâu cũng mang theo con dao. Chị bảo hai nữ nghĩa quân:

- Tôi mổ lợn quen phải dùng dao mổ lợn, dù đây là giống lợn hai chân!

Ba người vừa cắt cỏ vừa thỉnh thoảng cất cao giọng hát một vài câu ca dao:

*Ai đi đường ấy cùng mình,
Mình đi bỏ lại mối tình ngổn ngang
Ai đi đường ấy cùng chàng,
Cát vương dậm trắng liễu buông tơ mảnh.
Con chim xanh đậu cành hoa lý
Em hỏi thăm chàng có hát ví cùng em!*

Ba người chốc chốc lại ngó về phía sườn dốc đồi Định Trung, nơi con đường do bọn Pháp mới đắp sơ sài. Họ ngóng hai tên lính khố xanh.

Khi mặt trời lên quá hai con sào, thì bóng hai tên này xuất hiện, và đang tiến về phía hẹn hò hôm trước. Hai tên lính vừa đi vừa như tìm kiếm. Thấy bọn họ, một trong hai chị nghĩa quân cất tiếng ca:

*Ai đi đâu đấy hỏi ai,
Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm.
Tìm em như thể tìm chim,
Chim ăn biển Bắc đi tìm biển Đông.*

Nghe tiếng ca, một trong hai tên lính khố xanh cũng cất tiếng hát:

*Tiếng ai veo véo sườn non,
Muốn lên xem thử có đòn hay chăng?*

Nghe anh hát vậy, một nữ nghĩa quân nói:

- Muốn tìm thì lên! Đòn thì chắc là đòn rồi, đòn tan chứ kém sao.

Rồi cô tiếp:

- Chúng em chờ hai anh quá, từ sáng tới giờ mỏi cả mắt. Chúng em phải nói dối nhà mới ra được đây, mọi khi chúng em chỉ đi cắt cỏ buổi chiều!

Hai tên đã từ bỏ đường đi vào bãi cỏ, gần tới chỗ hai nữ nghĩa quân đang chờ. Một tên nói:

- Có thể mới là thương nhau! Hôm nay không gặp hai em thì chúng anh buồn đến chết vì chúng anh lên đồn không biết ngày nào trở lại!

- Chúng em muốn gặp các anh thì sao?

- Các em phải lên đồn tìm.

- Eo ơi! Lên đồn em sợ lắm, sợ mấy cái thằng Tây mũi lõ lắm!

- Trông thế nhưng chúng nó hiền lắm. Tụi nó là sếp của chúng anh, chúng anh rõ.

Hai cô rủ hai tên lính vào sâu trong phía sườn đồi. Hai tên lính ngần ngừ. Một cô nói:

- Các anh không vào trong đó làm sao nói chuyện với nhau kín đáo được. Các anh không thương chúng em thì các anh đi đi!

Hai tên lính chiều ý hai cô đi vào phía trong đồi vào khoảng nửa dặm đường. Trong lúc dắt nhau đi hai cô đã tỉ tê hỏi về công việc của chúng. Thực tình chúng đã cho hai cô biết, chúng được về báo tin để đồn quân ở Chân Suối biết là khoảng năm giờ chiều ngày hôm đó một toán quân gồm hai chục người sẽ lên tiếp tế lương thực và đạn dược cho đồn. Và đồng thời, đồn cũng chuẩn bị để ngày hôm đó nếu quân cách mạng tấn công quấy rối, quân lính trong đồn sẽ đánh ra, quân ngoài đánh vào, đồn quân cách mạng vào giữa dẹp cho tan.

Khi bọn họ tới nơi đồi Vẹo và mấy toán nghĩa quân ẩn nấp, mọi điều bí mật nghĩa quân cần biết đã được biết hết. Hai tên lính ngồi xuống bên một

lùm cây, hai chị nghĩa quân bá vai ôm cổ. Để khỏi vướng trong lúc hai cô trò chuyện và hôn hít, hai tên lính tháo hai khẩu súng đặt sang bên cạnh.

Chị đồ Vẹo gánh gánh cỏ mới cắt được với với, trong có giấu sẵn con dao chọc tiết lợn lần tới. Chị mân mê một khẩu súng, ngắm nghía coi như lạ lẫm. Một tên lính bảo chị: Này đừng có nghịch súng nguy hiểm, nó nổ thì chết.

Chị làm bộ hỏi lại:

- Thật hả, làm sao mà nó nổ được!

Hỏi xong chị nhặt luôn cả hai khẩu súng. Vào giữa lúc ấy từ trong bụi rậm, đồ Vẹo và mấy anh em nghĩa quân nhảy ra. Hai tên lính đã bị hai chị nghĩa quân bá cổ giữ chặt, đành chỉ thúc thủ chịu trời.

Chúng van lạy xin tha mạng thì đồ Vẹo bảo vợ đưa cho con dao bầu mổ lợn. Đồ Vẹo cười ha hả bảo:

- Tha cho chúng mày? Khi chúng mày nghe Tây chĩa súng bắn vào chúng tao, chúng mày có tha không? Chúng mày là một lũ chó lợn, đồ bán nước, chỉ biết theo giặc ngoài!

Một nghĩa quân nói theo:

- Chúng mày có bao giờ nghĩ tới đất nước, có bao giờ nghĩ đến đồng bào. Chúng mày chỉ nghe quan thầy, nó bảo ăn phân cũng ăn không biết dơ!

Hạ sát xong hai tên lính, cả bọn ra về, đồ Vẹo và mấy anh nghĩa quân đi từng người một theo nhiều ngã đường ruộng còn chị đồ và hai nữ nghĩa quân về sau, lưng thừng ba người ba gánh cỏ.

Những chi tiết về đoàn quân Pháp và lính tập sẽ lên tiếp ứng và tiếp tế cho đồn Cầu Lính được báo cáo rõ ràng cho Vũ Cảnh, đô Giang và các huấn luyện viên. Một kế hoạch đón đường phục kích, và tấn công luôn đồn Cầu Lính được vạch rõ.

Nghĩa quân đã có sáu khẩu súng, nay có thêm hai khẩu súng nữa là tám. Số đạn hiện có vẫn đủ dùng, cộng thêm với số đạn vừa tước được của hai tên lính, không sợ thiếu.

Việc phục kích phải được thực hiện xa nơi trại chính độ hai dặm để lũ giặc ở trại này có lên tiếp cứu cũng không kịp và cũng không gần đồn Cầu Lính, e kinh động đến đồn này, phần sau của kế hoạch là tương kế tựu kế

tấn công đồn sẽ không đạt được. Dù sao phần sau kế hoạch cũng chỉ để phòng hờ, làm được càng hay, khó khăn quá thì thôi.

Nơi phục kích tấn công địch là phía trên chùa Hà chừng một quãng. Ngày nay hai bên con đường từ Vĩnh Yên đi Tam Đảo quang đãng, nhưng thời đó hai bên còn là rừng cây um tùm. Ai đã đi chùa Hà chắc hiểu, ngay bây giờ chung quanh chùa cũng là một khoảng đất rộng với cây cối rậm rạp tuy nhà chùa đã đốn đi những cây nhỏ và cắt đi hàng năm những cỏ dại.

Những rừng cây hai bên đường rất thuận tiện cho việc phục kích. Cuộc phân công được ấn định rõ ràng. Ba huấn luyện viên sử dụng súng thành thuộc sẽ dùng ba khẩu súng chỉ huy các anh em nghĩa quân trong cuộc phục kích. Ba huấn luyện viên này lựa thêm năm nghĩa quân xuất sắc trong việc sử dụng súng để trao cho năm khẩu súng còn lại. Các anh em khác dùng đoản đao và đoản kiếm.

Đô Linh, đô Điều và một số các tay đô khác sẽ xông thẳng vào vật giặc khi đánh sập lá cà. Vả chăng trong đoàn quân giặc còn có những tên lính vác đồ đạc và đạn dược, anh em đô vật sẽ nhắm vào tụi này để tước lấy đạn dược.

Anh em nghĩa quân sẽ đào gần bên đường những hố để có thể ẩn nấp, và khi giặc tới thì xông lên. Trong cuộc tấn công phải coi chừng khẩu súng máy của giặc. Thời đó, súng máy người Pháp chưa có nhiều, mỗi trại chính có một hoặc hai khẩu, nhất là những trại lính khố xanh.

Nghĩa quân được phân làm ba toán, mỗi toán trên mười người, hai toán nấp ở hai bên đường đối diện nhau, lo việc đánh giặc, còn toán thứ ba ở phía sau, gồm toàn những tay có nghề võ và tài vật, có nhiệm vụ dùng võ nghệ và môn vật chế ngự lũ lính vác đạn và lương thực. Toán thứ ba cũng có hai tay súng, nhưng tay súng này phải hạ ngay bất cứ tên lính nào có súng ở trong đám lính khuân vác.

Kế hoạch đã sắp đặt và được loan báo cho anh chị em nghĩa quân hay. Mọi người vui mừng, đây là dịp thử lửa đầu tiên sau một thời gian luyện tập. Ai cũng muốn giết giặc và ai cũng hăm hở để bày tỏ can trường và lòng yêu nước. Mọi người được phân tán và dạy bảo cho biết từng nhiệm vụ riêng.

Ba huấn luyện viên nhận những anh em nghĩa quân đi theo mỗi toán. Họ lẻ tẻ bắt đầu đi, những cây súng được gói kín. Họ đi theo đường rừng và đường bờ ruộng.

Trước khi mọi người ra đi, Vũ Cảnh chợt nghĩ đến kế hoạch rút lui nếu không may cuộc phục kích này thất bại. Chàng cùng đô Giang và huấn luyện viên bàn tính, và có sẵn kế hoạch lui quân nếu quân giặc quá mạnh, nghĩa quân không trấn áp nổi. Tính theo đường từ Định Trung lên Tam Đảo, những nghĩa quân phục kích bên phía tay phải sẽ rút về ngả Bình Xuyên, qua xã Quất Lưu đi qua xã Khai Quang về Vị Thanh, còn những ai phục kích mé bên kia đường sẽ rút lui qua làng Tích Sơn, rồi theo lối Đông Dạ về Vị Thanh.

Vũ Cảnh, đô Giang, vài tay đô nữa tâm phúc của đô Giang cùng chị đồ Vẹo và vài nữ nghĩa quân cũng có mặt nơi phục kích, nhưng ở phía trong rừng, mé xã Tích Sơn. Đây có thể coi, vừa là bộ tham mưu vừa là đoàn tiếp tế cả lương thực và cả đạn dược, nghĩa quân có sẵn một số đạn dự bị tuy không nhiều, nhưng đối với cuộc phục kích thì thừa đủ.

Anh em nghĩa quân, khi tới địa điểm chỉ định, được tập hợp dưới sự hướng dẫn của các huấn luyện viên trưởng toán. Với cuộc xềng mang theo, anh em chia nhau đào những hố cá nhân, đào khá sâu để tiện việc ẩn núp chờ giặc.

Bữa trưa hôm đó, gần ba giờ, chị đồ Vẹo và mấy nữ nghĩa quân mới mang cơm tới các anh em dùng. Ăn xong mỗi người còn một nắm cơm nắm để dành mang theo, phòng bị, nếu có sự gì bất trắc, sẽ có lương thực cho bữa tối, trước khi anh chị em tìm đường về được trại Vị Thanh.

Các hố cá nhân, anh em đã đào xong, hố đào ở trong rừng nhưng ngay bên đường, khách qua đường không chú ý, không ai nhận biết được.

Nằm dưới hố cá nhân, súng lấp đạn sẵn còn những anh em không có súng ai nấy đều tay dao tay búa để đợi giặc.

Thời bấy giờ khu chùa Hà còn vắng vẻ, rừng rậm và rừng thưa còn bao phủ hết những nơi mà ngày nay là đồng ruộng, dân chúng ở thưa thớt thành những làng nhỏ.

Trời đã hết xuân, nhưng buổi chiều xuống, gió rừng thổi lạnh. Xa xa về phía các xã Tích Sơn, Định Trung, Bảo Sơn, Quất Lưu khói thổi cơm chiều bốc lên vươn qua những lũy tre xanh. Chim rừng đang xào xạc về tổ. Cây rừng nhẹ rung, và thỉnh thoảng tiếng chim đêm kêu rú nhau đi kiếm ăn, vài con cú, vài con vọ bay vút từ ngọn cây này qua ngọn cây khác. Mấy con thú rừng nhỏ, cầy, cáo, sóc lát lát lại có con chạy vụt như những mũi tên dưới những gốc cây. Đôi chiếc lá khô rơi rụng tạo nên những tiếng động nhẹ.

Anh em nghĩa quân ngồi yên lặng trong những hố cá nhân, mắt hướng về phía Vĩnh Yên, đợi quân giặc từ trên đồi Định Trung đi xuống.

Trời đã chạng vạng tối, theo thời khắc thì lúc đó vào khoảng sáu giờ chiều, nơi đây bóng tối xuống rất mau. Anh em nghĩa quân đoán chúng đúng theo lời hẹn với đồn Cầu Lính qua hai tên lính khố xanh đã dền mạng ban sáng, bọn giặc đã lên đường.

Trời tối, thị quan của anh em nghĩa quân phải chú ý hơn, nhìn về phía Định Trung, ngóng giặc tới. Tuy trời tối nhưng không tối đen như những đêm thật tối trời, nên ở trên con đường nhỏ Vĩnh Yên đi Tam Đảo, có bóng người qua lại, anh em có thể nhận ra ngay.

Anh em nghĩa quân vẫn chờ.

Chợt đằng xa, có tiếng ào ào, tiếng giầy đinh của lũ lính dẫm trên đất sỏi. Tam Đảo thuộc trung du, có nhiều đồi sỏi và khi đắp con đường, bọn Pháp có trải lên trên một lớp sỏi để giữ cho mặt đường bền.

Nghe tiếng ào ào, các huấn luyện viên trưởng toán vội vã báo cho tất cả mọi anh em biết để chuẩn bị tấn công.

Bốn bề im lặng. Gió đêm rít trên ngọn cây. Trời tối, không một tia lửa.

Dân các làng xa xa, Định Trung, Tích Sơn, Quất Lưu, Khai Quang sau bữa cơm chiều, đang cùng làm công việc tối như xay lúa, giã gạo. Chợt họ nghe một tiếng súng nổ vang, rồi kể theo, nhiều tiếng súng khác. Người trong nhà ngơ ngác nhìn nhau! Có giặc chăng? Cướp chăng?

Rồi người ta lại nghe có tiếng súng liên thanh nổ. Rồi có những tiếng nổ to hơn, tiếng những trái lựu đạn!

Súng nổ như vậy trong khoảng chừng nửa khắc thì im. Trong lúc có súng nổ, nếu ai ở gần có thể nghe rõ những tiếng hô xung phong và những tiếng quát tháo của người Pháp!

Súng nổ, chẳng nói bạn đọc cũng thừa hiểu, do cuộc phục kích của nghĩa quân đánh toán quân lính khố xanh từ trại chính Vĩnh Yên lên đồn Cầu Lính.

Toán lính do một tên Pháp, vào cấp Thượng sĩ chỉ huy. Bọn chúng đi hàng một mé tay phải đường Vĩnh Yên lên Tam Đảo. Tên nọ cách xa tên kia khoảng một trượng hơn, tên chỉ huy đi sau cùng.

Khi toán lính lọt vào giữa ổ phục, nơi huấn luyện viên Trọng chỉ huy anh em nghĩa quân. Mặc dầu trời tối nhưng với kinh nghiệm những cuộc hành quân ở Yên Thế trước đây. Trọng nhận thấy rõ những tên lính vác súng trường và tên đi thứ ba, vác khẩu súng có vẻ dài hơn và lớn hơn những khẩu súng khác, Trọng đoán đó là tên vác súng máy. Trọng nhắm tên này nổ phát súng đầu tiên, phát đạn đã bắn trúng đầu tên lính, và hắn đã ngã gục ngay xuống bên đường.

Thấy bị đánh bất ngờ, tên chỉ huy người Pháp phản ứng rất mau lẹ, hô bọn lính phải nằm cả xuống để ứng chiến, và các tay súng của bọn lính chĩa cả về phía có tiếng súng bắn ra mà bắn xối xả. Nghĩa quân thật gan dạ, và mấy anh em nghĩa quân có súng hết sức bình tĩnh, từ hố cá nhân nhắm vào những tên lính bắn. Một nghĩa quân, tay cầm thanh gươm sắt đã bò ra khỏi hố cá nhân, bò rạp xuống đất tới nơi tên lính vác súng máy nằm chết để cướp lấy khẩu súng máy. Trong lúc ấy thì huấn luyện viên Trọng và hai tay súng khác bắn yểm trợ, ba tay súng do huấn luyện viên Cả Nguyên chỉ huy nhắm vào bọn lính bắn trợ lực. Hỏa lực của nghĩa quân không mạnh, nhưng sự gan dạ và ngắm bắn chính xác, nên mỗi viên đạn bắn ra đều có hiệu quả. Bọn lính bị bắn từ hai mặt, không biết ẩn nấp vào đâu, đành chịu làm bia cho những viên đạn ngắm tới. Rồi khi toán quân của Trọng đã cướp được khẩu súng máy, Trọng giao súng trường của mình cho một nghĩa quân để sử dụng khẩu súng máy. Loạt súng máy đầu tiên bắn ra làm lên tinh thần anh em nghĩa quân và làm cho bọn lính càng hoảng sợ, quăng súng chạy, nhưng chạy loạn quạng thế nào lại vào đúng những chỗ mai phục của

nghĩa quân. Với dao sắc kiếm bén, những tên lính này đã làm mồi cho dao kiếm của nghĩa quân.

Viên chỉ huy người Pháp của toán lính lúc mới bị phục kích hấn găm thét như hổ dữ, ra lệnh cho quân lính chống trả nhưng chỉ chừng một phút sau, một phát súng của đồ Vẹo trong toán nghĩa quân thứ ba đã đưa hấn về cõi chết. Đồ Vẹo tước lấy khẩu súng lục và ra lệnh cho tất cả các anh chị em nghĩa quân xung phong diệt trừ bọn lính khuân vác để cướp lấy đạn dược. Bọn lính khuân vác này, không có khí giới trong tay đành chịu chết. Có kẻ giơ tay xin hàng, nhưng đồ Vẹo ra lệnh cho anh em giết hết. Anh bảo: Lũ phản dân theo giặc này, tha thế nào được.

Cuộc phục kích thành công, và kết liễu trong vòng chưa đầy mười phút tính theo thời gian ngày nay.

Tiếng súng vừa ngớt, một nghĩa quân chạy vào báo tin cho Vũ Cảnh và đô Giang. Hai người ra tận chỗ quan sát. Vũ Cảnh bảo anh em thu thập hết cả súng đạn của địch, rồi rút lui về phía Tích Sơn, qua Đông Đạo để tới Đàm Vạc, nơi đã sẵn có thuyền chờ tất cả mọi người và súng ống về trại Vị Thanh. Có một vài nghĩa quân đề nghị lấy hết gạo và thực phẩm tiếp tế của giặc, nhưng Vũ Cảnh gạt đi nói:

- Ta lấy làm gì, mang theo thêm nặng. Lúc này ta cần rút lui vào sâu trong rừng ngay. Có thể quân lính ở trại chính chúng tới tiếp viện, mình lại phải ứng chiến, mà lần này chúng phòng bị kỹ, mình sẽ gặp khó khăn.

Thế là tất cả mọi người đều chỉ lấy súng đạn cùng rút lui. Khi đã vào sâu trong rừng, đoàn người ngừng lại, và Vũ Cảnh nói:

- Theo kế hoạch, đáng lẽ chúng ta còn kéo lên tấn công đồn Chân Suối, nhưng tôi nghĩ, cuộc giao tranh vừa rồi, tiếng súng nổ ắt phải làm kinh động bọn giặc ở đồn này, chúng phòng bị, mình tấn công không được, rủi viện binh của chúng lên, trong ứng ngoài hợp mình lưỡng đầu thụ địch e có sự bất trắc!

Mọi người đều đồng ý, và việc cấp bách lúc này phải rút lui mau, mang ngay những súng ống đạn dược cướp được của giặc về trại Vị Thanh. Và khi về tới đó, mọi người trong ban chỉ huy sẽ họp để bàn tính sau.

Với lần thử lửa đầu tiên, anh em nghĩa quân đã thành công rực rỡ. Thật là một sự khuyến khích lớn làm cho ai nấy càng hăng hái.

Anh em đã tiêu diệt được toán quân giặc, trong phía nghĩa quân không ai bị sứt mẻ. Ai nấy đều vui mừng, riêng chị đồ Vẹo hơi buồn. Chị nói:

- Chỉ tiếc tôi không được xung trận để cắt tiết mấy thằng giặc.

Khi mọi người kéo về tới trại, trời đã khá khuya, ít nhất cũng vào khoảng đầu giờ Hợi.

Kiểm điểm lại số súng đạn tịch thu được gồm một khẩu súng máy, một khẩu súng lục, mười bảy khẩu súng trường, và gần hai chục quả lựu đạn và năm hòm đạn! Thật quá sự ước mong của anh chị em nghĩa quân. Từ nay các anh chị em sẽ được tập thêm cách sử dụng súng máy.

Khẩu súng lục, Vũ Cảnh trao cho đô Giang giữ với tư cách chỉ huy trại huấn luyện.

Anh chị em nghĩa quân được lệnh giải tán đi ngủ, nhưng mọi người vẫn xì xào nói chuyện vì quá sung sướng với sự thành công chung, trong đó mọi người còn có công riêng.

IX

HAI LÁ THƯ



Cuộc tấn công đoàn lính khố xanh thắng lợi được báo cáo về chiến khu Yên Thế. Những lời khen từ ban chỉ huy đã được gửi tới Tam Đái, và cũng theo lời yêu cầu của ban chỉ huy, khẩu súng máy, và năm trong số những súng trường được chuyển về Nha Nam, số còn lại được dùng một phần tiếp tế cho đồn Quan Chu của nghĩa quân ở mé sườn bên kia Tam Đảo về phía Thái Nguyên: Từ Tam Đảo qua Thái Nguyên chỉ có con đường mòn độc đạo xuyên rừng phải qua Quan Chu. Nghĩa quân có một toán quân nhỏ đóng mai phục nơi này, vừa chặn đường giặc Pháp muốn đi từ Tam Đảo qua tỉnh Thái Nguyên vừa hỗ trợ cho các lực lượng nghĩa quân khác ở quanh vùng.

Sau cuộc thử lửa, một khóa huấn luyện vừa dứt, các anh em nghĩa quân được cấp tốc gửi tới chiến khu Yên Thế để sung vào quân ngũ. Cũng có một số được phân chia theo các toán nghĩa quân ở Thái Nguyên để tăng cường. Anh chị em hăm hở ra đi, sau một lễ tuyên thệ trịnh trọng tại trại Vị Thanh! Với bầu máu nóng, anh chị em ai nấy đều mong giết giặc lập công với nước, cứu vớt đồng bào ra khỏi ách đô hộ của lũ dương quỷ. Ai nấy căm thù giặc đã đành, nhưng căm thù hơn nữa là đối với lũ tay sai của giặc, lũ này quên mất rằng chúng với đồng bào đều da vàng máu đỏ, cùng một nòi giống. Chúng chỉ nghĩ đến lũ quan thầy, quên hẳn đất nước. Thật là một lũ Việt gian bán đứng nước nhà với một giá rẻ mạt. Bao nhiêu tài sản của đất nước chúng vơ vét dâng hết cho quan thầy, dân chúng không còn gì dùng, không còn gì ăn. Lũ quan thầy tham lam của chúng chỉ biết vơ vét, từ

gói trà, củ lạc đến những tài nguyên thiên nhiên trời dành cho Việt Nam. Được quan thầy cười, khen tốt tốt là chúng hả dạ!

Ba huấn luyện viên của trại Vị Thanh sau khóa huấn luyện, rủ nhau về thăm Yên Thế, nhân thế báo cáo những thành tích đã đạt được tại trại huấn luyện Vị Thanh ở Tam Đái.

Trại huấn luyện, nhân lúc còn đang chiêu mộ thêm nghĩa quân, và còn đang vắng mặt các huấn luyện viên cũng tạm ngưng hoạt động. Đô Giang hàng ngày tới Hội Hợp gặp Vũ Cảnh để cùng bàn tính những công việc phải làm, các tay đô khác chia nhau hoặc về bản xã hoặc tới các xã khác tìm gặp bạn bè quen thuộc rủ cộng tác hoặc rủ gia nhập nghĩa quân.

Trại Vị Thanh tạm ngưng hoạt động thật đúng lúc!

Bọn Pháp, sau khi bị phục kích ở chùa Hà, căm hờn lắm. Chúng cho rằng đám nghĩa quân phục kích chúng chỉ ở quanh vùng đó. Hàng ngày chúng cho quân tuần tiễu đi xuống xét thật kỹ các làng, và chúng lại tung rất nhiều gián điệp đủ nam nữ đi len lỏi tới các chợ, các bến sông nghe ngóng.

Vũ Cảnh, được sự cố vấn của ông Tiên chỉ đã hoạt động rất kín đáo, nên mọi sự dò xét của bọn Pháp và lũ lính tập tay sai đều không có kết quả gì. Thình thoảng chúng lại bắt oan một số dân chúng, thân nhân những người này phải chạy tiền lo lót, họ mới được thả về. Có những người dân nghèo tiền bạc không có, muốn được thả phải xin theo đạo Gia Tô, các cố đạo đứng lên bảo đảm thì được. Còn những người khác thì bị kết án tù đầy khổ sai, nhẹ thì hai ba năm, nặng thì năm bảy năm. Những cuộc ruồng bỏ bắt bớ này khiến nhiều dân chúng tại các huyện Tam Dương, Bình Xuyên, Yên Lạc vùng Tam Đái phải bán nhà cửa ruộng nương lo chạy chọt, hoặc phải rủ nhau đi đạo để được các cha cố bệnh vực. Họ đạo Gia Tô ở Vĩnh Yên ngày một được mở mang, và họ đạo này thuộc dòng truyền giáo Y Pha Nho, một nhà thờ đã được xây trên đất xã Định Trung, sau này thuộc về họ Vĩnh Thành, tỉnh Vĩnh Yên. Với sự truyền giáo lan rộng, và sự can thiệp bệnh vực của cha cố, nhiều làng tại Tam Đái, cả làng đi theo đạo như các làng Đại Điền và Hòa Loan, phủ Vĩnh Tường. Trong các cuộc tranh chấp ruộng nương, kiện cáo bất cứ việc gì, các đương nhân muốn thắng thường tìm đến các cha cố xin đi đạo! Một số dân đi đạo cũng giúp ích rất nhiều

cho chính quyền Pháp mới được thiết lập tại nơi này. Họ là những mật thám đi dò xét tin tức, họ đăng lính tình nguyện vào các binh chủng khố xanh và khố đỏ để đi tiêu trừ quân Cần Vương. Những tin tức họ đưa cho Pháp đều có tiền thưởng, ham tiền có người đã bịa đặt vu khống cho dân lành. Dân chúng biết vậy nên họ rất ghét những người đi đạo mà làm tay sai cho Pháp, ghét không phải vì khác tôn giáo. Dân tộc ta có một tinh thần tương dung tôn giáo rất rộng rãi - nhưng ghét vì chỉ có những người đi đạo thời đó là tay sai của Pháp, tay sai nhất là trong lĩnh vực mật thám.

Trước mọi sự ruồng xét và trước số mật thám quá đông do Pháp tung ra, trại huấn luyện Vị Thanh phải tạm đình. Ông Tiên chỉ khuyên Vũ Cảnh và đô Giang nên rời trại huấn luyện đi nơi khác, Vị Thanh gần đồn Pháp quá, nhất là Pháp đã có ý định thành lập tại nơi đây một tỉnh, mà tỉnh lỵ lại chính là Vĩnh Yên.

Vũ Cảnh và đô Giang nghe theo lời khuyên khôn ngoan này, và dời trại huấn luyện về rừng Trúc, một khu rừng tại phía Nam xã Thổ Tang phủ Vĩnh Tường. Thổ Tang là đất của những người yêu nước cách mạng, rất nhiều người gia nhập nghĩa quân và gương yêu nước, sau này còn truyền tới Đội Cấn và Nguyễn Thái Học.

Ngày nay, ai đã đi qua Thổ Tang sẽ ngạc nhiên, vì nơi đây ngày nay hoàn toàn là đồng ruộng không có dấu vết một khu rừng nào.

Đúng vậy, ngày nay, Thổ Tang đều gồm đồng ruộng, nhưng trước đây tại khu Miếu Trúc, về phía nam của xã là một khu rừng bao la và ở khu rừng này trước đã có cộp trú ẩn; khu rừng tới năm 1941 vẫn tồn tại ít nhiều sau Miếu Trúc.

Cộp thường cứ hàng năm về bắt trâu bò chó lợn. Dân làng đã hết sức đề phòng cũng không ngăn được sự phá hoại mùa màng của cộp. Hiện nay, tại Thổ Tang còn được truyền lại câu chuyện Thần Hổ, nhân đây chúng tôi kể lại với tính cách chỉ dẫn cho bạn đọc nào muốn tìm hiểu về khu rừng Miếu Trúc.

Hổ cứ về Thổ Tang bắt gia súc và phá hoại mùa màng, cho đến một hôm, một bô lão trong làng nằm mơ thấy một ông già đầu râu tóc bạc, tay chống gậy trúc, mình mặc áo lông hổ báo cho biết dân làng phải lập đền thờ Thần

Hồ mới được làm ăn yên ổn và phát đạt được. Vị bô lão kể lại giấc mơ với các quan viên và bô lão trong làng. Tuy bán tin bán nghi, nhưng các quan viên và kỳ mục cũng dắt nhau ra phía rừng, nơi đây họ thấy có một bãi cỏ có dấu chân hổ dẫm nát.

Tin này được loan đi khắp làng, dân chúng liền bỏ cả việc đồng áng kéo nhau đi xem. Sau đó các quan viên kỳ mục họp cùng các bô lão tại đình để bàn việc xây một ngôi miếu thờ Thần Hồ, ngay tại chỗ có dấu chân hổ dẫm.

Miếu này gọi là Miếu Trúc, kiến trúc theo kiểu cổ, 3 gian, 8 mái, trên nóc có hai con rồng châu mặt nguyệt. Trước miếu có đắp hai con hổ, sau này được lồng trong khung kính tròng rất oai phong lẫm liệt. Theo lời các cụ, từ đó Hồ không về tàn phá mùa màng và bắt gia súc nữa.

Và dân Thổ Tang đã có nhiều câu chuyện về Thần Hồ.

Hồ giúp đỡ người bệnh. Một người làng Thổ Tang trong khi đi rừng chẳng may bị sốt rét phải vào nằm trong một hang đá. Ông ta lên cơn sốt mê man liên miên chẳng hiểu biết gì. Đến khi ông ta tỉnh dậy thấy mình được đắp kín toàn bằng lá rừng, và có một con hổ to lớn nằm ngủ ngay ngoài cửa hang. Sợ quá ông này nằm yên không dám cựa. Hồ tỉnh giấc, tiến lại gần ông ta dùng mũi ngửi vào mặt rồi đi ra khỏi hang. Một lúc sau, con Hồ mang về một đùi nai để bên cạnh ông, rồi chạy biến vào rừng.

Chờ cho Hồ đi khỏi, ông ta ngồi dậy đốt lửa nướng thịt nai ăn. Qua hai ngày nhịn đói vì cơn sốt nay bình lui ông ăn đùi nai nướng thật ngon.

Ăn xong, trời đã gần sáng, ông vội vã ra đi. Ông sửa soạn một lễ rất to ra Miếu Trúc cúng tạ ơn Thần Hồ.

Hồ đòi con. Việc này xảy ra vào khoảng cuối năm 1941, câu chuyện đã làm cho dân làng Thổ Tang càng tin vào Thần Hồ.

Năm đó con trai một phú hộ trong làng ra sân vận động đá bóng. Cậu này còn trẻ, tính tình nghịch. Lúc trở về cậu đi qua khu rừng sau Miếu Trúc, chui vào những hàng cây len lỏi, bắn chim bằng ná. Đến một bụi rậm cậu thấy tiếng kêu sột soạt, cậu nhìn thấy có bốn, năm con mèo thật đẹp lông vàng vằn đen. Cậu thích quá, bỏ cả bắn chim, bắt hai trong năm con mèo mang về. Về nhà cậu giấu nhem không cho ai biết.

Đêm hôm đó, những người ở gần Miếu Trúc nghe tiếng Hồ gầm, và cũng đêm đó, cậu con trai ông phú hộ lên cơn sốt nặng.

Sáng hôm sau, khi ông phú hộ mời thầy lang về chữa cho con, thấy trước ngõ có nhiều dấu chân hổ. Ông hoảng sợ trở vào trong nhà. Vừa lúc ấy bà vợ cho ông biết có hai con hổ con bị nhốt trong chuồng chó. Ông hiểu ngay chính con trai ông bắt hai con hổ con ở rừng mang về. Ông vội vàng sai người nhà mổ lợn, làm lễ tạ ở Miếu Trúc, đồng thời đem hai hổ con ra thả ngoài rừng. Con trai ông, sau buổi lễ, không cần thuốc cũng khỏi bệnh.

Câu chuyện liền lan truyền rất mau, dân làng Thổ Tang ai cũng tin là Thần Hồ linh thiêng.

Tưởng cũng nên nói thêm, từ xưa dân làng Thổ Tang không ai ăn thịt hổ và cũng không ai ăn cao hổ cốt.

Trở lại về trại huấn luyện nghĩa quân. Trại từ Vị Thanh chuyển về khu rừng Miếu Trúc. Dân làng Thổ Tang có người đi rừng biết chuyện, nhưng tinh thần yêu nước nơi đây rất cao, không những không ai đi báo giác Pháp mà nhiều người còn có sự giúp đỡ về mọi mặt. Tuy vậy, cũng chỉ sau một khóa huấn luyện, trại lại phải chuyển đi nơi khác, vì cũng có kẻ phong phanh biết chuyện, cáo giác với bọn tay sai của Pháp. Trại đã chuyển tới khu rừng Liễu Sơn, huyện Lập Thạch, ở đây trại được tồn tại lâu hơn vì ở vào một nơi ít dân cư qua lại, ngay gần rừng rậm.

Trong thời gian trại di chuyển nhiều lần, Vũ Cảnh vẫn tiếp tục hoạt động ở vùng Tam Đái với sự cộng tác của đô Giang và nhiều anh em khác trong vùng. Luôn luôn ông Tiên chỉ đã là một cố vấn đắc lực cho chàng và Giáng Thu thì lại là một yếu tố khuyến khích để chàng luôn luôn nghĩ tới đồng bào đất nước cho xứng đáng với sự yêu đương của một cô gái vừa xinh đẹp, vừa tài năng lại vừa có chí hướng lớn.

Mẹ Vũ Cảnh thể theo lời xin của chàng cũng đã lên Tam Đái thăm gia đình ông Tiên chỉ về việc lứa đôi của hai người. Sau đó một lễ ăn hỏi đã được tổ chức và đôi bên chỉ chờ ngày cưới nhưng cả hai đều đồng ý, chưa nên vội vàng khi Vũ Cảnh còn đang đeo đuổi nghĩa vụ lớn!

Ở nhà ông Tiên chỉ, nhưng vì công việc cần sự kín đáo, nên người làng Hội Hợp cũng ít khi bắt gặp Vũ Cảnh, thường chàng ra đi từ sớm, và có khi

đi vắng luôn năm bảy ngày và lúc trở về, là lúc nhá nhem tối.

Vũ Cảnh hoạt động suốt vùng Tam Đái, ăn lan sang cả bên kia sông vào địa hạt Hạc Trì, cũng có khi chàng đi tới tận huyện Tam Nông, sau này thuộc tỉnh Phú Thọ, để hội họp với các chiến sĩ Cần Vương đang hoạt động ở vùng Hưng Tuyên,

Mỗi lần đi về, có việc gì mới lạ, chàng đều gặp ông Tiên chỉ để nói cho biết rõ và cùng ông bàn định những nước tiến lui. Có khi có cả Giáng Thu cùng góp ý kiến, và những ý kiến của nàng, nhiều khi thường được cả ông Tiên chỉ và Vũ Cảnh chấp nhận cho là hay.

Thỉnh thoảng Giáng Thu cũng giúp Vũ Cảnh trong công việc liên lạc nhất là khi cần có người đem tin từ Tam Đái về Yên Thế. Được sự giúp đỡ của Giáng Thu, Vũ Cảnh cảm thấy công việc mình gánh vác được chia sẻ rất nhiều, và có những điều Vũ Cảnh hoàn toàn trông cậy ở Giáng Thu, như việc liên lạc thường xuyên với trại huấn luyện của đô Giang, việc gây cảm tình với một số chị em có đầu óc, và nhờ các chị em này thu thập tin tức của bọn Pháp và lũ tay sai.

Chiều hôm đó, Vũ Cảnh vừa ở Hoàng Xá thuộc phủ Vĩnh Tường trở về. Ở đây có cuộc họp mặt với những anh em hoạt động trong phủ. Trong khi Vũ Cảnh vừa nhận được một tin làm cho chàng lo lắng và khi các anh em hỏi ý kiến chàng, chàng hứa sẽ liên lạc với Yên Thế để biết rõ sự việc vừa xảy ra. Anh em cho Vũ Cảnh biết là vừa được người ở Cầu Đơ, Hà Đông sau này, lên cho hay là Hoàng Cao Khải, nhân danh kinh lược sứ của Triều đình Huế vừa viết thư chiêu dụ cụ Phan Đình Phùng ngừng mọi hoạt động Cần Vương để dân chúng khỏi khổ vì nạn binh đao. Vũ Cảnh cho tới ngày hôm đó chưa nhận được tin này. Chàng bảo anh em:

- Chúng ta hãy chờ xem! Nhưng dù thế nào tôi tin rằng cụ Phan không phải là người dễ lay chuyển. Người Pháp chèn ép vua ta, bức hiếp quần thần, bóc lột dân chúng, và lũ tay sai như bọn Lê Hoan và Hoàng Cao Khải sau trước gì cũng đều một lũ bán nước bán dân!

Anh em cũng tin như vậy, nhưng dù sao tin Hoàng Cao Khải chiêu dụ cụ Phan, anh em cũng muốn hiểu rõ để còn có thể trả lời cho những ai đến tiếp xúc và mời tham dự đoàn nghĩa quân!

Buổi trưa, cùng ngày Vũ Cảnh ở Hoàng Xá về, thì Giáng Thu mấy hôm trước, có đi Yên Thế cũng vừa về. Nàng đi Yên Thế để trình bày cùng nơi đây về mọi sự việc đã xảy ra với trại huấn luyện nghĩa quân ở Tam Đái, nhất là việc trại phải đổi ba phen di chuyển, nhưng dù di chuyển trại vẫn hoạt động với kết quả khả quan.

Từ Yên Thế nàng đã mang về một tài liệu quý giá cho Vũ Cảnh, đó là bản sao lá thư của Hoàng Cao Khải gửi cụ Phan Đình Phùng. Nàng đã đưa cho cha bản sao này, và ông Tiên chỉ đã đọc. Ông nóng lòng chờ Vũ Cảnh trở về. Chàng đi vắng từ ba hôm nay. Sau đây là bản dịch lá thư.

Đồng ấp Phan Đình nguyên túc hạ,

Tôi với ngài xa cách nhau hè đông đắp đôi mươi bảy năm rồi. Sự đời dâu bể, đường bụi Bắc Nam tuy mỗi người đi một ngả khác nhau, nhưng trong giấc mộng, hồn thường gặp nhau, ngồi nghĩ lại ngày trước giao du với nhau, mỗi tình đắm thắm biết là đường nào?

Từ ngày ngài khởi nghĩa đến nay, nghĩa khí trung can, đều rõ rệt ở tai mắt mọi người. Tôi thường nghe các quý quan nói chuyện ngài, ông nào cũng thở than khen ngợi, và tỏ ý kính trọng ngài lắm. Cho hay tấm lòng nghĩa khí tôn thần, dầu là người nước khác cũng đều chung một tâm tình ấy, chứ không phải chỉ những người cùng thanh khí với nhau mới vậy.

Ngày kinh thành thất thủ, ngự giá xuất bôn ngài khẳng khái đứng ra ứng nghĩa, kể sự thế lúc bấy giờ ngài làm như vậy là phải lắm, không ai không nói như thế. Sự thế gần đây, thử hỏi việc có thể làm được hay không? Dầu kẻ ít học thức, kém trí khôn, cùng đều nói là không được. Huống chi ngài là người tuấn kiệt, há lẽ không nghĩ tới điều đó hay sao? Tôi trộm xét chủ ý của Ngài chắc cũng cho rằng: ta cứ làm theo sức ta, đem hết tài năng của ta, việc nên làm mà làm là ở nơi người, còn việc nên được hay không là ở nơi Trời, ta chỉ biết đem thân này hứa cho nước đến chết mới thôi. Bởi vậy, ngài cứ việc làm cho đến cùng, không ai có thể làm biến đổi cái chí ấy được.

Tôi thấy tình trạng quê hương mà lấy làm đau lòng! Những muốn đem ý kiến hẹp hòi ngỏ cùng lượng cao minh soi xét: mấy lần mở giấy ra, mài

mực rồi, toan đặt bút xuống viết, lại gác bút thở dài!

Sao vậy? Tôi liệu biết can trường của ngài cũng như sắt đá không thể lấy lời nói mà chuyển động nổi, khác tình khác cảnh, xa mặt cách lòng, lời nói của tôi chưa chắc lọt vào nơi Ngài, dầu cho có lọt vào nơi Ngài chẳng nữa cũng chưa hẳn lọt vào tai Ngài, chẳng qua chỉ để cho cố nhân cười mình là thẳng ngu vậy!

Nay nhân quan Toàn quyền trở lại, đem việc tỉnh ra bàn bạc với tôi có khuyen tôi nên sai người đến tỏ ý cùng Ngài biết rằng: Ngài là người hiểu biết nghĩa lớn, dầu không bận lòng tưởng nghĩ đến thân mình, đến nhà mình chẳng nữa thì cũng nên nghĩ cứu vớt lấy dân ở trong địa phương mới phải. Lời nói ấy, quan Toàn quyền không nói với ai mà nói với tôi, vì biết tôi với Ngài có tình đồng hương cố cựu với nhau, vậy có lẽ nào tôi làm thình cho dặng?

Như quan Toàn quyền muôn dậm tới đây mà còn có lòng băn khoăn lo nghĩ tới dân mình như vậy, huống chúng ta sinh đẻ lớn khôn ở đất này có cha anh tôn tộc ở đó mà một sớm đành đoạn đứt tình, thì rồi trăm năm về sau người ta sẽ bảo mình ra sao?

Ôi! Phàm làm người trên vì đức, dưới vì dân, người trung với vua ắt có lòng lo thương dân, chưa từng có ai không biết thương dân mà bảo là trung với vua bao giờ. Việc của Ngài lâu nay, bảo rằng trung thì thiệt là Trung, duy dân ta có tội gì mà vương phải nông nổi lăm than này, ấy là lỗi tại ai?

Tôi nghĩ nếu như Ngài cứ khẳng khẳng làm trản tới mãi thì e rằng toàn cõi Lam Hồng đều bị vạ lây, chứ không phải chỉ một làng Đông Thái chịu tai họa mà thôi đâu. Nếu bảo là đã vì thiên hạ thì không đoái tưởng đến nhà nữa, cũng phải nhường một nhà thì có thể được, chứ bao nhiêu nhà trong một vùng cũng bỏ đi cả, thiết tưởng bậc chính nhân quân tử không lấy làm vui mà hành động như thế.

Tôi suy nghĩ đắn đo mãi vụt lấy làm mừng rỡ mà nói: Lời nói đó tôi có thể trình bày để xin Ngài chỉ bảo cho.

Tuy nhiên sự thế của Ngài như cỡi trên lưng cọp, muốn bước xuống, khó khăn xiết bao!

Nếu như tôi không có chỗ tự tin, thì quyết không khi nào dám mở lời nói liều lĩnh, để di lụy cho cố nhân. May là tôi với quan Toàn quyền, vốn có tình quen biết nhau lâu, lại với quan Khâm sứ ở Kinh và quan Công sứ Nghệ Tĩnh cùng tôi hiệp ý nhau lắm, cho nên trước kia Trần Phiên sứ, Phan Thị Lang, cũng là chỗ thân trong tỉnh trong làng, hoặc bị tội nặng hoặc bị xử đầy rồi, thế mà đều được tôi bảo toàn ổn thỏa cả. Lại như mới rồi ông Phan Trọng Mưu ra thú, tôi dẫn đến các đại hiền quý quan, được các ngài tiếp đón trân trọng như đãi khách quý, và tức thời điện về tỉnh nhà, bắt trả lại mồ mả và tha cả bà con về, khoan dung biết là đường nào! Cứ xem đó, đủ biết lẽ ấy, lòng ấy, dầu là người ngàn dặm xa nhau, vẫn là giống nhau vậy.

Nếu Ngài không cho lời nói tôi là ngớ ngẩn, xin Ngài đừng ngăn ngại một điều gì khác hết, tôi không bao giờ dám để cho cố nhân mang tiếng là người bất trí đâu. Mấy lời đường đột mong lượng cao minh soi xét. Đường tiết sớm mai, chờ tin phúc đáp. Thư chẳng hết lời.

Kinh lược sứ Hoàng Cao Khải¹⁸

Đọc xong thư của Hoàng Cao Khải, cả ông Tiên chỉ và Vũ Cảnh đều đồng ý là họ Hoàng đã rất khôn khéo và dụng công khi thảo bức thư. Họ Hoàng đã đánh vào mặt tình cảm của cụ Phan qua những lời khen ngợi, rồi lại dụ dỗ cụ, cũng với lời dụ là điều gán trách nhiệm cho cụ Phan về những tai họa có thể xảy ra cho cả vùng Lam Hồng. Thêm vào đó là những lời dọa nạt trước khi chấm dứt bằng cách nhắc tới lòng khoan dung của người Pháp.

Ông Tiên chỉ nói:

- Tên Hoàng Cao Khải nó tưởng lung lạc nổi cụ Phan qua ngòi bút khéo léo của nó, nó nhằm, cụ Phan đâu phải là người dễ nó dụ dỗ.

Vũ Cảnh cũng cho rằng không đời nào cụ Phan lại hàng giặc. Cụ sẽ tiếp tục cuộc chiến đấu, không kể đến thành công hay thất bại. Cụ phải vững lòng để tạo niềm tin cho những toán quân Cần Vương ở khắp nơi, những toán quân tuy không do cụ điều khiển nhưng vẫn hướng trông về cụ với

niềm hy vọng cụ sẽ cứu được nước, và mỗi đám quân Cần Vương sẽ là một sức mạnh cùng góp nhau lại để chung diệt giặc Pháp.

Bản sao lá thư của họ Hoàng được phổ biến sâu rộng trong các anh em nghĩa quân ở khắp nơi. Họ truyền tay nhau đọc, cùng nhau bàn luận, nhưng ai cũng tin rằng lời kêu gọi trong lá thư chỉ là lời kêu gọi trên bãi vắng và cụ Phan không phải là con người dễ nản lòng để nghe những lời dụ dỗ của họ Hoàng. Tuy vậy họ vẫn chờ trông thái độ của cụ Phan. Cũng có người hơi hoang mang cũng như những lời bàn tán bất lợi cho nghĩa quân đều tan biến, khi mọi người được đọc bản sao lá thư của cụ Phan trả lời cho tên Việt gian Hoàng Cao Khải.

Lá thư này Vũ Cảnh đã nhận được từ anh em trong ban chỉ huy Nhã Nam trao lại. Chàng mang về cho ông Tiên chỉ đọc, và sau đó, chàng đã phổ biến tới khắp các anh em nghĩa quân vùng Tam Đái, một bản sao đã được chuyển tới đô Giang để đọc cho anh em nghĩa quân trong trại huấn luyện cùng biết. Lá thư phúc đáp của cụ Phan như sau, theo bản dịch của Nguyễn Văn Ba trong *Nho văn Giáo khoa toàn thư*.

Hoàng quý đại nhân các hạ,

Gần đây tôi vì việc quân, ở mãi chốn rừng khe, lại thêm lúc này trời đông giá lạnh thực là vắng vẻ buồn hiu! Bỗng được báo tin là có thư của cố nhân gửi đến. Nghe tin ấy, bất giác bao nhiêu nỗi lạnh lẽo và buồn rầu đều tiêu tan đi đâu hết thấy! Tiếp thư liền mở đọc, trong thư cố nhân chỉ bảo mọi điều họa phúc, bày tỏ những điều lợi hại, tôi rất hiểu tấm lòng cố nhân, không những chỉ tính việc an toàn cho bản thân tôi, mà thực muốn mưu sự yên ổn cho cả toàn hạt của chúng tôi nữa, tuy là cách xa ngàn dặm nhưng chẳng khác gì được cùng ngồi một nhà, đối thoại với nhau, những lời gan ruột của cố nhân, tôi đã thấu tỏ.

Tuy nhiên cảnh ngộ và tâm tư của tôi, có chỗ muốn vẫn khó nói ra được. Thiết tưởng sự thể thiên hạ ngày nay như thế kia, mà tài sức của tôi như thế này, không những như cố nhân đã nói: Lấy cánh tay con bộ ngựa mà cản trở muôn cỗ xe, mà lại còn tệ hơn thế nữa!

Song tôi thiên nghĩ: nước ta tự mấy ngàn năm nay, đất đai chẳng rộng, tiền của chẳng giàu, quân lính chẳng mạnh, chỗ ỷ thị để dựng nước chỉ là cái gốc vua tôi, cha con theo năm đạo thường mà thôi. Xưa kia, các nhà Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh bên Tàu đã bao phen chực chiếm lấy đất ta để làm quận huyện của họ, mà rốt cuộc không chiếm nổi. Xem như nước Tàu với nước ta, cỗi đất liền nhau, sức mạnh thì họ hơn ta gấp vạn lần, chung quy họ vẫn không thể ỷ mạnh mà hiếp ta được. Lẽ ấy không có gì khác cả, non sông nước Nam đã do trời phân định rõ ràng, nền nếp thi thư vốn là chỗ để cho ta có thể nương cậy. Nay người Tây với mình, cách xa nhau không biết mấy ngàn vạn dặm, thế mà họ vượt bể qua đây, đi đến đâu như gió lướt tới đó, nhà vua phải chạy, cả nước lao xao, thế là toàn thể quốc dân tự chìm đắm chưa biết đến đâu, chứ có phải chỉ một châu hay một nhà nào riêng chịu lầm than khốn đốn!

Năm Ất Dậu, xa giá thiên tử ngự đến Sơn Phòng Hà Tĩnh, khi ấy tôi còn đang mang tang bà mẹ, chỉ biết đóng cửa cư tang, há dám nghĩ đến việc gì khác. Song vì mình là con nhà thế thần, nên được nhà vua tuyên triệu nhiều lần, cho nên cực chẳng đã, phải gắng gổ đứng ra vâng mệnh.

Gần đây Hoàng thượng lại đặc lược giao phó cho việc lớn, ủy thác cho quyền to. Ấy, mạng vua thế đó, giả sử cố nhân ở vào hoàn cảnh của tôi, có thể từ chối trốn tránh được không?

Cho đến nay, trải mười năm trời, những người theo việc nghĩa, hoặc có kẻ đã bị chém giết, hoặc có kẻ bị tù tội, mà lòng người trước sau không hề nao núng, không hề chán nản, trái lại họ vẫn xuất tài, xuất học giúp đỡ tôi, và số người ra theo tôi ngày càng thêm nhiều. Há có phải người ta lấy điều tai họa hiểm nghèo làm sự vui thú thềm khát gì đâu! Chẳng qua vì họ tin lòng tôi đó thôi. Lòng người như thế, túng sử cố nhân ở vào cảnh ấy, liệu chừng có thể bỏ mà đi cho đành không ?

Mặc cho cảnh nhà hương khói vắng tanh, bà con xiêu bạt, tôi chẳng dám đoái tưởng đến. Đối với kẻ thân còn không dám đoái tưởng, huống chi là đối với người sơ! Đối với kẻ gần còn không dám đoái tưởng, huống chi là đối với kẻ xa! Vả chẳng, hạt ta sở dĩ phải chịu lầm than đến thế, không phải do việc binh đao gây nên nông nổi. Mỗi khi quân Pháp đến, có lũ tiểu

nhân người mình ủa ra xu phụ, những kẻ không có tội gì cũng bị chúng đâm thọc, đặt nên tội tình, rồi thì bữa nay đánh hạch thế nọ, ngày mai xử phạt thế kia: phàm những thủ đoạn có thể ỷ dụng để vơ vét của dân, không thủ đoạn nào mà chúng không dùng đến. Tệ hại tung ra trăm mối, quan Pháp không thể nào biết hết nỗi đau khổ của dân nơi làng xóm, như vậy thì bảo làm sao dân không đến nỗi điêu linh?

Cố nhân với tôi cùng sinh ở Châu Hoan, mà hiện cố nhân ở xa cách ngàn muôn dặm còn có lòng đoái tưởng đến quê hương, hướng chi tôi đây đã từng lấy thân chịu đựng và tự mắt trông thấy. Khốn nỗi, cảnh ngộ bó buộc sức mình chẳng làm được như lòng mình muốn, thì cũng phải đành vậy, chớ không biết làm sao hơn được. Nay cố nhân đã thấu rõ mà đoái cập đến như vậy, xin cố nhân hãy tự đặt mình vào cảnh ngộ của tôi mà suy nghĩ xem, thì tự nhiên thấy rõ tâm sự của tôi, không cần tôi phải dài dòng bày tỏ. Nhân buổi sơ dương giải tiết, cầu chúc cố nhân bình an.

Lời lẽ trong thư của cụ Phan thật lễ phép nhưng thật cương quyết. Khi viết lá thư này, chính là lúc nghĩa quân tại Ngàn Trươi đang có nhiều thắng lợi và quân đội cụ Phan đã làm cho bọn Pháp và lũ tay sai mất ăn mất ngủ. Những tin thắng lợi của cụ Phan, cũng như mọi biến cố xảy ra trong quân ngũ cụ, ở ngoài Bắc, những đám quân Cần Vương đều theo dõi. Khi tướng thân cận và đảm lược của cụ là Cao Thắng bị tử thương trong khi giao chiến với quân Pháp, anh chị em nghĩa quân các nơi đều hay tin và mọi người đã đau xót như chính cụ Phan đã đau xót với cái chết này.

Đọc lá thư trả lời của cụ Phan, ông Tiên chỉ đã nói:

- Tôi biết trước, có đời nào cụ Phan lại chịu khuất phục họ Hoàng và để cho ngòi bút của họ Hoàng lung lạc!

Vũ Cảnh cũng nói với đô Giang:

- Thật là phấn khởi, và lá thư của cụ Đình nguyên đã là một gáo nước lạnh hắt vào mặt tên Hoàng Cao Khải. Anh đô nên trình bày với các anh em trong trại huấn luyện để kích thích họ, làm cho họ hăng hái thêm! Và anh đô cũng cho họ biết hiện nay quân Cần Vương ở Ngàn Trươi đang có

những thắng lợi, và những thắng lợi này đã khiến cho bọn Pháp và tay sai lo sợ, nên chúng mới dùng tới sách lược chiêu hàng.

Hai lá thư của họ Hoàng và cụ Phan đã là câu chuyện thường xuyên giữa các anh em nghĩa quân. Và nhắc tới lá thư cụ Phan trả lời cho họ Hoàng, ai nấy đều thêm tinh thần chiến đấu, và mọi người đều noi gương cụ Phan thề quyết không chịu thua giặc Pháp.

X

NHỮNG KHÓ KHĂN



Dân làng Hội Hợp xôn xao! Từ sáng quân lính khố xanh từ Vĩnh Yên kéo về vây quanh làng. Có cả viên tri huyện Tam Dương đi cùng. Dân làng không ai được ra vào, ai chưa kịp ra đồng làm việc đành ở lại nhà, mà những ai đã ra đồng rồi muốn trở về không được. Các đường ngang ngõ ngách đều có lính ngăn chặn. Người nhà nọ muốn đi qua nhà kia cũng khó, có khi lính khố xanh cũng đuổi về. Rồi mấy tên mật thám đi theo bắt gặp bất cứ ai chúng cũng nắn túi lần người. Có một mảnh giấy gói thuốc lòn chúng cũng giở ra đọc.

Viên tri huyện, viên chỉ huy trại khố xanh Vĩnh Yên cùng mấy tên tùy tùng sau khi đã vây làng kéo nhau tới nhà Lý trưởng, bắt Lý trưởng dẫn tới nhà ông Tiên chỉ. Có mấy tên thơ lại đi theo biên biên chép chép. Chúng hỏi gặng Lý trưởng có biết trong nhà ông Tiên chỉ chứa quân giặc không? Ngay tình Lý trưởng đáp:

- Con chẳng thấy có giặc giã nào cả. Có thể con rể cụ Tiên thỉnh thoảng ở Nam lên ở vài ngày lại về.

Độc giả đừng lấy làm lạ khi Lý trưởng lại xưng con với viên trại trưởng Pháp cũng như với viên tri huyện và những người đi theo biên chép, xưa nó như vậy, và nề nếp sống phong kiến, là như thế. Giá trị con người bị hạ thấp ngay từ trong cách xưng hô. Tự xưng mình là con, và phải gọi chúng nó là quan lớn, không như vậy sẽ bị ghép vào tội bất kính. Lý trưởng có thể chỉ vì một câu xưng hô bị cách chức, còn người dân, khi bị coi là bất kính có thể bị đánh đập, bị giam giữ. Vì một câu chuyện không đâu, một tên lính

lệ cũng dám thẳng tay tát vào mặt một người dân, và người dân ngoài việc bị đánh đập còn có thể bị mất tiền nông của cải với bọn hống hách tay sai của Pháp nữa!

Nghe Lý trưởng trả lời không có giặc, viên tri huyện trợn mắt nói:

- Mày nói láo, mật thám đã dò xét đích xác làng này có giặc, hôm nay các quan mới đến vây bắt. Mày bảo chỉ có con rể thẳng Tiên chỉ thỉnh thoảng lui tới, thì đây giặc đây.

Lý trưởng dạ dạ vâng vâng không cãi!

Bọn chúng hùng hổ theo chân Lý trưởng tới nhà ông Tiên chỉ, thật đúng là một lũ khuyến ứng, khuyến phạt và đáng điệu hành động lối đầu trâu mặt ngựa.

Theo với Lý trưởng có mấy tên tuần đinh. Chúng lăm lét nhìn tên trại trưởng người Pháp và viên tri huyện, chúng lại nhìn lại Lý trưởng, ông thầy của chúng đi bên cạnh với vẻ khúm núm sợ sệt. Chúng lấy làm lạ khi nghe hỏi nhà ông Tiên chỉ chứa giặc. Thực ra thì chúng có biết Vũ Cảnh ở đây, nhưng không ở thường xuyên. Theo chúng, thỉnh thoảng Vũ Cảnh mới lui tới nhà bố vợ chưa cưới! Thì anh con trai nào chẳng vậy khi sắp cưới vợ cũng như đã cưới vợ rồi, thỉnh thoảng cũng lui tới nhà vợ! Những việc làm của Vũ Cảnh, dân làng Hội Hợp ít ai biết, kể cả Lý trưởng, những người biết thì lại chính là những người có tâm huyết, ủng hộ sự khởi nghĩa chống Pháp, mà những người này họ kín mồm kín miệng lắm.

Đến nhà ông Tiên chỉ, chúng chia lính và lũ mật thám đứng chặn khắp nơi, từ cổng chính, cổng ngang đến cửa mạch. Như đã biết trước, ông Tiên chỉ khăn áo chỉnh tề đón chúng. Vốn biết ông là một nhà nho học, từng đã đỗ nhị trường, viên tri huyện nói rõ cho viên quan lính người Pháp hay, nên tên này cũng không có thái độ bất kính hỗn xược như hẳn đối với Lý trưởng, ông Tiên chỉ mời mọi người vào nhà trên nơi tiếp khách, ngay gian giữa nhà thờ. Ông thừa biết chúng đến về việc gì, nhưng ông vẫn kính cẩn hỏi:

- Bẩm các quan, chẳng hay các quan đến nhà chúng tôi có việc gì?

Viên tri huyện thông ngôn lại, tên quan người Pháp nói xí xố mấy câu, được dịch lại cho ông Tiên chỉ nghe:

- Quan lớn được có người báo cho biết nhà ông Tiên chỉ có chứa giặc nên quan lớn tới xét! Chứa giặc tội nặng lắm! Giặc ở đâu? Ông Tiên chỉ bắt trói chúng nó nộp cho quan lớn, quan lớn sẽ khoan hồng cho!

Ông Tiên chỉ:

- Người nào báo quan lớn như vậy, họ đã báo bậy. Chúng tôi học đạo thánh hiền, đọc sách thánh hiền há lại không biết làm giặc là bất trung sao? Chứa giặc là đồng lõa với giặc thì cũng là bất trung, việc đó có đời nào chúng tôi làm!

Viên quan lính Pháp bảo:

- Quan lớn có thông tin riêng mật báo. Quan lớn đã cho người dò xét lại, nhà ông Tiên chỉ thỉnh thoảng có người lạ mặt lui tới nhiều, những người lạ mặt đó chính là giặc đấy!

- Những người mật thám của quan lớn cũng đã dò xét sai. Nhà tôi làm gì có nhiều khách lui tới. Quan lớn cứ hỏi Lý trưởng hay bất cứ một người dân trong làng này sẽ rõ! Có người lạ lui tới, chúng tôi giấu làm sao được dân làng. Có thỉnh thoảng thằng con rể tôi ở Nam Định lên chơi nó ở một vài ngày lại về! Chẳng lẽ con rể tôi là giặc hay sao?

Thái độ cứng rắn và đường hoàng của ông Tiên chỉ làm cho viên quan lính người Pháp lẫn viên tri huyện không biết xử trí ra sao. Sau cùng, chúng xin phép ông Tiên chỉ cho quân lính đi khám nhà.

Chúng lục lọi nhà ông Tiên chỉ kỹ lắm, từ sáng tới quá trưa, tất cả những ngõ ngách từ chuồng lợn, chuồng gà chúng đều ngó mắt tới sợ ông Tiên chỉ có giấu giặc ở những nơi này chẳng? Khám phòng của Vũ Cảnh, chúng bắt gặp mấy tờ giấy, chúng trình viên tri huyện. Thì đây là những bài cổ thi Vũ Cảnh chép lại để thỉnh thoảng ngâm nga. Mặc dù biết đây chỉ là mấy bài thơ cổ chép lại, nhưng lại toàn là những dòng thơ cảm khái như thơ của Đặng Dung nên chúng đã tịch thu luôn. Viên tri huyện như lấy tình thân mật, bảo ông Tiên chỉ:

- Loại thơ ca này, ông Tiên chỉ sao chép làm chi, người Pháp họ có thể hiểu lầm đó.

- Bẩm quan lớn, những bài thơ này có nói gì đến người Pháp đâu!

- Ấy thế nhưng giọng thơ có vẻ chống đối các nhà cai trị, là họ ngộ nhận đấy.

- Quan lớn đã dạy thế, từ nay tôi sẽ loại hết các lối thơ này không ngâm nga nữa

Viên tri huyện dịch lại cuộc đối thoại của mình với viên quan lính Pháp. Viên này bảo ông Tiên chỉ:

- Ông Tiên chỉ nên cẩn thận đừng để chúng tôi nghi ngờ. Người Pháp, chúng tôi rất trọng những người có học vấn như ông, và chúng tôi mong mỗi sự cộng tác của ông để trừ giặc!

Rồi đột nhiên hăn hỏi:

- Thằng con rể của ông bây giờ có ở đây không?

- Nó có ở đây đâu, thỉnh thoảng nó lên vài ngày rồi lại nó về Nam Định vì nó còn có bố mẹ già.

Viên quan lính Pháp không nói gì nhưng có vẻ suy nghĩ.

Hăn hỏi:

- Con rể ông khi lên đây nó có đi đâu không? Và nó có bạn bè gì tới chơi đông không?

- Nó lên thăm vợ chồng tôi, đường xa lên tới nơi mệt nhọc nằm nghỉ cả ngày ở nhà, rồi chỉ một hoặc hai hôm là lâu nó lại về với bố mẹ nó. Còn bạn, ở đây nó là người lạ, làm sao có bạn nào được. Có thỉnh thoảng vài thằng em họ nó thấy anh lên thì cũng tới chơi ăn cơm và uống rượu!

Những lời của ông Tiên chỉ rất hợp lý. Bọn quan lính Pháp và viên tri huyện kéo nhau ra, sau khi không có chứng cứ gì để có thể bắt bớ được một ai. Viên quan lính Pháp trước khi ra về còn bảo Lý trưởng Hội Hợp:

- Vùng này nhiều giặc lắm, chúng đánh đồn cướp phá rồi lẫn vào các làng, Lý trưởng phải cho tuần phiên canh giữ cẩn thận nghe!

Lý trưởng vâng vâng dạ dạ. Bọn chúng kéo nhau ra về rầm rập một lũ người đầu mã diện!

Bọn Pháp và tay sai đi khỏi, ông Tiên chỉ liền vội vã sai người nhà lên báo cho Vũ Cảnh lúc đó đang ở trại huấn luyện tại khu rừng Liên Sơn, giáp chân núi Tam Đảo. Cũng là một điều may mắn, hôm đó Vũ Cảnh không ở nhà. Thực ra đã từ lâu, từ ngày làm lễ thành hôn với Giáng Thu, Vũ Cảnh

lại thừa ở nhà ông Tiên chỉ hơn trước, chàng có mặt nhiều hơn ở trại huấn luyện để khuyến khích anh em nghĩa quân mới tham gia công cuộc cách mạng chống Pháp.

Nhân đây xin nói qua về việc phối ngẫu giữa Vũ Cảnh và Giáng Thu. Trước đây, họ Vũ tính đợi khi hoạt động thành công lo việc trăm năm, nhưng mẹ chàng sau khi đã lên thăm ông Tiên chỉ, đã thúc giục con lo việc cưới xin cho xong, và cha chàng cũng như ông Tiên chỉ đều đồng ý. Công việc hoạt động chống Pháp là công việc trường kỳ, còn hôn nhân là việc cần lo cho xong, người con gái chỉ có một thời. Vì vậy Vũ Cảnh đã vâng lời cha mẹ và ông Tiên chỉ, xúc tiến việc hôn nhân.

Cưới xin xong, Giáng Thu về Mộ Trạch ở với cha mẹ chồng, giúp đỡ gia đình nhà chồng trong việc canh nông, lâu lâu Vũ Cảnh lại ghé về nhà thăm cha mẹ và thăm vợ một vài ngày. Những lúc này vợ chồng tha hồ hàn huyên, hết những câu chuyện liên quan tới hoạt động chống Pháp của Vũ Cảnh đến câu chuyện văn chương. Vợ chồng thật là tâm đầu ý hợp. Tuy nhiên, thương vợ nhưng Vũ Cảnh không hề quên bốn phận của mình, chàng vẫn hăng hái với bốn phận đã được cụ Phan tín nhiệm và đã được chiến khu Nhã Nam ủy thác. Chàng vừa làm công việc tuyên truyền đặc lực, lại là một liên lạc khôn khéo, đã tránh được sự nguy hiểm cho chính mình và cho anh em.

Về phần Giáng Thu, nàng không bo bo theo kiểu nhi nữ thường tình, nàng chia sẻ nỗi lo lắng của chồng đối với non sông đất nước. Và trong những trường hợp nàng đã khuyến khích và thúc giục chồng đừng vì mình mà không làm những việc phải làm.

Hôm viên quản lính Pháp và viên tri huyện tới vây làng Hội Hợp, Vũ Cảnh mới vừa đi khỏi từ trưa hôm trước. Có lẽ một tên do thám nào đã thấy chàng lúc chàng tới Hội Hợp nên đã mật báo với lũ quan thầy. Và cuộc khám xét không có kết quả, chúng ra về, nhưng ông Tiên chỉ hiểu thế nào chúng cũng đã cắt người kín đáo rình mò. Ông không muốn Vũ Cảnh trở về, e chàng sẽ rơi vào tay chúng. Thân chàng tuy là con rể ông, ông cũng không ngại lắm, vì nếu chàng có bị chúng bắt, không có chứng cứ sau một thời gian giam giữ chàng cũng sẽ được ra, nhưng còn việc lớn ai lo. Và lại,

nếu chàng chẳng may bị chúng bắt, tinh thần của anh em sẽ sa sút và có thể, những tổ chức chàng đã tạo nên ở vùng Tam Đái sẽ tan vỡ.

Sai người đi báo Vũ Cảnh, ông đã khôn khéo như sau: Một người nhà đi thăm đồng rồi từ cánh đồng mới đi thẳng lên trại huấn luyện của nghĩa quân tại Liên Sơn!

Ông có biết đâu, cùng với việc vây làng Hội Hợp, thì bọn Pháp cũng đã chia quân lên Liên Sơn để vây bắt anh em nghĩa quân trong trại huấn luyện.

Trải qua những kinh nghiệm, việc tổ chức trại đã rất có quy mô, và sự canh gác đã rất cẩn thận với những sự báo hiệu không phải do người canh gác chạy về báo mà do những mật hiệu riêng như tiếng gọi trâu, tiếng hò hát trên dòng sông Liên Sơn của một vài nữ nghĩa quân.

Khi quân lính khố xanh do viên chỉ huy người Pháp dẫn tiến tới còn cách xa trại chừng ba dặm đường, trong trại đã biết rõ tin. Vũ Cảnh đã họp với đô Giang và các huấn luyện viên lo việc đối phó cách nào? Có chống lại sự tiến quân của giặc Pháp hay tất cả đều rút lui?

Vũ Cảnh nói:

- Rút lui hẳn không được. Quân giặc không gặp sự kháng cự sẽ tiến sâu vào rừng để tìm bắt anh em nghĩa quân. Điều này rất nguy hại, anh em nghĩa quân phần nhiều là những người được tuyển chọn, đang trong thời kỳ huấn luyện, chưa thạo về quân sự để có thể tùy cơ ứng phó với giặc, hơn nữa, súng ống thiếu, nếu quân giặc tràn vào trong rừng, bắt gặp anh em nghĩa quân thì đây là một sự nguy hiểm lắm. Nhưng dùng toàn lực để chống cự lại giặc cũng không được. Chúng đầy đủ khí giới đạn dược lại đông người, việc hành quân của chúng lại có kỹ thuật, có thể chúng còn tiếp ứng, hoặc có hai ba cánh quân tiến theo hai ba lối khác nhau để tấn công vào trại huấn luyện.

Ý kiến của Vũ Cảnh được mọi người công nhận là đúng. Sau một lúc bàn luận, tất cả ban chỉ huy trại huấn luyện đều đồng ý là rút lui vào rừng, nhưng không phải toàn lực rút lui.

Chỉ những anh em nghĩa quân không có súng ống mới rút, cũng phải rút lui tất cả nữ nghĩa quân để tránh sự rủi ro có thể bị quân giặc làm nhục. Những người đã thạo sử dụng súng ống, và đã có phần nào đôi chút kinh

nghiệm về quân sự, sẽ được phân phát số súng ống đạn dược của trại để ở lại giúp ngăn quân giặc. Phải nấp sau những cây lớn hoặc những địa hình thiên nhiên như mô đất cao, tảng đá, đợi giặc tới vừa tầm súng thì bắn. Như vậy làm chậm sức tiến của địch để những người rút lui có đủ thì giờ rút vào sâu trong rừng rậm. Và dù có hạ được một số quân giặc cũng không được ham chiến, khi đến lúc cần, có lệnh rút lui phải tùy cơ rút lui để bảo tồn lực lượng. Cần nhất không được phí đạn, mỗi viên đạn bắn ra phải có tác dụng ngăn cản bước tiến của giặc và nếu có thể phải hạ được một tên giặc.

Vũ Cảnh đi theo cùng đám nghĩa quân rút lui còn đô Giang ở lại cùng ba huấn luyện viên chỉ huy việc cản đường giặc Pháp.

Kế hoạch định xong quân giặc chỉ còn cách trại chừng hai dặm. Vũ Cảnh lập tức đưa các anh em nghĩa quân không có súng ống rút lui, sau khi đô Giang và các huấn luyện viên đã lựa những người có thể ở lại để cầm cự với giặc mà trao súng đạn.

Người rút lui theo ngả rừng, phân tán làm nhiều toán nhỏ, còn người ở lại, được bố trí nấp ở những nơi lợi thế chờ đối địch với giặc. Bên ngoài giặc vẫn tiến, chúng tiến rầm rộ, coi như bên trong trại sẽ không có ai dám đương đầu với chúng. Một viên sĩ quan người Pháp hướng dẫn toán lính khố xanh, mặt sát khí đằng đằng. Khi tới gần nơi trại, tên này mới ra lệnh cho quân lính của chúng tiến hàng một, tên nọ cách xa tên kia một quãng.

Một tràng súng nổ vang lên. Đây là khẩu súng máy của giặc hoạt động, chúng bắn chĩa về phía trại, vừa để thị uy vừa mong phá hủy được những công sự bên ngoài. Phía trong trại vẫn im lìm. Lúc này, đoàn nghĩa quân rút lui đi vào khá sâu trong rừng, còn những anh em ở lại chiến đấu, ai nấy đều đã nấp ở những vị trí an toàn, hòng súng chĩa về phía giặc đang tiến.

Quân giặc sau loạt súng máy vẫn tiến đều. Tên chỉ huy người Pháp hô quân tiến, xung phong. Hẳn yên trí là mọi người trong trại đã đi trốn vào rừng. Hẳn định cho quân lính xông vào đốt phá trại, sau đó sẽ xua quân vào lục soát trong rừng gặp nghĩa quân thì hạ sát.

Vài tên lính chó săn hung hăng tiến lên, trong khi chính viên sĩ quan lùi lại đằng sau, vừa để thúc giục quân lính tiến lên vừa để kiểm soát cuộc tiến quân. Hẳn đi sau, quân lính hẳn không dám lùi.

Đô Vẹo nấp sau một tảng đá, đưa súng nhắm vào tên sĩ quan. Anh đồ muốn hạ sát tên này thay cho bất cứ một tên lính khố xanh nào. Đô Giang, hai huấn luyện viên kia và các anh em nghĩa quân khác vẫn chờ cho bọn giặc tiến tới vừa tầm súng thì nổ cò.

Quân giặc vẫn vừa tiến, vừa bắn. Chúng nhiều đạn thật, những viên đạn bắn phỉ phạm khắp mọi nơi, thấy một bụi rậm là có tên nã đạn vào.

Mấy chị nghĩa quân đóng vai cắt cỏ hoặc lái đò trên sông Liên Sơn khi thấy súng nổ đều lánh xa nơi trại đi ngược lại hướng tiến quân của giặc. Bọn giặc không chút nghi ngờ gì những người này và cho rằng đây chỉ là dân chúng mấy làng lân cận.

Quân giặc tiến còn cách trại chừng vài trăm bước. Có tên bắn lựu đạn vào một gian trại lợp lá. Gian trại bốc cháy. Phía nghĩa quân vẫn không một tiếng súng bắn lại, bọn giặc càng tin là nghĩa quân đã bỏ chạy.

Với cuộc hành quân này, tụi Pháp nhằm mục đích phá tan căn cứ của nghĩa quân và đồng thời nếu có thể thì tiêu diệt được người nghĩa quân nào hay người đó. Theo kế hoạch chúng sẽ đốt phá trại huấn luyện, và sau đó sẽ đi ruồng bắt trước là những nghĩa quân, rồi đến những người tình nghi để xét hỏi. Chúng sẽ hạ sát tại chỗ những nghĩa quân nào chống lại chúng hoặc bị chúng bắt gặp đang chạy trốn.

Chúng vẫn tiến, súng của chúng vẫn nổ! Chúng cầm chắc cái thắng trong tay!

Hai tên lính khố xanh hăng hái sục sạo tiến lên. Phía trong trại từ trước vẫn im lìm bỗng có ba bốn tiếng súng phát ra. Hai tên lính đi đầu ngã gục. Một viên đạn sượt qua mặt tên chỉ huy người Pháp. Tên này nằm rạp xuống đất và cũng hô quân lính của hắn phải nằm theo.

Lúc này súng phía trong trại bắn ra, tuy không nhiều nhưng cũng đều đặn, từng phát một. Bọn giặc ngập ngừng trong cuộc tiến quân.

Rồi đột nhiên, viên sĩ quan Pháp hô to:

- Ăng-na-văng, a-lát-sô¹⁹

Thế là cả toán lính khố xanh ào ạt chạy tiến lên, trong lúc khẩu súng máy của chúng bắn yểm trợ. Phía trong trại, nghĩa quân vẫn bắn ra từng phát

một, một vài tên lính trúng đạn ngã lăn. Bọn giặc tiến vào gần tới trại. Căn trại lúc trước bị trúng đạn vẫn đang bốc cháy, ngọn lửa sáng rực khu rừng.

Bọn lính khố xanh và cả viên sĩ quan Pháp chỉ huy của chúng tiến tới trại. Trong trại vắng ngắt. Từ xa xa, thỉnh thoảng một phát súng lại bắn chĩa về phía chúng, và có thêm những tên lính bị thương hoặc bị chết. Viên sĩ quan Pháp cũng hai lần bị đạn bắn sượt qua. Mặc dù đã tiến tới vào trại nghĩa quân, quân lính của hắn vẫn xối xả bắn vào phía rừng. Viên sĩ quan ra lệnh lục soát chung quanh trại. Phía trong rừng từ bốn mặt thỉnh thoảng lại có súng bắn ra. Viên sĩ quan không dám cho quân tiến sâu vào rừng, tuy vậy cũng có mấy tên khố xanh lập công len lỏi vào rừng cây.

Sau một hồi lục soát, bọn chúng đốt phá hết những căn nhà trong trại. Chúng không bắt được ai và cũng không tịch thu được gì, và trong lúc đó, bọn chúng vẫn làm bia đỡ thỉnh thoảng một vài viên đạn không biết từ phía nào bắn tới.

Hắn ra lệnh thu quân, tự coi như đã đạt được mục tiêu vì đã phá hủy xong những công sự của trại huấn luyện.

Hắn cắt đặt mấy tên lính bắn đoạn hậu để toán quân rút lui.

Từ lúc chúng bắt đầu tấn công đến khi chúng rút lui vào khoảng vài giờ. Ra đến ngoài rừng, gần sông Liên Sơn, viên sĩ quan kiểm điểm lại quân số: Bị chết mất bảy tên lính, bốn tên bị thương, còn mất tích hai tên. Một tên hạ sĩ quan đề nghị đi lùng kiếm hai tên mất tích, hắn lắc đầu nói:

- Bọn kẻ cướp này ghê lắm, đi kiếm chưa chắc đã tìm ra hai người mất tích, nhưng chắc sẽ có thiệt hại thêm. Ta hãy đóng quân ở đây chờ quân tiếp viện lên sẽ hay.

Trong lúc đó, phía trong rừng sâu, dưới một lùm cây, thấp thoáng có bóng người, có tiếng ào ào. Để ý có thể nghe rõ tiếng đàn bà: Gái cắt tai, trai cắt cổ, và tiếp theo tiếng đàn bà này là một tiếng thét lên thất thanh. Chẳng cần phải nói bạn đọc cũng thừa hiểu là chị đồ Vẹo vừa cắt tiết một tên lính khố xanh. Nguyên hai tên lính là hai tên hăng hái đi sâu vào rừng bị mấy tay đồ vật của đồ Giang, xuất kỳ bất ý từ chỗ nấp nhảy xổ ra bắt sống theo thể vật và tước hết khí giới của chúng. Đồ Vẹo đã hạ sát một tên, còn một tên anh để phần chị đồ.

Khi đoàn quân khố xanh của Pháp đã rút lui ra khỏi rừng, Vũ Cảnh tập hợp anh em nghĩa quân lại để kiểm điểm thì nhận thấy không có sự thiệt hại nào về nhân mạng, nhưng có ba người bị thương, thứ nhất là huấn luyện viên Cả Nguyên bị trúng đạn vào đùi. Anh Nguyên đã được mấy anh khiêng ngay vào rừng sâu và băng bó. Thứ hai là đô Kim, cộng tác viên thân mật của đô Giang bị thương nơi tay, còn thứ ba là nghĩa quân Sính, một nghĩa quân của một trong những khóa huấn luyện trước đã được đô Giang và các huấn luyện viên giữ lại. Anh bị thương hơi nặng, vì trúng đạn ở ngực nhưng không đến nỗi nguy tới tính mạng.

Kiểm điểm anh em xong, Vũ Cảnh ra lệnh cho các anh em phải chia thành từng tổp nhỏ và đi thật xa khu vực trại huấn luyện, vì thế nào bọn giặc Pháp và tay sai cũng sẽ trở lại. Chúng sẽ tăng cường bằng quân tiếp viện ở Vĩnh Yên tới. Ba người bị thương được các anh em khiêng tới làng Phần Lạc, sát chân núi Tam Đảo. Tại đây có một gia đình nghĩa quân nhận săn sóc cho ba anh.

Lời Vũ Cảnh nói không sai, ngay chiều hôm đó bọn giặc có quân tiếp viện ở Vĩnh Yên tới, chúng hùng hổ kéo nhau vào nơi trại huấn luyện đã bị chúng đốt cháy ban sáng và chia nhau đi lục soát rất sâu trong rừng. Trước khi tiến về phía nào, chúng bắn rất nhiều, như muốn dùng đạn để quét sạch mọi nghĩa quân, nếu nghĩa quân còn có nơi đó.

Cuộc hành quân của chúng thật vô ích. Chúng không bắt gặp một người nào, chỉ thấy xác hai tên lính chúng gọi theo số là Xáng-Toòng-Xây²⁰ và Cát-tơ vanh-đuì²¹ một tên bị thọc cổ và một tên bị cắt cổ.

Hai tên lính tìm thấy xác hai tên này, bảo nhau:

- Hai thằng Xáng-Toòng-Xây và Cát-tơ vanh-đuì ngu quá, mạo hiểm vào tận đây mà không có yểm trợ, chết là phải.

Lúc này, chúng mới thu dọn chiến trường, bắt dân làng Diện ở gần đó ra nhặt hết xác bọn lính khố xanh tử trận, xếp lên để đưa về Vĩnh Yên.

Sau trận đùng độ và phá hủy xong trại của nghĩa quân, bọn Pháp nhận thấy khu Liên Sơn là một khu có thể gây nguy hiểm cho Vĩnh Yên, và cho sự bình định của chúng, nếu nghĩa quân cứ dùng nơi đây làm căn cứ hoạt

động. Chúng liền đặt ra đồn binh Liên Sơn, lính đồn này sẽ hàng ngày đi kiểm soát những khu rừng chung quanh. Kế đó chúng thành lập bang Liên Sơn, bổ tới đó một viên Bang tá để lo việc cai trị về hành chánh song song với viên đồn Liên Sơn người Pháp, lo về quân sự. Người Pháp cũng lại sức cho các làng xã chung quanh vùng như cai làng Tuần Lũng, Phần Lạc Diện v.v... phải coi chừng không được để cho nghĩa quân mà chúng gọi là giặc vào trong làng.

Về phía Vũ Cảnh, ngay sau hôm đó, chàng đã bàn cùng đô Giang về việc phân tán các anh em nghĩa quân. Tuy khóa huấn luyện còn đang dở dang, nhưng những điều chính cần hiểu về quân sự, cách sử dụng súng, cách thức bò để tiến quân, những động tác căn bản anh em đều đã được chỉ dẫn. Vũ Cảnh nhờ huấn luyện viên liên lạc với chiến khu Yên Thế để thu nhận các anh em này và phân phối vào những chiến khu. Sau đó, ở Tam Đái, bộ tham mưu của trại huấn luyện gồm đô Giang, các huấn luyện viên chính và phụ, cùng nhau làm chòi tạm lánh trong rừng sâu, nơi chắc chắn quân Pháp không bao giờ đi tới và cũng không dám đi tới. Chị đồ Vẹo và vài nữ nghĩa quân cùng ở lại để lo bếp cho anh em và phụ trách công việc liên lạc khi cần thiết. Vũ Cảnh cũng đôi khi có mặt, chàng tiếp tục nhiệm vụ phổ biến chủ trương của các toán cách mạng Cần Vương, lo việc tuyên truyền để thu nhận thêm nghĩa quân và đồng thời cũng gây trong quần chúng tinh thần chống Pháp và ủng hộ nghĩa quân.

Các anh em trong bộ chỉ huy của ban huấn luyện cũng chia nhau đi các nơi để nghe ngóng tình hình và để tìm địa điểm lập trại huấn luyện mới. Công việc không phải là không gặp khó khăn, đôi khi còn gặp nhiều sự nguy hiểm nữa.

Một hôm đô Giang đi tới xã Tuần Lũng để thăm một người trong xã vẫn có liên lạc với anh trong nhiều công tác, nhất là trong việc tìm người để gia nhập nghĩa quân. Anh vừa bước chân vào cổng làng, bỗng có hai người lạ mặt, tiến tới phía anh, bắt anh đứng lại để khám xét. Có lẽ đây là mật thám ở Vĩnh Yên hoặc ở Liên Sơn được Tây gửi tới để dò xét lại xã này. Anh liền rút súng lục ra bắn trúng bụng một người, người thứ hai cũng rút súng ra bắn anh, anh tránh khỏi và bắn tiếp. Tiếng súng kinh động tới dân làng,

tuần phiên trong làng kéo tới. Biết nếu nấn ná sẽ bị nguy hiểm, đô Giang chạy ra phía rừng rồi lẫn vào trong những lùm cây. Bọn tuần phiên muốn kéo nhau đi đuổi nhưng lại sợ súng.

Có một lần, bọn Pháp cho mật thám đi vào tận rừng sâu, nơi mấy anh em đô Giang làm chòi tạm ẩn náu để dò xét. Một buổi trưa, chị đồ Vẹo phát giác thấy hai người lạ mặt lẫn quần kiếm củi và bới củ rừng ở quanh khu bọn họ làm chòi. Chị nói cho chồng hay! Anh đồ Vẹo liền cùng hai người nữa ra bắt bọn họ dẫn vào nơi chòi, một người là đàn ông và một người là đàn bà. Họ tự nhận là dân làng Phần Lạc vào rừng kiếm củi và nhặt củi. Hỏi tại sao họ lại vào quá sâu trong rừng, họ đáp vì ở mé bên ngoài khó kiếm được củ rừng, họ phải mạo hiểm vào rừng sâu mới đào được nhiều củ. Mỗi người mang một chiếc giỏ. Trong giỏ có vài ba củ khoai rừng.

Vũ Cảnh hôm đó cũng có mặt tại chỗ. Chàng bảo các anh chị em nghĩa quân khám xét kỹ lưỡng cả hai người, nhưng không có gì khả nghi, tuy nhiên Vũ Cảnh vẫn ngờ đây là tay sai của Pháp. Đô Giang và đô Kim cùng đồng ý kiến. Điều khiến họ nghi ngờ là những củ khoai rừng trong hai chiếc giỏ không có vẻ là những củ khoai mới đào, mà là những củ khoai đã đào từ đất lên ít ra cũng một vài hôm trước.

Mọi người còn đang trong cảnh nghi ngờ, chợt huấn luyện viên Trọng chỉ vào mặt người đàn ông nói:

- Chúng mày đừng dối trá. Chúng mày là mật thám của Pháp vào đây dò xét chúng tao! Chúng mày phải phải nói thật không tao giết cả hai đứa. Người đàn ông vừa chối vừa run. Lúc ấy chị đồ Vẹo đã xách con dao bầu mổ lợn chị vẫn dùng trong bếp ra. Chị nói:

- Các anh để nó cho tôi. Chúng nó chối, đem chúng nó ra tôi cắt tiết xem chúng nó có chối nữa hay không!

Câu nói của chị đồ làm hai người sợ hãi van lạy xin tha. Chị đồ nói:

- Tha chúng mày làm sao được! Chúng mày cứ chối cãi đi, rồi xuống âm ti mà nhận tội!

Rồi chị không chờ lệnh của Vũ Cảnh nắm tay hắt lòi xềnh xệch đi. Sợ quá, người này xin tha và xin nói thật.

Đúng đây là hai tên mật thám của Pháp. Bọn Pháp nghi ngờ nghĩa quân còn ẩn nấp trong rừng nên lùng riết, nhiều mật thám đi lùng tới khắp mọi nơi. Mỗi người mật thám đều được chúng cấp giấy, và chúng dặn giấy này chỉ xuất trình khi nào bị bắt giải tới huyện hoặc đồn của Pháp, không được đưa cho các cấp dưới hàng tri huyện hoặc trưởng đồn biết. Người đàn bà đã giấu hai tờ giấy của hai người vào mớ tóc vấn trong vấn đầu.

Vũ Cảnh cầm hai tấm giấy xem, mỗi tấm giấy đều có phần chữ Pháp và phần chữ Hán ghi tên họ của tên mật thám, nhiệm vụ của nó và yêu cầu các chức trách Pháp và Việt gian giúp đỡ.

Biết rõ đây là hai kẻ có tội, Vũ Cảnh hất hàm ra hiệu cho đồ Vẹo. Đồ Vẹo liền cùng vợ dẫn hai tên này vào phía rừng đằng sau cách xa chòi chừng trăm bước, vào một lùm cây. Rồi hai tiếng rú phát lên...

Bọn Pháp cho truy lùng gắt gao anh em cách mạng và họ đã biết nhiều người tình nghi hoạt động của nhóm Vũ Cảnh, đồ Giang gặp hết khó khăn này đến khó khăn khác.

Lại nói đến người nhà do ông Tiên chỉ sai đi báo tin cho Vũ Cảnh biết việc giặc Pháp vây làng Hội Hợp và khám nhà ông. Tên người nhà lên đến Liên Sơn, thấy giặc Pháp đang hành quân liền cấp tốc quay trở lại Hội Hợp báo cho ông Tiên chỉ biết. Ông Tiên chỉ rất lo sợ, không biết anh em nghĩa quân có ai mắc tay giặc Pháp không. Ông bảo tên người nhà phải quay trở lại Liên Sơn nghe ngóng, có tin gì chiều về báo lại cho ông hay. Tên người nhà đã khéo léo hỏi thăm nên biết bọn giặc Pháp tuy có vây rừng đốt trại nhưng không bắt được ai, và nghe nói trong bọn chúng đã có mấy tên lính khổ xanh bỏ mạng.

Điều đó làm ông Tiên chỉ vui, nhưng ông vẫn lo Vũ Cảnh trở lại Hội Hợp, ông biết bọn Pháp đã đặt người rình sẵn, Vũ Cảnh trở lại thật khó thoát được tay chúng, ông đành phải cho người ra ngoài đường xa chờ Vũ Cảnh, nếu chàng về báo ngay cho chàng biết! Nhưng Vũ Cảnh đã không trở lại thẳng nhà ông, và nhắn người mời ông cho ngựa tới xã Hoàng Xá phủ Vĩnh Tường để gặp chàng. Tin xã Hội Hợp bị vây và nhà ông Tiên chỉ bị khám xét chàng đã được rõ do sự đồn đại rất mau lẹ của dân chúng.

ĐOẠN KẾT



Trên bãi đất rộng phía sau chùa xã Mộ Trạch, một đám thanh niên tuổi từ mười lăm, mười sáu đến gần ba mươi đang cùng nhau luyện vật, cứ từng đôi một quần nhau khiến đất bụi mù lên. Mỗi khi một chàng bị ngã, hoặc bị đội bóng lên lại có tiếng ồn ào khen hoặc chê, nhưng dù có lời khen chê, kẻ được hay thua keo vật vẫn được nhận thấy cái hơn hoặc cái kém của mình. Đây là tinh thần thượng võ, con nhà luyện tập võ nghệ, thắng càng cố gắng để tiến bộ thêm, thua lại phải cố gắng hơn để một ngày mai đổi thua thành được, không bao giờ có sự ảm ức, oán hận hoặc kiêu ngạo, khinh người qua những keo thua được.

Giữa đám thanh niên luyện tập môn vật với nhau luôn luôn có các bậc đàn anh đã từng được thua hàng trăm keo vật chỉ dẫn, đã từng giữ từ giải nhất tới giải ba trong nhiều hội vật danh tiếng. Trong số các bậc đàn anh có cả Vũ Cảnh, người đã từng vật ngã nhiều tay đô kiệt hiệt, và cũng là người được dân làng coi là một tay văn học và thường gọi một cách kính trọng là NHO SĨ ĐÔ VẬT.

Trước đây có một thời gian đến trên mười năm, Vũ Cảnh bỏ làng đi đâu vắng, Vũ ông và Vũ mẫu nói rằng con đi làm ăn nơi xa, nhưng dân làng đôi khi có người xì xào là họ Vũ đi làm cách mạng đánh Tây. Lời bàn tán thì như vậy nhưng cũng không ai biết đích xác chàng Cảnh đi đâu và làm ăn gì?

Gần đây Vũ Cảnh trở về làng sống với cha mẹ và vợ là Giáng Thu theo nền nếp cổ truyền của dân làng Mộ Trạch. Ai hỏi chàng trả lời vì công việc làm ăn nơi xa thất bại, chàng phải trở về để giúp đỡ cha mẹ trông nom ruộng nương, và cũng để vợ chồng được đoàn tụ thường xuyên. Hơn nữa,

vợ chàng cần có chàng bên cạnh để nương tựa khi trái gió trở trời và dạy dỗ đứa con thơ.

Nhiều người trong làng đã đề nghị chàng mở lớp dạy học để con trẻ trong thôn xóm có thể đến ăn mày dăm ba chữ của Thánh Hiền, chàng còn đang ngần ngại, mặc dù Vũ Công nể lời ông Tiên chỉ và các cụ đã nhận lời khuyên bảo chàng. Chàng định nghỉ ngơi ít lâu rồi sẽ chọn ngày tốt để tuân lời mở lớp dạy đóng vai anh đồ, để Giáng Thu cũng hãnh diện trong vai chị đồ với thôn xã.

Đối với chồng, với một đứa con thơ bốn năm tuổi, Giáng Thu sống rất hòa thuận. Trong những lúc rỗi rãi vợ chồng lại đem chuyện văn thơ ra bàn với nhau, đôi khi có những ý kiến trái ngược, nhưng rút cuộc vẫn là tâm đầu ý hợp.

Trong khi chưa mở lớp học, lại nhân ngày thanh niên trong làng kéo nhau ra bãi đất sau chùa luyện vật dưới sự hướng dẫn của các tay đô kinh nghiệm. Vũ Cảnh theo lời yêu cầu của các anh em đô vật cũng luôn luôn có mặt để giúp đỡ cho đàn em trong xã.

Hôm đó, Vũ Cảnh đang chỉ dẫn thanh niên cách nằm bò bám đất ra sao khi lỡ thất thế, và cách bốc kẻ nằm bò ra sao để có thể thắng cuộc vật thì có người nhà tới nói là có khách tới thăm. Vũ Cảnh xin lỗi mấy tay đô vật khác để ra về tiếp khách. Tưởng khách là ai, chẳng hóa ra đây cũng là hai tay đô vật trứ danh, đô Giang xã Vị Thanh tỉnh Vĩnh Yên, lúc này Vĩnh Yên đã thành tỉnh, và đô Kim xã Chung Mầu tỉnh Bắc Ninh.

Kể từ ngày giặc Pháp nắm vững quyền hành trên hầu hết xứ Bắc và truy lùng gắt gao tất cả các nhóm cách mạng hoạt động chống Pháp thì bọn Vũ Cảnh ở Tam Đái cũng phải tạm thời giải tán. Lúc đó, quân đội cụ Phan ở Ngàn Trươi không còn nữa, cụ Phan đã ốm rồi mệnh chung ngay tại chiến khu, và chiến khu Yên Thế đang trong lúc dưỡng quân, ông Đề Thám đã hòa hoãn với Pháp và cho quân lính tạm thời ngưng súng dùng cuộc cày thay khí giới để khai thác đồn điền.

Trước khi chia tay, các anh em cùng Vũ Cảnh còn hứa hẹn ngày gặp lại, và mỗi người đều ra đi với hoài vọng một thời cơ khác sẽ tới để được đem nhiệt huyết phụng sự non sông!

Trong những đám anh em vùng Tam Đái, Vũ Cảnh chỉ thường gặp đô Giang. Anh đô mến tài và mến đức họ Vũ, thỉnh thoảng lại tìm đến xã Mộ Trạch sống vài bữa để cùng Vũ Cảnh ôn lại chuyên cũ với lòng mong mỗi sẽ trở lại hoạt động trong tương lai.

Ngoài Vũ Cảnh, đô Giang lại vẫn luôn luôn gặp gỡ các tay đô đã từng đứng chống Pháp trong nhóm Tam Đái qua những hội vật. Tay đô vật thân mật nhất với đô Giang là đô Kim, và dù nhóm Tam Đái tuy thất bại, nhưng bầu nhiệt huyết vẫn luôn luôn sôi sục trước những hành động dã man của giặc Pháp cũng như lũ tay sai. Gặp gỡ đô Giang, nhiều lần trong câu chuyện đô Kim đã từng nhỏ lệ trước những sự việc oan ức đau khổ của dân Việt, nhất là trong nhiều trường hợp đô Kim đã được chứng kiến tận mắt!

Lần này, đô Kim vừa từ Chung Mậu tới thăm đô Giang, đô Giang rủ chàng cùng đi Mộ Trạch để thăm Vũ Cảnh. Lúc ấy vào khoảng đầu tháng chín âm lịch. Đô Giang định rủ Vũ Cảnh đi chơi hội làng Hành Thiện tổ chức ngày mười hai đến rằm tháng chín, và nhân thể nếu cần thì anh em vật thử một vài keo để thử sức với các tay đô thiên hạ.

Vũ Cảnh mừng rỡ khi gặp hai bạn đồng chí cũ. Bao nhiêu câu chuyện buồn vui được cùng nhắc trong bữa rượu, trong lúc uống trà nhìn trăng lên ở hoa viên nhà họ Vũ. Giáng Thu cũng niềm nở ra chào hai bạn của chồng nhưng cũng từng là đồng chí của vợ chồng mình.

Nàng đã sửa soạn một mâm rượu thịnh soạn để ba người cùng nhắm. Rượu vào hơi nóng bốc lên, ba tráng sĩ nhắc lại ngày oanh liệt và nguyện quyết cùng nhau sẽ có một ngày tái xuất trên đường cứu quốc diệt thù. Giáng Thu đứng hầu rượu nói góp:

- Các anh làm gì em cũng xin tham dự!

Đô Giang gạt đi:

- Chị đi sao được! Chị phải ở nhà thay anh hầu hạ bác và nuôi cháu.

Vũ Cảnh tiếp:

- Anh đô nói phải, nhưng dù sao rồi ra cũng sẽ có dịp để em góp công chẳng trực tiếp thì gián tiếp!

Bữa rượu của ba đồng chí kéo dài không biết mấy tiếng đồng hồ, nhưng ba người đều cảm thấy thống khoái vì được gặp gỡ nhau và cùng bàn tới việc lớn.

Đô Giang và đô Kim ở nhà Vũ Cảnh liền mấy ngày, cho đến ngày mồng chín tháng chín, theo đề nghị của đô Giang ba người cùng kéo nhau đi Hành Thiện để dự giải vật tại xã này. Giải vật làng Hành Thiện hàng năm tổ chức nhân ngày hội là một giải vật có tiếng nên được các tay đô tứ xứ kéo tới tranh tài rất đông. Trước đây Mộ Trạch và Hành Thiện cùng nằm trong trấn Sơn Nam, nhưng ngày đó, ranh giới hành chánh bị bọn Pháp thay đổi, Mộ Trạch thuộc tỉnh Hải Dương còn Hành Thiện nằm trong địa hạt tỉnh Nam Định. Từ Mộ Trạch tới Nam Định cũng hơi xa, đi bộ cũng mất hơn một ngày đường. Họ tính khi tới Nam Định họ sẽ nghỉ ngơi một vài bữa trước khi vào giữ giải hoặc phá giải. Dọc đường đói nơi đâu tìm quán ăn nơi đó.

Chiều hôm ấy, lúc nắng đã xiên khoai, ba người đi qua một ngôi chợ, không hiểu của xã nào. Có lẽ họ cũng cảm thấy đói, nên khi một người đề nghị vào chợ kiếm bữa ăn, cả ba đều đồng ý. Đây là một ngôi chợ quê nhưng quán chợ xây bằng ngói, và có lẽ chợ họp về chiều, nên tuy nắng xiên khoai mà chợ còn đang đông. Ba người đang lững thững đi trong quán chợ bỗng nghe tiếng gọi thật lớn: Thầy Khóa! Thầy Khóa! Các anh đô! Cả ba đều ngoái đầu nhìn lại phía tiếng gọi. Thì đây là tiếng gọi của một người đàn bà bán thịt lợn. Thấy ba người quay lại, bà hàng thịt vội từ phía phản thịt chạy ra! Đây là vợ đồ Vẹo. Thấy chị, ba người cả mừng và chị cũng rất mừng khi gặp ba người. Chị tút tít hỏi:

- Ba bác đi đâu lại đến đây! Mời các bác vào nhà em đi, nhà em ở gần đây, trong xóm kia!

Vừa nói chị vừa chỉ tay về một thôn gần đó. Chị quay lại phản thịt bảo con gái, lúc đó đang đứng phụ giúp chị bán hàng:

- Con trông hàng cho u! u đưa ba bác về gặp thầy.

Rồi chị nhặt một chiếc chân giò cộc và một tảng thịt khá lớn mang đi. Chị nói với ba người rõ:

- Sau khi công cuộc cách mạng thất bại, anh em mỗi người đi một nơi, vợ chồng chị không dám về làng, vì ngày ra đi anh chị đã giết chính tên thu thuế chợ và tên trưởng tuần, nay nếu trở về làng Ngưu Đại, thế nào họ hàng hai tên này cũng cáo giác. Khi chị đang không biết tính đi đâu thì được một nghĩa quân trong đám giải tán rủ về nơi đây, và đến đây anh chị nhờ sự giúp đỡ của gia đình anh nghĩa quân lại quay về nghề cũ, chồng mổ lợn và vợ bán thịt. Anh chị lại cho người về quê đón hai con tới ở với mình, đứa lớn là một đứa con gái năm đó mười bảy tuổi. Con gái chị nối tiếp nghề của chị, và nó xả thịt những con lợn cũng không kém gì chị. Đã có những lần bố nó mắc bận, mẹ nó đau, nó đã tự tay lấy tiết và làm lông những con lợn, tuy không bằng bố mẹ, nhưng cũng không lúng túng vụng về. Sau này, nếu hoàn cảnh đưa đẩy, nó đi theo bố mẹ trên con đường cách mạng, nó cũng sẽ dám: gái cắt tai, trai cắt cổ những tên bán nước làm tay sai cho giặc ngoại.

Khi chị đồ đưa ba ông khách tới nhà, anh đồ Vẹo đang sửa soạn đi bắt lợn để sáng hôm sau mổ thịt cho vợ con bán. Thấy đồ Vẹo hai ống quần xắn móng lợn, tay áo vén tới trên khuỷu, đầu chít khăn tai chó, tay cầm chiếc thòng lọng, Vũ Cảnh liền tưởng nghĩ tới Chu Hợi thời Chiến quốc cũng chỉ là một đồ tể giết lợn mà sau này đã lưu tiếng anh hùng chỉ vì đã cứu Ngụy Vô Kỵ trong hành động nghĩa hiệp. Thế mà việc làm của đồ Vẹo, có thua gì Chu Hợi, có thể còn khó khăn hơn việc làm của Chu Hợi, Chu Hợi làm rồi chết, nhưng đồ Vẹo làm việc này xong còn phải sống để tiếp tục làm những việc khác! Chết trong trường hợp này thật dễ, sống mới khó.

Thấy ba người tới, đồ Vẹo vút chiếc thòng lọng, vào trong nhà thay quần áo rồi tiếp khách. Anh bảo chị đồ:

- Này, mày liệu sửa soạn cho tao mâm rượu thịt đích đáng để tao với ba bác say một trận cho đã. Tao có nhiều chuyện muốn nói với ba bác.

- Nhà đừng lo, tôi đã xách về một chiếc giò cộc và một tảng thịt to, tha hồ bốn ông nhắm!

Đồ Vẹo lại bảo vợ:

- À, rồi mẹ con phải liệu bảo nhau tới nhà Ba Hót mà bắt lợn; rồi sáng mai lo mà mổ với nhau. Nhớ hãm tiết đánh cho chúng tao mấy đĩa tiết canh và có đủ lòng lợn để chúng tao nhắm rượu ngày mai nghe!

Chị đồ Vẹo nhất nhất vâng lời chồng, tỏ ra là một người vợ rất dễ bảo.

Khăn áo chỉnh tề, đồ Vẹo tiếp ba ông khách nơi nhà lớn. Sau mấy câu hỏi thăm, đồ Vẹo nói:

- Thưa ba bác, đàn em bây giờ không phải là đồ Vẹo nữa, đàn em được người làng ở đây gọi là Lái Vênh. Lái là lái lợn, mua lợn về mổ thịt, còn Vênh là tên em tự đặt thay cho Vẹo, Vẹo hay Vênh cũng vậy. Từ khi nhóm ta giải tán, về đây em buồn lắm tuy làm ăn không túng thiếu, nhưng hai vợ chồng em cứ luôn luôn nhớ tới những ngày ở chiến khu Yên Thế, nhất là những ngày ở Tam Đái. Đã mấy lần đàn em toan lên Vĩnh Yên, đến Vị Thanh tìm anh đô, vừa nói anh vừa hướng về phía đô Giang, nhưng không biết anh đô có nhà không, hay lại lang bạt kỳ hồ đi đâu mất. Hôm nay gặp bác, đàn em thật thỏa lòng mong đợi, và đàn em tin chắc các bác cũng đã nhớ tới việc làm lại những việc đã làm. Các bác chớ quên đàn em!

Vừa lúc ấy, chị đồ Vẹo xách siêu nước lên pha trà. Nghe chồng nói với ba ông bạn, chị nói góp:

- Các bác có đi cho nhà em đi, em cũng đi theo. Sống với các bác, nhiều lúc nguy hiểm nhưng em thấy cũng vui. Bây giờ lắm lúc em thật nhớ những ngày ấy. Ở đây bình an, có ăn có mặc, vợ chồng em làm ăn cũng được, nhưng em vẫn thấy buồn buồn, và đôi khi thấy lũ lính tráng hỗn hào em giận lắm!...

Chị đang nói, anh đồ ngắt lời:

- Đàn bà chỉ hay ba hoa! Xuống bếp mau lo làm mâm cơm để chúng tao nhắm rượu!

Chị nguýt chồng bảo:

- Anh hay nhỉ, anh nói tôi cũng nói chứ! Mà tôi muốn đi với anh thật chứ đâu có phải tôi ba hoa! Anh chỉ được cái hay lẩn át!

Chồng chị nói:

- Mà lại đi nữa, bây giờ hai đứa con ai trông? Để lại cho chúng nó về làm phiền ông bà nội chăng?

- Làm gì phải ai trông! Chúng nó lớn rồi, con chị trông thẳng em là đủ. Con chị nó cứ tiếp tục bán hàng, thẳng em giúp đỡ, sẽ xong hết!

Vũ Cảnh nghe hai vợ chồng đồ Vẹo nói với nhau, liền bảo:

- Chị cứ yên chí! Chúng tôi trở lại hoạt động chống Pháp sẽ có anh chị đi theo, và chị sẽ lại có dịp *gái cắt tai, trai cắt cổ* lũ thân Tây bán nước, công răn căn gà nhà!

Chị đồ cười, lẳng lặng bưng ấm nước đá đã pha trà đặt lên bộ ngựa để chồng mời khách, rồi xách chiếc siêu không đi xuống bếp.

Toan Ánh

Chú thích

[[← 1](#)]

Thực ra là chính quyền bù nhìn, thân Pháp (BTV)

[← 2]

Phan Đình Phùng

[← 3]

Thái Lan bây giờ

[← 4]

ngân

[← 5]

Sống ta cũng ham muốn, nhưng có cái ham muốn còn hơn sinh mệnh nữa, cho nên không chịu cầu thả mà giữ lấy sinh mệnh. Chết ta vẫn ghét, nhưng có cái đáng ghét còn hơn sự chết nữa, cho nên gặp hoạn nạn không trốn tránh.

[← 6]

Tên này là một tên phản bội, sau này đã ăn tiền của Pháp phản lại ông Đề, ám hại ông.

[← 7]

Cuộc chống Pháp của ông Đề Thám kéo dài tới năm 1919, ở đây chúng tôi chỉ thuật lại tới đầu năm 1894.

[← 8]

Tác giả hai tập thơ cũ: Sơn Nhân nhả bút và Bút Linh Động.

Theo Nguyễn Hiến Lê trong *Đại cương văn học sử Trung Quốc, cuốn II* thì bài này kém bài của Thôi Hiệu, song như vậy không phải tài Lý Bạch kém tài

Thôi Hiệu đâu (Trang 113)

Theo Nguyễn Văn Ba trong nho văn thì “Lý Bạch làm thơ tả tình cũng như Thôi Hiệu. Tình mỗi người mỗi khác tuy cảnh có thể giống nhau. Đi sâu vào tâm hồn của tác giả, ta nhận thấy hai nỗi buồn của hai nhà thơ được gởi trong hai câu kết. Nỗi buồn của Thôi Hiệu là nỗi buồn của người xa xứ, băng khuâng với tình nhà. Còn nỗi buồn của Lý Bạch là nỗi buồn của con người trung kiên, tha thiết với vận nước, buồn vì thấy đám tiều nhân thao túng triều đình khiến cho kẻ hiền tài không được trọng dụng, mà lại còn thấp thỏm lo sợ cho vận mệnh của chính mình”. (Trang 301)

[← 11]

Câu đối của Đông Xuyên, chúng tôi thay chữ Đức của tác giả bằng chữ Chí cho hợp với câu chuyện.

[← 12]

du ngũ = ru ngũ (người Bắc xưa không đọc uốn lưỡi chữ du).

[← 13]

Thơ của tác giả (Toán Ảnh)

[← 14]

Bản dịch Toàn Ảnh

[← 15]

Quy lát: theo chữ Pháp - Culasse, sắc- giờ theo chữ Pháp - Chargeur là bằng đạn.

[← 16]

của quý

[← 17]

bát chiết yêu = bát nhờ mức canh, bún..., thật nhỏ ở phía đáy.

[← 19]

En avant, à l'assaut (Tiến lên xung phong)

[← 20]

136 (cent trente six)

[← 21]

92 (quatre vingt douze)

Table of Contents

[Chú thích](#)